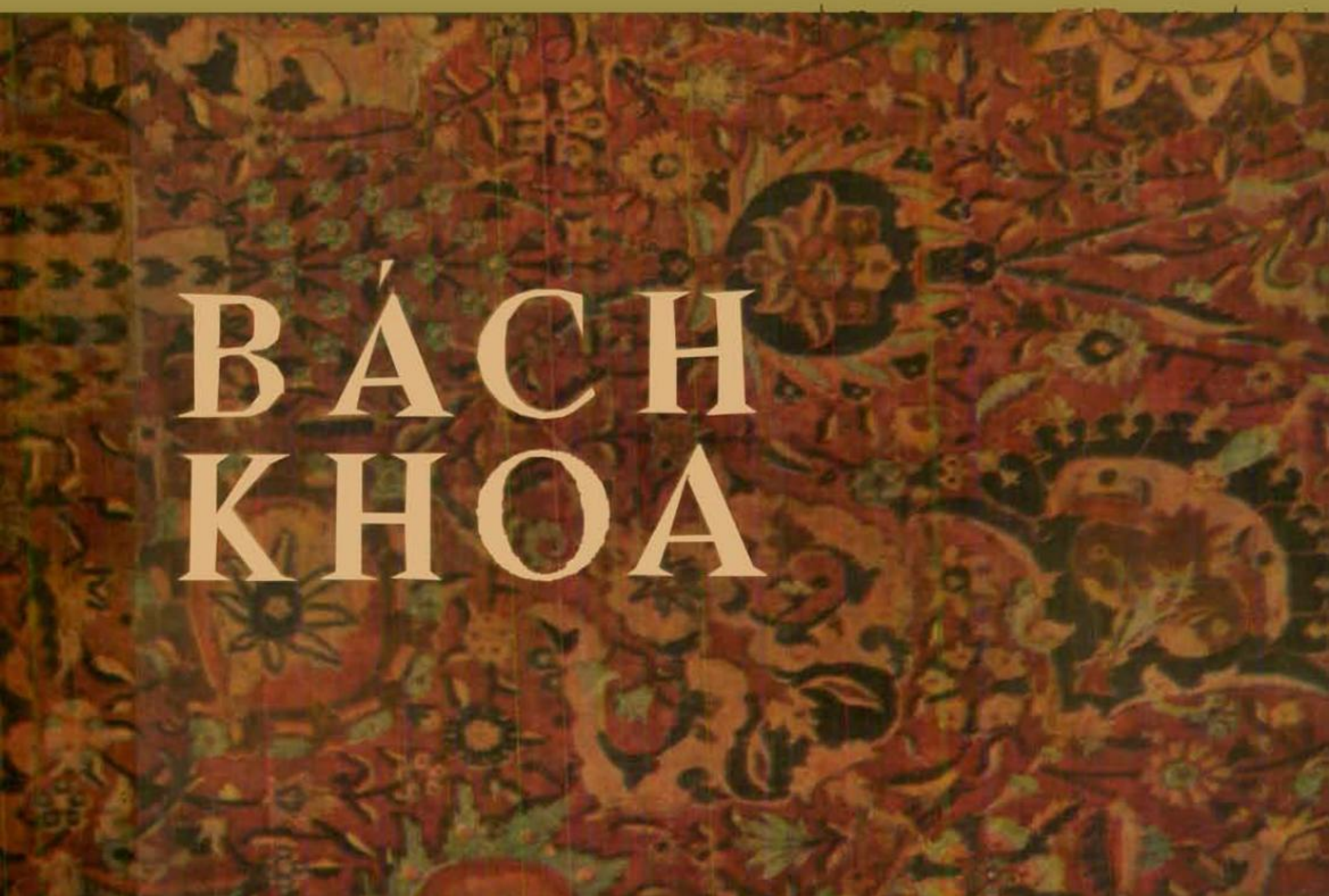




BÁCH KHOA

XUÂN KỶ-HỢI
Số 50-1-2-1959

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh « **Eau-de-vie cũ** » 40° và 50°
— Rượu Tàu « **Lão-Mạnh-Tửu** »
— Rượu Tàu « **Ích-Thọ-Tửu** »

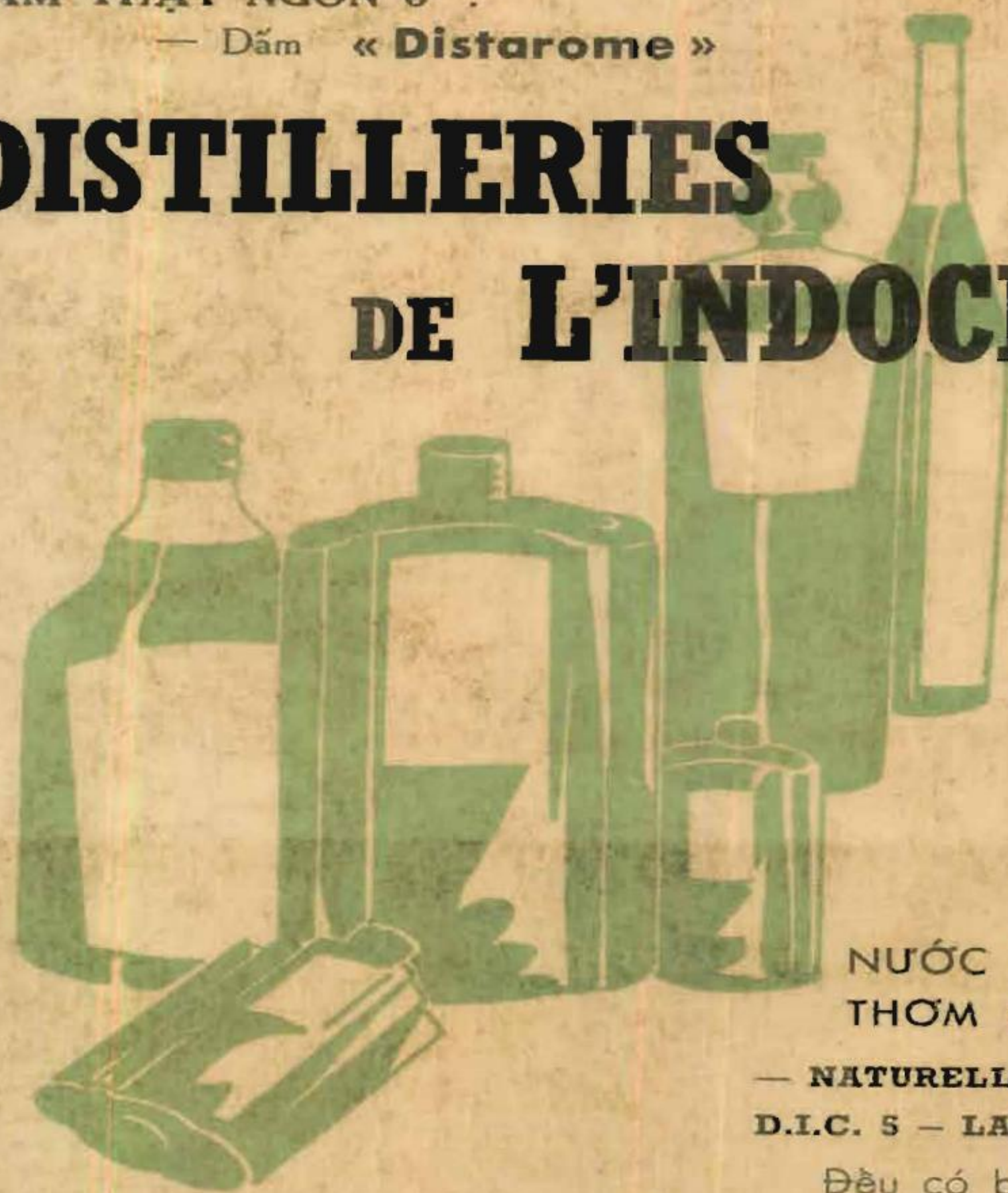
SI - RÔ « **Verigoud** » :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm « **Distarome** »

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « **D.I.C.** » :

— NATURELLE — FOUGÈRE —
D.I.C. 5 — LAVANDE — STELLA

Đều có bán khắp nơi

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)

135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG-TY THƯƠNG-MẠI, KỸ-NGHỆ và TIÊU CÔNG-NGHỆ
(**S.I.C.A.**) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**

6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



Société Indochinoise de Documentation et de

Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON





VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG"
bằng phi-cơ « SUPER G »)
cất cánh 16 giờ 30 mỗi thứ Hai

SAIGON — VIENTIANE

mỗi thứ Hai,	bằng DC 3
— Tư	} bằng DC 4
— Bảy	

SAIGON — HONGKONG

mỗi Chúa-Nhật và thứ Năm
bằng Super G (chung với Air France)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25-26

NHÀ THUỐC

LÀ THÀNH

195 — 201, Đường Tự-Do — SAIGON

Điện-Thoại : 20.577 — Điện-Tin LATHANH — SAIGON

TỔNG PHÁT HÀNH ĐẶC CHẾ

Các Viện Dược-Phẩm danh tiếng:

- LEDERLE (Huê-Kỳ)
 - GLAXO (Anh-Quốc)
 - LILLY (Huê-Kỳ)
 - SQUIBB (Huê-Kỳ)
 - PHILIPP ROXANE (Hòa-Lan)
 - SCHERING (Huê-Kỳ)
 - AMBRINE (Pháp-Quốc)
 - DE ANGELI (Ý-Đại-Lợi)
 - DON BAXTER (Huê-Kỳ)
 - ỒNG CHÍCH
 - KIM CHÍCH
- { « IDEAL »
(Huê-Kỳ)

ĐẶC CHẾ NỘI HÓA :

- IODOPHEDRINE « MUS »
(Thuốc suyễn)
- BANCAMYD (Trị ban cầm trẻ em)
- ELIXIR ANTICHOLERIQUE et ANTIDIARRHEIQUE « MUS »
(Trị tiêu chảy, thiên thời, đau bụng, ói mửa kiết lỵ, kiết đàm, kiết máu)
- SIROP PECTORAL « MUS »
(Thuốc ho)
- MUSTONIC (Thuốc bổ)
- SIROP BEBEMUS (An thần trẻ em)
- ANTIMYCOSE « MUS » (Trị lòng ben)
- VERMI « MUS » (Trị sán lải)
- HEPATOMUS (Trị bệnh gan)
- LINIMUS (Dầu thoa bóp)
- CORRICIDE « MUS » (Trị mắc cá)

Tiếp đãi ân cần

Bào chế kỹ lưỡng

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913



Chúc mừng năm mới

BÁCH-KHOA

Nhân dịp Xuân Kỷ hợi toàn thể bộ biên
tập **BÁCH - KHOA** kính chúc các bạn một
năm may mắn, hạnh phúc và thành công.

- | | | |
|--------------------------|--------------------------------|------------------------|
| — Nguyễn-Phan-An | — Phùng-Bá-Khanh | — Thuần-Phong |
| — Nguyễn-Văn-Ba | — Hoài-Khanh | — Nguyễn-Phúc |
| — Vũ-Quỳnh-Bang | — Hoàng-Khanh | — Huỳnh-Đức-Quang |
| — Mạc-Lý-Châu | — Nguyễn-Huy-Khánh | — Nguyễn-Tử-Quang |
| — Tăng-Văn-Chi | — Trần-Văn-Khê | — Lê-Văn-Siêu |
| — Đỗ-Trọng-Chu | — Phan-Khoang | — Đỗ-Tấn |
| — Hư-Chu | — Thái-Văn-Kiểm | — Diệu-Thanh |
| — Tiều-Dân | — Vũ-Ký | — Nguyễn-Huy-Thanh |
| — Vi-Huyền-Đắc | — Huỳnh-Văn-Lang | — Phạm-Ngọc-Thảo |
| — Lan-Đình | — Phạm-Duy-Lân | — Đoàn-Thêm |
| — Nguyễn-Đồng | — Nguyễn-Thiệu-Lâu | — Vũ-Văn-Thiện |
| — Minh-Đức | — Nguyễn-Hiến-Lê | — Bùi-Văn-Thịnh |
| — Thiên-Giang | — Nguyễn-Quang-Lệ | — Võ-Thu-Tĩnh |
| — Bùi-Giáng | — Cô-Liêu | — Mặc-Thu |
| — Vũ-Hạnh | — Nguyễn-Anh-Linh | — Lê-Thương |
| — Trần-Hà | — Hoàng-Thái-Linh | — Ngụy-Tần-Thương |
| — Vũ-Hân | — Bình-Nguyên-Lộc | — Phạm-Thị-Khánh-Trang |
| — Yã-Hạc và Trinh-Nguyên | — Huy-Lực | — Bà Văn-Trang |
| — Xuân-Hiến | — Phạm-Hoàn-Mĩ | — Phan-Văn-Trí |
| — Quang-Huân | — Nguyễn | — Phan-Lạc-Tuyên |
| — Phạm-Hoàng-Hộ | — <i>Từ-Quyên</i> Đặng-V.-Nhâm | — Cô Mộng-Tuyệt |
| — Nguyễn-Trần-Huân | — Lưu-Nghị | — Huy-Trâm |
| — Minh-Hữu | — Diên-Nghị | — Hoàng-Minh-Tuynh |
| — Trần-Đức-Huyền | — Trương-Uần-Ngọc | — Lam-Việt |
| — Phan-Vọng-Húc | — Cô Thoại-Nguyên | — Lê-Văn |
| — Đông-Hồ | — <i>Ngũ-Í</i> Nguyễn-Hữu-Ngư | — Đông-Xuyến |
| — Á-nam Trần-Tuấn-Khai | — Võ-Phiến | — Kiều-Yiêu |

B. K.

BÁCH-KHOA XUÂN KỶ-HỢI

SỐ 50 — NGÀY 1-2-1959



	Trang
HUỖNH-VĂN-LANG	<i>Dân số và kinh tế</i> 3
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Khái niệm về Dân chủ</i> 12
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>Tết đi thăm một nhà Cách mạng</i> . 18
THUẦN-PHONG	<i>Con Heo theo quan niệm ta trong văn thơ</i> 22
PHÙNG-BÁ-KHANH	<i>Tế giao thừa giờ nào mới đúng ?</i> . 27
XUÂN-VIỆT	<i>Nhân dịp Tết Nguyên-Đán nhớ đến Hoa Đào và so sánh Nguyễn-Du với thi sĩ Đông và Tây-phương</i> . . . 31
ĐOÀN-THÊM	<i>Xem bói, xem số</i> 34
ĐÔNG-HỒ	<i>Mảnh và trên vai áo nàng thơ</i> . . 40
ĐINH-CƯỜNG (dịch)	<i>Mùa Xuân thung lũng trường cửu</i> . 49
NGUYỄN-PHAN-AN	{ <i>Năm tàn đất khách — Nhạc thanh bình — Hoa thăm mùa Xuân (thơ)</i> . 50
TÔN-NỮ HOÀNG-TRẦN — DIÊN-NGHI	
MỘNG-TUYẾT	<i>Xuân chậm</i> 57
ĐÔNG-XUYỀN (dịch Âu-đại-Nhâm)	<i>Đêm 30 Tết ở Quan xá Cửa giang</i> 61
PHẠM-HOÀNG	<i>Thắc mắc (Việc Nước)</i> 62
BÌNH-NGUYỄN-LỘC	<i>Lệ ngày Xuân (tùy bút bằng thơ)</i> . 63
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Điểm sách : Sự mệnh văn nghệ</i> . 64
TRẦN-VĂN-KHÊ	<i>Ngày Xuân khai bút (nhạc)</i> . . . 68
HUY-LỰC	<i>Ý Xuân (thơ)</i> 70
VÕ-PHIẾN	<i>Tâm hồn (truyện ngắn)</i> 70
XUÂN-HIẾN	{ <i>Câu đối xuân</i> 84
KIỀU-YIÊU	
THÙY-SONG-THANH	<i>Mấy cảnh xuân (thơ)</i> 85
LƯU-NGHI	<i>Trương-Hồng-Tiệm (dịch Liêu-trai)</i> . 85
	<i>Với Xuân (thơ)</i> 93
	<i>Hăm lăm tháng chạp (truyện ngắn)</i> 94

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUYNH-VĂN-LANG	: Dân số và kinh tế.
TRẦN NGUYỄN ANH-CA	: Tôi đóng phim bên Anh.
UNG-TRÌNH	: Văn đề dịch kinh sách.
R. BOSC	
TIÊU-DÂN (dịch)	: Quyền dân tộc tự quyết.
THẾ-QUANG	: Một ý kiến về chữ Trung.
ĐÔNG-HỒ	: Cảnh quạt đề thơ.
MỘNG-TUYẾT	: Đêm bất dạ.
SONG-AN CƯ-SĨ	: Văn đề Cấm-bốt.
BÔ-THUẬN	: Sự tích tháp Chàm.
PHẠM-NGỌC-THẢO	: Một ý kiến về cách lãnh đạo chiến tranh.
ĐOÀN-THÊM	: Chung quanh vấn đề chọn nghề.
TRẦN-HÀ	: Tình hình sân khấu 58.
NGUYỄN-TÙ-QUANG	: Thử tìm xuân xứ bài vọng cổ.
TRẦN-VĂN-KHÊ	: Âm nhạc phải chăng là một thứ tiêu khiển ?
VŨ-HẠNH	: Chiều cuối năm.
NGUYỄN	: Cuộc phiêu lưu của chàng sinh viên Đức (truyện dịch — nguyên tác của Washington Irving).
LÊ-THANH-THÁI	: Chiếc đồng hồ con ngựa.
NGUYỄN-THIỆU-NGUYỄN	: Đặc tính của tiểu thuyết.
PHẠM-LÊ-PHAN	: Những trang nhật ký.
KIỀU-YIÊU	: Lữ vô bệnh (Liêu trai).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. Sg. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

DÂN SỐ VÀ KINH TẾ

HUỲNH-VĂN-LANG

Trong phần trước (Bách-Khoa số 49) chúng tôi đề cập đến vấn đề gia tăng dân số trong thế giới, đặc biệt so sánh những nước tiên tiến và những nước hậu tiến. Ở đây chúng tôi lại chú trọng đến yếu điểm của sự gia tăng dân số ở các nước hậu tiến, hay kém mở mang về mặt kinh tế, mà trong đó có Việt-Nam của ta và nhất là tìm hiểu vấn đề dân số Việt-Nam trong những liên quan chánh của nó với vấn đề phát triển kinh tế.

Theo tài liệu của ông Nguyễn-Quang-Lệ sưu tầm thì hằng năm dân số ta gia tăng lối 1.5% nhưng theo tác giả bài này thì phần chắc là trên con số ấy. Vì nếu số sanh sau chiến tranh không lên thì ít ra cũng phải bằng số sanh trước chiến tranh (1940) là 38‰ và trái lại số tử trước kia là 23‰ (1) (1936-40) thì làm gì sau mười lăm, hai mươi năm liền bộ, số ấy lại không xuống chẳng ngang được với Tích-lan [từ 28.9‰ năm 1920-24 xuống 10.4‰ năm 1954 (2)] thì ít ra cũng xuống được 4-5 điểm. Tựu trung ta có thể lấy 1.5% làm con số tối thiểu vì con số trung bình của Á-đông là 1.7%, Bắc Mỹ 1.6% Nam Mỹ 2.4% Phi Châu 2.0% (3)

Trong tương lai, chúng ta có thể tin chắc mức gia tăng dân số có thể lên hơn là xuống, vì lẽ nếu số sanh không xuống thì số tử vẫn tiếp tục xuống nữa, mà số sanh có xuống thì chắc chắn số tử sẽ còn xuống nhanh hơn. Cho nên nếu ta lấy số dự đoán trung bình cho Á-đông của Liên-hiệp-quốc là 60% từ 1950-1975 và 75% từ 1975 - 2000, và nếu dân số Việt-Nam Tự-Do trong 1950 là 12 triệu, thì qua năm 1975 sẽ lên số 19.2 triệu và tới năm 2000 sẽ đến số 33.4 triệu.

(1) Theo giáo sư Kherian và Viện Thống kê (B.K. số 44 và 45)

(2) Xem lại bài của tác giả B.K. số 49, bản II. Đồ đồng Ceylan chỉ tốn cho mỗi người 0.05 Mỹ-kim, lối 2\$00 của ta, mà trong 20 năm đã đem số tử xuống trên 60%.

(3) Số sanh và mức gia tăng cao nhất thế giới là 52.5‰ (Đảo Cap Vert) (Đài-loan : 44.5) và trên 3% nếu không kể di cư.

DÂN SỐ VÀ KINH TẾ

Những dự đoán ấy không có gì quá đáng xa vời, nên đáng để cho ta lưu ý trong khi đề cập đến vấn đề phát triển kinh tế, là một vấn đề dài hạn, dù kế hoạch là năm năm hay hai năm...



Sự tăng gia dân số không có gì đáng lo ngại (trái lại sự giảm bớt số tử là một tiến bộ quan trọng đáng mừng) nếu các yếu tố khác cũng tiến một mực. Thật sự có những yếu tố không những là không tiến, mà lùi lại, mòn mỏi đi, như tài nguyên thiên nhiên, hầm mỏ, đất đai... Song phần khác lại có những yếu tố phát triển không dự đoán được, như khoa học kỹ thuật... để bù chi lại. Nhưng dù sao đi nữa, thì sự gia tăng dân số sẽ đặt nhiều vấn đề kinh tế, như vấn đề phát triển kinh tế, khai khẩn, gìn giữ ruộng đất, cho mọi người có công ăn việc làm... Hơn nữa ta còn phải nghĩ đến sự tiến bộ, sự gia tăng lợi tức quốc gia, hay nâng cao mức sống của mỗi người dân.



Ngoài sự gia tăng hằng năm, ta còn phải xét dân số về phương diện đông đúc nữa. Hiện giờ Việt-Nam đã có một mật độ là 72 người mỗi cây số vuông ($72/\text{Km}^2$), tương đối cũng khá cao gần bằng mật độ của nước Pháp ($78/\text{Km}^2$ — xem lại bản V Bách-Khoa số 49) là một nước tiên tiến, mà lại có một mức gia tăng rất thấp (0.33 %, năm 1946). Cho nên xét về mặt tổng quát, thì sự đông đúc hiện giờ cũng đáng lưu ý, vì không cần phải khuyến khích tăng thêm số sanh, mà chỉ riêng sự giảm bớt số tử, đem mức gia tăng dân số lên một cách tự nhiên, cũng là cả một vấn đề kinh tế quan trọng rồi. Chúng ta nên biết rằng đến năm 1975, sự đông đúc ở Việt-Nam ($103/\text{Km}^2$) sẽ bằng ở Hung-gia-lợi hiện giờ ($104/\text{Km}^2$) và đến năm 2000 sẽ bằng ở nước Đức hiện giờ ($198/\text{Km}^2$). Mà hiện giờ với kỹ nghệ tiên tiến như thế, hai nước sau này đã có vấn đề dân số và di cư.

Trái lại với một nền kỹ nghệ tiên tiến mà nông nghiệp lại tiến bộ và khéo tổ chức hơn, Hòa-lan ngày nay đã có thể có một mật độ dân số tới $328/\text{km}^2$. Nhưng Hòa-lan cũng lại vẫn có vấn đề dân số và di cư rất nặng nề.

Tóm lại, trong năm mươi năm tới đây, Việt-Nam cũng sẽ lại có vấn đề đông đúc, nhưng không phải là một vấn đề khó khăn. Điểm chính là làm thế nào khuếch trương, tổ chức kỹ nghệ, nông nghiệp cho bằng Hòa-lan hiện giờ... và phân phối lại dân số trong nước cho phù hợp với tài nguyên của mỗi miền và cho đồng đều.



I. — DÂN SỐ VÀ THIÊN NHIÊN.

Trước khi nói đến vấn đề di dân, ta thử xem một cách tổng quát coi sự gia tăng và đông đúc dân số có liên quan gì đến tài nguyên của quốc gia.

a) Tài nguyên thiên nhiên. — Ai ai trong chúng ta, cũng công nhận miền Nam rất nghèo về hầm mỏ. Những loại kim khí như sắt đồng, chì... là những kim khí cần thiết để thành lập kỹ nghệ nặng, làm căn bản phát triển kinh tế tân tiến, thì Việt-Nam ta lại không có, dù chỉ đề xuất cảng nguyên liệu... mà thế giới trong ba mươi, năm mươi năm nữa sẽ thiếu hụt. Cho nên hiện giờ ta có được tài nguyên gì thì phải cố xử dụng và khai thác cho hợp lý, không phung phí nhưng cũng đừng để cho « thất nghiệp » năm này qua năm kia. Mặt khác ta lo cải tiến kỹ thuật để sản xuất được tối đa. Những tài nguyên thiên nhiên ấy là những nguồn tạo ra lợi tức mới cho người dân.

Hầm mỏ ta thiếu, nhưng ta lại không thiếu điện lực (1), nếu ta khai thác được nguồn thủy điện lực ta hiện có. Thực ra không có liên quan nhiều giữa dân số và sản xuất, mà trái lại giữa sản xuất và điện lực lại có một liên quan hết sức chặt chẽ. Á đông có đến 53% dân số thế giới, mà chỉ tiêu thụ có 14% điện lực, và chỉ sản xuất có 13% của thế giới. Đang khi đó thì Bắc Mỹ-châu, với 7% dân số thế giới lại tiêu thụ đến 41% điện lực và sản xuất 40% của cả thế giới.

Tất cả mọi cố gắng để nâng cao mức sống của người dân đều đòi hỏi một sự cung cấp điện lực càng to lớn không thể tính hay đoán trước được. Cho nên dân số gia tăng và ta muốn nâng cao mức sống của dân tộc thì phải nghĩ đến vấn đề cung cấp điện lực. Vì trong một nền kinh tế, dù kỹ nghệ hay nông nghiệp, điện lực sẽ là yếu tố chánh để sản xuất và nâng đỡ mức sống của dân tộc. Nói đến điện lực thì chắc chắn sự tiến bộ của khoa học sẽ thay đổi rất nhiều, vì người ta đã khởi sự dùng nguyên tử năng, thí nghiệm ánh sáng mặt trời, nước biển... Nhưng trong năm, mười năm gần đây, tình trạng thực tế của Việt-Nam chỉ cho phép ta nghĩ đến những nguồn năng lực như nước, than đá và dầu mà thôi.

Tuy nhiên có người sẽ nói nếu ta thiếu cái gì thì sẽ có ngoại thương để trao đổi với nước ngoài. Điều ấy không phải là không đúng. Nhưng ta sẽ lấy gì để đổi chác? Đó là vấn đề. Vì những thứ như

(1) Điện lực đây có nghĩa là mọi năng lực (nước, than, dầu...) ngoài năng lực do thứ vật cung cấp.

là kim khí mà thế giới hiện nay càng ngày càng thiếu và càng cần (thép, sắt, đồng, chì, nhôm...) thì Việt-Nam ta lại không có. Các nước hậu tiến thường cũng là các nước sản xuất nhiên liệu. Nhưng ngoài cao-su, Việt-Nam ta đang và sẽ xuất cảng những nguyên liệu nào để đổi lấy máy móc dụng cụ trang bị?

b) Phát triển nông nghiệp.— Trong những tài nguyên dưới đất, trên trời, ngoài biển, thì ruộng nương, nhất là ở một nước nông nghiệp như Việt-Nam ta, là một yếu tố kinh tế quan trọng liên lạc mật thiết với dân số. Biết rằng đời sống của nông dân càng ngày càng liên quan đến phương tiện giao thông, phân bón, thuốc sát trùng, và máy móc. Nhưng lại tùy thuộc nhất ở sự CẦU những nông sản của dân cư thành thị, mà lợi tức của những người sau này là những tài nguyên không thuộc sinh - vật (ressources non - biologiques) đang bành trướng.

Tim hiểu sự liên lạc giữa nông nghiệp và dân số thì thường thường người ta so sánh dân số với:

- diện tích đã khai phá trồng lúa
- đất đai còn có thể khai phá trồng lúa được.

Theo tài liệu của Ông Nguyễn-quang-Lê sưu tầm thì thật ra, đối với ruộng đất được trồng lúa, đã có vấn đề nhân mãn rồi, vì mật độ, hay số người từng cây số vuông, đã từ 359 người (Nam-Việt) đến 1050 người (nhiều tỉnh miền Trung Việt) mà mật độ này là một trong những mật độ cao nhất trong thế giới. Nhưng được một cái là Việt-Nam ta còn có nhiều đất đai có thể khai phá trồng lúa được. Tất cả các đất đai có thể khai phá được là 8.5 triệu mẫu, mà hiện giờ ta mới chỉ có lối 2.8 triệu đã trồng lúa, nghĩa là chỉ trên 1/3 thôi. Cho nên trong một thời gian ngắn nếu ta khai phá thêm là có thể giải quyết được vấn đề nhân mãn. Nhưng một mặt khác ngoài sự nới rộng diện tích trồng lúa, ta còn cần phải cải tổ kỹ thuật trồng lúa hiện giờ, và nếu được, thì phải cơ giới hóa những nơi làm được, thay đổi mùa màng (diversifier)... Đó là vấn đề dài hạn phải khởi công ngay từ bây giờ. Nếu không, đầu từ nay đến 1975 ta có nới rộng thêm được 60% đất trồng lúa (nghĩa là 3.5% lối 98.000 Ha mỗi năm) thì trong 20 năm nữa vấn đề dân số với đất ruộng trồng lúa cũng vẫn chỉ như ngày nay.

Cho nên một mặt khai khẩn thêm, một mặt khác phải gia tăng sự sản xuất của ruộng đất hiện có, bằng cách cải tổ lại kỹ thuật trồng lúa, cơ giới hóa nông nghiệp, thay đổi mùa màng, lựa chọn giống tốt, phân bón, gìn giữ ruộng đất... và có lẽ phần sau này lại quan

hệ cũng hiệu nghiệm hơn. Nhưng thật tế lại cho ta biết rằng về phần sau này, Việt Nam ta không tiến mấy. Mấy trăm năm nay người nông dân Việt cũng vẫn con trâu cái cày, cái phản như trước. Mà có lẽ lại thụt lùi đi là khác, vì không biết cải tiến kỹ thuật canh tác, lại thiếu phương pháp gìn giữ đất đai, nên ruộng nương càng ngày càng bớt trũng mùa. Song nếu phải đem tất cả phương tiện, nghị lực để mở mang thêm cùng phân chia ruộng đất ra từng miếng nhỏ (ở Hòa-lan lô nhỏ nhất cũng phải 14 Ha) thì mục tiêu « bề sâu » sau này sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Nhưng có khi yếu tố chính trị bắt buộc ta phải theo đuổi mục tiêu « bề rộng » hơn. Thật ra trong khi chúng ta cố gắng xây dựng một nền kinh tế vững chắc và công bằng, thì bàn tay bí mật của Cộng-sản vẫn tìm cách phá hoại mọi cách, làm chậm bước tiến của chúng ta, trực tiếp ngăn trở công trình nâng cao mức sống dân tộc của chúng ta.

Tóm lại về phương diện nông nghiệp liên quan đến dân số, ngoài vấn đề mở mang diện tích canh tác, ta còn phải chú ý đến vấn đề cải tổ kỹ thuật trồng lúa thay đổi mùa màng, lựa chọn phân bón, giống tốt, khuếch trương chăn nuôi... rút lại là phải làm sao cho mỗi một người nông dân, có một năng xuất cao hơn trước. Nhưng đó chỉ là giai đoạn đầu. Giai đoạn sau, cũng không kém quan trọng, là phát triển kỹ nghệ, bành trướng dân thành thị, thêm lợi tức... để thêm thị trường cho nông sản được giá tăng, tức là thêm khuyến khích cho nông dân và thêm kỹ thuật cần kíp để gia tăng sản xuất của họ.



c) Nông nghiệp và kỹ nghệ.— Nếu ta so sánh năng xuất của người nông dân, của một đơn vị ruộng đất ở Việt-Nam với năng xuất ở các nước thì ta phải kết luận rằng: không phải sự đông đúc ở nông thôn tự nơi nó là một trở ngại cho sự phát triển kinh tế, vì thật ra ngoài khí hậu, tình chất ruộng đất, số người mà một đơn vị ruộng đất có thể chịu đựng được, lại còn tùy ở trình độ kỹ thuật, tùy ở phương tiện giao thông, tùy ở dụng cụ sản xuất hay tư bản... Ở những miền đông quê quá đông đúc của các nước hậu tiến, cái luật « sản xuất suy giảm » (*loi du rendement décroissant*) — nghĩa là với những yếu tố sản xuất nhất định, nếu ta thêm một yếu tố nào đó mãi thì sự sản xuất của một đơn vị yếu tố sau này sẽ giảm lần lần — cái luật này càng hoành hành, vì yếu tố cần lao gia tăng mãi, trong khi ruộng đất, nhất là tư bản, kỹ thuật không thay đổi, hay thay đổi không kịp với cần lao.

Cho nên, nếu không di dân đi mở mang thêm ruộng đất, thì chỉ còn cách là phải đầu tư vào nông nghiệp, thêm kỹ thuật, thêm phương tiện giao thông, thêm dụng cụ... Nhưng như trên đã nói, thêm nông sản thì cần phải có thị trường mới khỏi bế tắc, và phải có thị trường cho cần lao dư giả của nông thôn được tiêu thụ. Thành ra khuếch trương nông nghiệp mà không tìm thị trường cho nông sản gia tăng và cần lao dư giả, bằng cách khuếch trương kỹ nghệ thì không giải quyết được vấn đề. Ta có thể trông vào thị trường quốc tế cho nông sản mà thôi, nhưng cũng chỉ được một phần nhỏ mọn nào...

Cho nên sự khuếch trương nông nghiệp phải tùy ở sự khuếch trương kỹ nghệ. Song cũng đừng quan trọng quá vấn đề kỹ nghệ hóa. Vì trình độ phát triển kỹ nghệ cũng rất tùy ở sự tiến triển của nông nghiệp. Dân thành thị được bánh trưng là do sự cung cấp vật thực và nguyên liệu nông sản, và nông thôn được phát đạt là thị trường cần kíp cho sản phẩm kỹ nghệ: cần lao và nhất là tư bản là hai yếu tố sản xuất phải phân chia cho kỹ nghệ và nông nghiệp một cách khéo léo, điều hòa, mới không sanh ra những xung đột, những sáo trộn, mà chung quy cả kỹ nghệ và nông nghiệp, nghĩa là cả nền kinh tế bị bế tắc. Gương các nước Nam-Mỹ và Úc-Châu: quá chú trọng kỹ nghệ hóa, đề nông nghiệp, vì thiếu cần lao và tư bản, nên chẳng những chậm tiến mà còn sanh ra sáo trộn cho toàn cả nền kinh tế nữa. Trái lại một hai nước Nam-Mỹ và Phi-Châu, vì quá chú trọng vào nông nghiệp cũng bị những khó khăn không kém quan trọng.

Tóm lại sự tiến triển điều hòa (balanced) đòi hỏi một kế hoạch phù hợp dựa trên những yếu tố thực tế, những khảo sát tình vi và cân phân... mới trông thực hiện được. (1)

(1) Theo chuyên viên Liên-hiệp quốc thi: The technical possibilities for increasing agricultural production by raising crop yields, expanding livestock numbers and yields per animal are perhaps even greater and in many respects less difficult and costly. A very wide margin exists between yields obtained in the more advanced countries and those prevailing in less developed regions. Climatic conditions, of course, can play an important part in these differences, but it can now be affirmed with some confidence that techniques and facilities are chiefly responsible. These differences can be greatly reduced by more irrigation, building up of soil fertility, the introduction of improved varieties of seed and species of animals, better pastures and feed supplies, better equipment and the widespread application of better farm techniques. On the basis of the performance of the average farmer in some of the advanced-but not necessarily the more advanced-countries, the resources and technical basis appear to exist for an output of cereals and crops at perhaps at least twice, and in the case of livestock product perhaps four or five times the present levels. And this applies especially to the less developed regions of the world. U.N.P. No 1955 XIII:106.

d) Vấn đề di dân.— Đánh rằng, di dân không phải là phương tiện hiệu nghiệm hơn sự cải thiện kỹ thuật sản xuất ở nông thôn, như đã nói trên, nhưng nhiều khi vì những lý do khẩn cấp khác, ta phải nghĩ đến vấn đề di dân và có lẽ một hai tỉnh miền Trung cần phải di dân thực sự mới giải quyết được vấn đề nhân mãn. Song le phải nói ngay rằng, vấn đề di dân có phần khó khăn và tốn kém hơn. Cho nên cần phải đặc biệt lưu ý, khảo sát kỹ càng trước khi dùng đến phương tiện này. Đó là vấn đề phân phối dân số, mà nhiều nước cũng đã để lại những kinh nghiệm quý giá. Sự phân phối lại dân số không phải chỉ tốn kém về mặt kinh tế mà thôi, lại còn sanh ra nhiều kết quả xã hội và chánh trị hết sức nặng nề. Trừ phi áp dụng những biện pháp, những đề phòng thích nghi, nếu không thì chẳng những gây tai hại cho chính bản thân những người di cư, mà còn gây thiệt hại cho cả những người, những làng, xã tiếp đón người di cư nữa. Mặt khác, nếu xét về phương diện dài hạn, thì sự phân phối lại dân số có thể thay đổi cả đời sống xã hội, văn hóa và chính trị của dân tộc.

Ở Việt-Nam ta cũng như ở các nước, bao giờ cũng có hai phong trào di dân, lịch sử xưa nay đều có nói đến và để lại nhiều bài học cụ thể: phong trào di dân khai khẩn mở mang ruộng đất mới, lập làng lập xã mới, và phong trào di dân từ nông thôn vào thành thị.

Phong trào di dân từ nông thôn vào thành thị ở Việt-Nam, trước thời Pháp thuộc, không có gì đáng lưu ý, và bao giờ cũng vẫn có. Các thành thị Việt-Nam trước kia, ngoài hành chánh, quân đội và thương mại, không có gì khác nữa để lôi kéo dân nông thôn, nên các thành thị lúc bấy giờ không bành trướng nhanh như ngày nay. Qua thời Pháp thuộc ngoài lý do hành chánh, quân đội... thương mại và kỹ nghệ khởi sự thu hút dân quê, và mỗi khi ở nông thôn quá dư dả cần lao trong thời kỳ khủng hoảng, thì phong trào di dân này lại càng mạnh. Trong thời kỳ giặc giã, ngoài những lý do nói trên, lý do chánh trị hay an ninh càng làm cho phong trào di dân này thêm phát triển và lớn lao quá sức. Ta chỉ xem qua sự bành trướng của những thành thị, nhất là Saigon, qua các giai đoạn, thì sẽ rõ sự tiến triển của phong trào di dân này trong quá trình lịch sử. Một điều ta phải công nhận, là phong trào này là một phong trào tự phát và gần như là cần kíp của các nước khởi sự mở mang kinh tế, dù muốn hay không nó vẫn tiếp diễn. Nhưng trừ ra những trường hợp quá

đặc biệt — khó tìm ra một liên-sự trái ngược trong lịch sử mở mang kinh tế các nước — phong trào này thường thường trực tiếp giúp ích cho sự phát triển kỹ nghệ và gián tiếp giúp ích cho sự phát triển nông nghiệp, cùng giải quyết vấn đề dân số ở thôn quê.

a) Cần lao là một yếu tố cần kíp cho kỹ nghệ, không những liên quan mật thiết với sự sản xuất, mà còn liên quan chặt chẽ đến vấn đề đầu tư, thị trường... Cần lao quả thật không phải là một trở ngại nhỏ cho kỹ nghệ, điều ấy ai cũng hiểu.

b) Nếu ở nông thôn bao giờ cũng có nạn thất nghiệp hay thiếu dụng nhân công, như ở nông thôn Việt-Nam ta, thì sự di dân vào thành thị là một điều lợi, giúp nâng xuất của đơn vị cần lao và ruộng đất ở nông thôn gia tăng, thêm vào đó sự bớt tiêu thụ, có thể làm cho tiết kiệm trước kia tiêu cực, thành tích cực. Và như vậy là mở đường cho sự cải tiến kỹ thuật, gia tăng đầu tư ở nông thôn...

Trong sự phát triển kỹ nghệ nói riêng, và phát triển kinh tế nói chung, tính cách lưu động (mobilité) của cần lao cũng như mọi yếu tố sản xuất khác là một điều kiện để tăng gia năng xuất. Hơn nữa, thành thị hóa (urbanisation) là một điều kiện cần kíp để phân chia việc làm, để chuyên nghiệp (spécialisation) và giúp cho sự phân phối hàng hóa kỹ nghệ được dễ dàng cùng hiệu nghiệm hơn. Nhưng chúng ta đừng tưởng rằng phong trào di dân này không có những cái bất lợi vừa kinh tế vừa xã hội. Trước hết, mọi sự di dân đều tổn hao, những người cần di cư lại là những người nghèo, có khi là những người dể dàng hay biếng nhác, không sống được ở nông thôn. Cho nên, trong nhiều trường hợp, sự di cư này không giúp được kỹ nghệ, mà còn sinh ra những cái khó khăn về mặt xã hội cho những thành thị tiếp nhận họ. Hơn nữa, nhiều khi có những nông thôn đang thiếu nhân công, lại có người bỏ hoang ruộng đất để lên thành thị. Cho nên làm sao mà giữ nông dân ở lại đồng ruộng, và chỉ để cho thành thị thu hút cần lao dư thừa là cả một vấn đề khó khăn.

Phong trào di dân để khai khẩn ruộng đất, trong lịch sử Việt-Nam, lại quan hệ hơn nữa. Cuộc Nam tiến trong năm trăm năm,

của dân tộc Việt-Nam, chỉ là một cuộc di dân vĩ đại, đi khai khẩn những ruộng đất mới. Hiện giờ, chắc chắn phong trào ấy, nếu không có những khó khăn chính trị, thì cũng vẫn tiếp diễn mạnh mẽ, không cần đến sự khuyến khích và giúp đỡ của Chính phủ, miễn là có thị trường cho nông sản là đủ. Nhưng hiện giờ Chính phủ nâng đỡ đủ mọi phương thế, thì còn lại vấn đề tổ chức di dân cho chu đáo, tạo điều kiện để giữ họ lại trong những đất mới khai khẩn, mà điều kiện cần nhất là tìm thị trường cho nông sản của họ, cũng như bảo đảm an ninh cho họ.

Sự di dân này sẽ có lợi trong khuôn khổ, giải quyết vấn đề nhân mãn của những địa phương mà không còn cách gì khác để giải quyết hiệu nghiệm và ít tổn kém hơn; nó còn thu hút được số cần lao không cần kíp cho kỹ nghệ. Như thế thì sự khai thác những ruộng đất mới phải nhiều sẽ gia tăng sản xuất quốc gia trong một thời gian rất ngắn. Nhưng sau đó phải có một sự khuếch trương kỹ nghệ tương xứng mới tránh được trường hợp bề tấc. Hơn nữa, nếu sự di dân không làm ngưng trệ sự phát triển nông nghiệp « bề sâu » trong những ruộng đất đã khai khẩn lâu rồi, thì mới có thể có một sự tiến triển điều hòa (balanced) và vững chắc được.

Cái gương của một hai nước Nam Phi rất đáng cho ta lưu ý: vì quá chú trọng giải quyết vấn đề nhân mãn, lo di dân, lo khai khẩn... mà ít lo đến vấn đề phân phối, vấn đề thị trường (cho cả hàng hóa và cần lao), đề rồi thất bại và gây khó khăn cho toàn thể nền kinh tế. (The consequences, it was said, are wasteful in the short run and doomed to explosive failure in the long run. UNP No 1955 p. 94).

Sự di dân sau này chắc chắn tổn kém và bao hàm nhiều khó khăn kinh tế cùng xã hội hơn, cho nên cần phải có một kế hoạch tình vi, đầy đủ mới mong thực hiện một cách may mắn và mỹ mãn được.

Kỳ sau: Dân số, và tư bản, cần lao...

HUỖNH-VĂN-LANG

KHÁI LUẬN VỀ DÂN CHỦ

DÂN CHỦ THẬT VÀ DÂN CHỦ GIẢ

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

1.— Tiêu chuẩn để phán quyết thật, giả giữa hai quan niệm dân chủ ở ngoài và trên ý niệm dân chủ.

Mỗi người chúng ta đều đã được nghe những cuộc tranh luận sôi nổi, trong nước cũng như ngoài nước, về dân chủ thật và dân chủ giả. Đối với người bên vực quan niệm dân chủ này, thì quan niệm dân chủ kia là giả, và người bên vực quan niệm kia là người dân chủ giả. Tuy nhiên, chúng ta đã biết rõ, vấn đề cần phải đặt và nêu lên thế nào, để có thể đi tới chỗ nhận định một cách công bình và đúng đắn. (Xin coi Bách-Khoa số 48 và 49, bài Khái luận về dân chủ).

Nếu muốn tìm kiếm một tiêu chuẩn để xác nhận lý thuyết dân chủ nào là lý thuyết dân chủ thật thì ta không nên tìm kiếm nó trong ý niệm dân chủ. Nếu chỉ đứng nguyên trên bình diện dân chủ mà xét, thì dân chủ nào cũng đều là dân chủ thật hết⁽¹⁾, vì dân chủ nào cũng có nhiệt tình tiến tới tự do, chẳng những coi tự do là nền tảng của

chủ trương mình, mà còn coi tự do là cứu cánh phải đạt được. Thật ra, sự đối lập nhau hoàn toàn nằm trong sự tương phản giữa hai nhân sinh quan và vũ trụ quan khác biệt hẳn nhau, mà mỗi chế độ dân chủ khuất chiết qua một quan niệm.

Vấn đề chính không phải là vấn đề kỹ thuật hiến pháp, hay vấn đề tổ chức xã hội. Vấn đề chính là vấn đề thị quan của mỗi phe đối với toàn diện nhân sinh, đối với toàn thể vũ trụ. Vấn đề chính là vấn đề triết lý, vấn đề huyền lý, vấn đề nằm ở ngoài và ở trên ý niệm dân chủ, vấn đề không thuộc phạm vi của một nhà luật học hay một nhà xã hội học, và chính vì

(1) Chúng tôi bàn đây là bàn trên bình diện tư tưởng. Trên thực tế, cổ nhiên có thể có những sự giả dối, gian tà và không phải người cầm quyền nào cũng thành tín tuyệt đối với lý tưởng dân chủ. Ở đây, chúng tôi giả thiết như cuộc tranh luận xảy ra giữa hai người cùng thành thật như nhau và cùng tin tưởng vào tự do và dân chủ.

vậy mà nhà luật học hay nhà xã hội học, nếu chỉ đứng nguyên trên vị trí học thuật của mình, cảm thấy rất khó khăn khi phải phán đoán đâu là thật, đâu là giả. Phải nói trước những sự dè dặt đó rồi, chúng tôi mới đứng trên bình diện quan sát luật pháp và xã hội mà bày tỏ ít nhiều nhận xét dưới đây để đi tới một kết luận.

2. — Giải pháp lý tưởng cho cuộc tranh chấp giữa hai quan niệm: vượt lên cao.

Như ta vừa thấy trên, sự bỏ một, lấy một, giữa hai quan niệm, phát nguyên từ những nhận định sâu xa về thực thể và về tư tưởng; sự bỏ hay lấy đó biểu lộ trên bình diện chính trị, bằng những chế độ đối lập nhau, khiến nảy sinh những tình trạng căng thẳng rất đáng lo ngại cho thế giới hiện tại và mai sau. Để tìm lối thoát cho cuộc tranh chấp trên, theo ý chúng tôi, có thể có ba thái độ, thái độ lựa chọn dứt khoát một trong hai quan niệm, thái độ dung hòa hai quan niệm, thái độ vượt lên trên cả hai quan niệm mà tổng hợp lại. Ta thử lần lượt xét từng thái độ một.

a. — *Thái độ lựa chọn dứt khoát.*

Lựa chọn dứt khoát có nghĩa là loại trừ hoàn toàn một trong hai quan niệm. Nếu trong hai phe, có một phe quyết định như vậy, thì việc chúng ta phải ngờ tới và khó lòng tránh được là cuộc chiến tranh toàn thế giới sẽ phải xảy ra. Kết quả của cuộc chiến tranh ấy sẽ ra thế nào, ai nấy đều biết, xin miễn bàn ở đây.

Và chẳng lựa chọn dứt khoát là một giải pháp khuyết thiếu. Nói vậy, có thể

có người ngạc nhiên, cãi lại: Vấn đề chính là vấn đề chính nghĩa và phi nghĩa, chính nghĩa thì phải theo, mà phi nghĩa thì phải loại. Lời cãi trên không phải là không có giá trị, nhưng cái thế là tin chắc rằng chính nghĩa bao giờ cũng tất thắng trong các cuộc chiến tranh. Và hơn nữa, cãi như vậy là không biết rằng một chế độ không có đối lập sẽ đi tới chỗ cố chấp và tự mình phản mình. Như trên lý thuyết, trong quan niệm dân chủ Tây phương, đành rằng người chủ trương nó vẫn bảo tự do tuy cố hữu với con người, tự do tuy đã thực hiện rồi, nhưng vẫn còn cần phải phát triển mãi ra. Tuy nhiên, cũng nên sợ rằng trong một xã hội tự do, người chủ trương có thể đi tới chỗ coi tự do như đã hoàn bị rồi, và quên phứt, đối với quảng đại quần chúng, tự do chỉ mới là một trù tượng, có trên giấy tờ mà thôi. Lại như trên lý thuyết, trong quan niệm dân chủ Mác-xít, đành rằng người chủ trương nó vẫn bảo dân chủ sẽ tiến tới chỗ làm suy yếu áp lực của nhà nước đi và chính quyền chỉ là một phương tiện dùng để đi tới chỗ kiến tạo tự do mai sau mà thôi. Tuy nhiên, cũng nên sợ rằng, một khi nắm vững được chính quyền rồi, thì người nắm giữ nó lại quên lửng việc tối cần là việc tiêu hủy quyền uy ấy đi.

Trong một cuốn sách khảo luận, tuy vắn tắt mà rất sâu sắc, về « Chế độ cộng hòa », ông De Lacharrière đã chứng minh rằng cả hai quan niệm dân chủ trên, nếu cứ đảng thắng mà triển dương mãi ra, thế tất sẽ đi tới chỗ tự hủy. Thử lấy một xã hội, trong đó chủ nghĩa tự do được coi làm tiêu chuẩn tối

cao, chóng, chày người ta sẽ đi tới chỗ đề cho những kẻ khôn ngoan và những kẻ giàu có chiếm được độc quyền tự do, nghĩa là đi tới chỗ thủ tiêu tự do, cái mà người ta vẫn coi là có một giá trị tối thượng. Trái lại, thử lấy một xã hội, trong đó quyền uy của đa số được coi như vô hạn, lập tức ta sẽ thấy các phần tử thiểu số bị loại trừ ở ngoài đa số, sau sẽ bị loại trừ ở trong đa số, đề đi tới chỗ dồn tất cả mọi quyền hành vào tay một đảng, một phe, hay một người, nghĩa là đi tới chỗ thủ tiêu cái nguyên tắc tự do người ta đã nhằm từ khi khởi điểm.

Xem vậy đủ rõ, cả hai quan niệm, nếu đề một quan niệm nào giữ cái địa vị độc tôn, cũng đều là điều nguy hiểm cho dân chủ cả. Nếu đề cho quan niệm tự do được thao túng, thì dân chủ sẽ biến thành chính thể của bọn phú hào; còn nếu đề cho quan niệm chủ trương đa số có quyền hạn tuyệt đối được hoành hành, thì dân chủ sẽ biến thành chính thể của một nhóm độc tài.

Lựa chọn dứt khoát, nghĩa là loại trừ triệt để một trong hai quan niệm, sẽ đưa tới chỗ giết chết dân chủ. Sau này, ta sẽ thấy chính vì không lựa chọn dứt khoát, và vì thừa nhận sự cải tiến bằng cả những tư tưởng của đối phương mà dân chủ cổ điển có thể coi là một chế độ tương đối đáng cho ta ưa chuộng hơn.

b. — Thái độ dung hòa.

Giải pháp thứ hai có thể đưa ra để tìm một lối thoát cho sự xung đột giữa hai triết lý là thái độ dung hòa.

Tất cả mọi sự dung hòa đều có thể

thực hiện được, nhưng không phải bao giờ cũng thực hiện được.

Trước hết, dung hòa cần phải có một vài điều kiện. Thí dụ trong hoàn cảnh quốc-gia và quốc-tế, phải làm sao cho hai lý thuyết đừng xung đột nhau quá nhiều trên những điểm cốt yếu, và phải làm sao cho cả hai bên cùng chịu kiên nhẫn, tổn công phu và mất thì giờ. Song cứ như hiện nay, thế giới đang sống trong sự « thi đua », có lẽ khó có bên nào chịu tổn công phu và mất thì giờ.

Lại nữa, có dung hòa cũng không thể dung hòa mãi mãi được. Dung hòa thường căn cứ trên một thể quân bình bấp bênh, không thường, và thường sửa soạn đưa người ta tới chỗ phải lựa chọn dứt khoát ngay, hay không dứt khoát ngay, nhưng chắc chắn phải lựa chọn.

Như vậy nghĩa là một sự dung hòa bền bỉ giữa hai quan niệm về dân chủ, mặc dầu lạc quan và hy vọng thế nào, cũng là điều không chắc. Thế giới chúng ta sống hiện nay không còn phải là thế giới sống bằng sự dung hòa.

c. — Thái độ vượt lên cao để tổng hợp cả hai quan niệm.

Nếu cuộc tranh chấp giữa hai quan niệm không thể dùng sự lựa chọn dứt khoát hay sự dung hòa mà giải quyết được, thì ta thử coi giải pháp thứ ba liệu có thể đem lại một lối thoát chăng? Giải pháp thứ ba là giải pháp vận dụng tư tưởng mà tổng hợp cả hai quan niệm, tổng hợp mà không chấp nối, hay dung hòa, tổng hợp mà vẫn giữ nguyên những điều chân thực có thể có trong cả hai phe. Điểm chính và căn bản cần

phải thực thi, cố nhiên, phải là tự do, nhưng tự do đây không phải là một quan năng ở ngoài thực tại, và không lệ thuộc bất luận điều kiện hành sử nào, theo như chủ trương của một triết lý duy thần khuyết thiếu; tự do đây cũng không phải là kết quả của sự thần hóa một con người hoàn toàn ở mai sau, theo sự tưởng tượng của một chủ nghĩa Mác-xít đã nhiều khi phản lại cả kẻ thù xướng ra nó là Các-mác. *Chủ trương như vậy tức là đi tới chỗ cố gắng để xướng ra một quan niệm, một triết lý toàn diện về lịch sử, trong đó con người được đặt đúng chỗ của nó, nghĩa là không tách lìa khỏi lịch sử, nhưng cũng không để cho lịch sử trói buộc mình.*

3. — Chỉ duy chế độ dân chủ cổ điển mới có điều kiện thực hiện được giải pháp thứ ba, là giải pháp vượt lên cao để tổng hợp cả hai quan niệm.

Ta đã biết sự lựa chọn giữa hai vũ trụ quan phát sinh ra hai trào lưu dân chủ là sự lựa chọn có tính chất triết lý, ở ngoài phạm vi phán đoán của một nhà luật học — Ta cũng đã biết giải pháp lý tưởng cho cuộc tranh chấp giữa hai quan niệm là giải pháp vượt lên cao để tổng hợp cả hai quan niệm.

Nếu ta nhìn nhận hai điều ấy là đúng thì tất ta cũng dễ nhìn nhận một điều thứ ba nữa, đó là điều cho rằng chế độ dân chủ cổ điển, dầu có khuyết điểm đến đâu và dầu có phát xuất từ một triết lý sai lầm chăng nữa, cũng vẫn là chế độ duy nhất có thể thực hiện được những điều kiện thực tế để giải quyết cuộc tranh chấp hiện nay và cho nó một lối thoát.

Ba lý do chính sau đây có thể khiến ta tin được như vậy.

a. — Lý do thứ nhất là chế độ dân chủ cổ điển không loại trừ khỏi xã hội của họ bất cứ một quan niệm nào, kể cả quan niệm đối lập với họ từ căn bản. Nếu họ có chống đối lại quan niệm nào thì họ chỉ chống đối trên lãnh vực hành động, còn trên lãnh vực tư tưởng, họ vẫn để cho quan niệm ấy được biểu diễn tự do. Do đây, trong chế độ của họ, người ta có thể hy vọng đi tới chỗ tổng hợp các quan niệm mà không ngại có những trở lực lớn lao. Trái lại, trong chế độ dân chủ Mác-xít, những kẻ chủ trương nó không thể thừa nhận bất cứ một quan niệm đối lập nào, dầu là trên lãnh vực tư tưởng, khiến cho tư tưởng khó lòng « vượt lên cao » được — Chính ngay chủ nghĩa Mác-xít khi du nhập các nước theo nó cũng đã phải qua bao nhiêu sàng xây, gạn lọc của nhà cầm quyền, và bị thêm vào, bớt ra không phải ít.

Xét cho sâu xa nữa, dân chủ Mác-xít tự cho họ chứa đựng chân lý tuyệt đối rồi. Nếu « không may » chế độ của họ là một sai lầm, thì chế độ ấy hẳn tự nó không thể nào có phương tiện để tự phát giác ra sai lầm ấy được. Hoặc có người cãi lại rằng chủ nghĩa Mác-xít không thể sai lầm, vì chủ nghĩa Mác-xít chỉ là phương pháp khoa học áp dụng vào con người và vào xã hội. Song quả quyết như vậy có khoa học không? Quả quyết như vậy có phải coi chủ nghĩa Mác-xít là một tín lý tôn giáo (phải tin trước và không thể không tin) hơn là một triết lý khoa học (phải suy luận, biện minh rồi mới có thể tin được). Ta cứ xem nguyên một việc tại các nước theo chủ nghĩa Mác-xít, các nhà sinh vật học và vật lý học đều bị

kiểm duyệt để cho những phát minh của họ khỏi sái với chủ nghĩa thì đủ rõ.

Những nhận xét trên khiến ta có thể nghĩ rằng chế độ dân chủ cò diên, dẫu cho có nhiều khuyết điểm chẳng nữa, cũng đáng cho ta ưa chuộng hơn, vì trong chế độ ấy, tự do tư tưởng và tự do phát minh có cơ được nảy nở thuận tiện và do đấy có thể đem lại cho chế độ một thứ men cải thiện nội bộ mỗi ngày một hơn.

b.— Chế độ dân chủ Mác-xít đặt nền tảng của họ trên những mối quan hệ giữa phương tiện và cứu cánh, những quan hệ hoàn toàn máy móc và không nhìn nhận những định luật về tâm lý. Thí dụ, « vô sản chuyên chính » là phương tiện, đối với dân chủ lý tưởng là cứu cánh. Cùng cố nhà nước là phương tiện, đối với làm suy yếu nhà nước là cứu cánh. Đảng cấp xã hội và thù lao là phương tiện, đối với xã hội không giai cấp và hoàn toàn bình đẳng là cứu cánh. Bạo tàn chống lại « kẻ thù của nhân dân » là phương tiện, đối với tiêu trừ thủ đoạn cưỡng bách là cứu cánh. Đứng trên phương diện lý thuyết mà xét, thì các điều ấy không phải là không thực hiện được, và không phải chỉ bây giờ mới có những người tin tưởng phải đi từ giết hại để tới huynh đệ an hòa ; phải đi từ độc tài để tới tự do ; phải đi từ chiến tranh để tới hòa bình. Song đứng trên phương diện thực tế mà xét, con người không phải là một khí cụ thụ động, không có trí nhớ và không có thói quen. Trong bạo tàn, trong chiến tranh, trong độc tài, bản năng xâm hại và áp chế của con người thường được

tha hồ thao túng và nảy nở. Giả thiết như một ngày nào đó, các « điều kiện khách quan » có thể khiến cho một xã hội an hòa xuất hiện được chẳng nữa, thì liệu có chắc những « điều kiện chủ quan », tức là những tinh thần tự do, bình đẳng, huynh đệ của con người, liệu có tồn tại mà không tiêu tan mất đi tự bao giờ không ? Trong lịch sử, Thập tự quân, Cách mạng khỉng bố, Thế giới chiến tranh chẳng cũng đã theo đuổi những cứu cánh hòa bình và nhân đạo trên nguyên tắc đó sao. Cái đại họa là ở chỗ những phương tiện dùng để đi tới cứu cánh nhiều khi lại biến trở thành những trở lực ngăn cản, không cho cứu cánh xuất hiện, bởi cái tâm lý của con người do phương tiện gây ra đã bị lạc hướng và không còn thích hợp với cứu cánh định tâm theo đuổi từ trước nữa.

Nói vậy không phải là bảo rằng các chế độ dân chủ tây phương là những kiểu mẫu dân chủ tuyệt hảo. Chẳng còn ai lạ gì, trong những chế độ đó, nhiều kẻ cầm quyền từng dùng bạo lực để bóp nghẹt những yêu sách chính đáng của giới cần lao trong nội bộ, và thường tìm cách phát triển chủ nghĩa đế quốc ở ngoài nước họ. Tuy nhiên, lý tưởng của họ dẫu bị họ phản bội, vẫn là lý tưởng chủ trương dùng tự do để đi tới tự do, và dùng phương tiện hòa bình để đi tới hòa bình. Kẻ thực hiện lý tưởng có thể không hay, chứ lý tưởng, nguyên nó, không phải là dở. Kẻ thực hiện lý tưởng trái với chủ trương của lý tưởng, dẫu ngoan cố vẫn biết việc làm của mình là việc rất quấy. Trái lại, chế độ dân chủ Mác-xít, sau bao thủ đoạn mà họ

gọi là thủ đoạn chiến thuật hay giai đoạn, đã chứng tỏ họ khó lòng trở lại được đúng cái hướng họ định theo đuổi từ khi khởi xuất, bởi lẽ họ cho thủ đoạn của họ là thủ đoạn cần thiết và rất hay, không cần phải trách vấn bao giờ.

c. — Nếu muốn nói rộng cuộc tranh luận và đưa vào địa hạt triết lý, thì ta thấy rằng : Một triết lý duy vật, dầu biện chứng của nó có khôn khéo đến đâu, cũng không thể sao thu nhận những hiện tượng và định luật tinh thần vào trong hệ thống của nó. Ta phải công nhận một điều là : Một triết lý duy thần bao

giờ cũng thừa nhận vật chất dễ dàng hơn là một triết lý duy vật thừa nhận tinh thần. Chính vì vậy mà chúng tôi tin rằng, chế độ dân chủ cộng sản phát sinh từ chủ nghĩa duy thần, mang trong nó những điều kiện khả dĩ để ta vượt cao lên mà tìm giải pháp cho cuộc tranh chấp giữa hai quan niệm dân chủ, trong khi chế độ dân chủ Mác-xít tự cho mình là mãn túc, không thể quan niệm còn có cái gì vượt lên trên chủ trương của họ được nữa.

HOÀNG-MINH-TUYNH

biên khảo

Danh ngôn, danh lý

NGHỊ LỰC THỰC HÀNH

- ★ Phải có nghị lực, nhưng nghị lực đây không phải là nghị lực hung hãn, mà là nghị lực thực hành, tích cực, biết lượng sức để đi được đến nơi đến chốn.
- ★ Quyết định không chưa đủ, còn phải làm sao cho quyết định trở nên một quyết định thực hành.



Muốn cho sự giao du được lâu bền

Khổng-Tử sắp đi ra, gặp trời mưa mà không có dù che. Trong số học trò, có người nói :

— Trò Thương (Tên của thầy Tử-Hạ) có cây dù.

Khổng-Tử đáp ngay :

— Trò Thương là một người rất keo bần về tiền tài; ta nghe chơi với người ta nên suy theo cái sở trường của ta, và nên tránh cái sở đoản của người ta, thì mới giữ được cái lâu dài.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

TẾT

ĐI THĂM MỘT NHÀ

CÁCH MẠNG

Nguyễn-hiến-Lê

NHỚ hồi đó vào đầu năm 1936, tôi mới vô Nam được đúng một năm. Tối mừng ba tết, tôi với một người anh họ lại thăm một nhà cách mạng, cụ Võ-Hoành ở Sa-déc.

Cụ dòng dõi thế gia, con một cụ Tú sanh năm 1867 (?) ở làng Thịnh-liệt, tỉnh Hà-dông, một làng cách Hà-nội độ mười cây số và nổi tiếng về trái vải cùi dầy, hạt nhỏ, vị thơm và ngọt, hồi xưa dùng để tiến vua.

Cụ thi vài khoa không đậu, rồi khẳng khái bỏ cử nghiệp, cùng với một người Chi, gia nhập phong trào Đông-kinh nghĩa-thục. Người Chi mà hồi đó các cụ trong nghĩa-thục thường gọi là Chi Bày, thông chữ Hán, tính tình quả cảm như đàn ông, làm liên lạc viên, thường

đi từ Bắc vô Nam, từ Nam qua Tàu, mua bán thồ sản mỗi nơi, kiếm lời quyên trợ cho du học sinh. Bọn « trành » (1) thấy là đàn bà, vả lại quen mặt, không nghi ngờ gì cả.

Còn cụ thì tính tình, nóng nảy, khẳng khái, đi cồ động cho nghĩa-thục, cùng với các cụ Dương-Bá-Trạc, Lương-Trúc-Đàm, Đỗ-Châu-Thiết, đứng vào phe bạo động, muốn vượt mục đích duy tân tự cường của cụ Lương-Văn-Can mà làm nội ứng với cụ Phan-Sào-Nam, nhà cách mạng chủ trương cầu ngoại viện để giành lại độc lập bằng võ lực. Nhưng

(1) Tiếng lóng của các cụ thời đó để chỉ bọn mật thám. Trành là ma cộp. Theo mê tín hồi xưa, hễ ai bị cộp ăn thịt thì hồn phải theo cộp để dắt cộp đi ăn thịt kẻ khác, như vậy hồn mới được thoát. Bọn mật thám đất Pháp bắt đồng bào cho nên các cụ gọi là « trành ».

cụ chưa có cơ hội hoạt động thì năm 1908, Nghĩa Thục bị đóng cửa và năm sau, cụ cùng với cụ Huấn-Quyền, cụ Dương-Bá-Trạc bị Nam Triều kết án chung thân khổ sai, đày ra Côn-đảo. Năm 1910 cả ba cụ đều được ân xá và an trí ở Nam Việt; cụ Huấn ở Bến-tre, cụ Dương ở Long-xuyên, cụ Võ ở Sa-đéc.

Chánh Tham-biện (tức tỉnh trưởng) Sa-đéc muốn lung lạc cụ võ về:

— Ông cứ yên ổn làm ăn, chính phủ sẽ đề cho thông thả, và muốn gì thì chính phủ sẽ giúp. Đừng đi đâu xa, mà nếu có việc cần phải đi thì cho bốn chức hay trước. Khách xa lại, đừng nên tiếp là hơn.

Lần khác lại ngỏ ý muốn trợ cấp cụ mỗi tháng 10\$. (ta nên nhớ hồi đó lương thông phán chỉ khoảng 30\$); cụ từ chối.

Vì sự từ chối đó mới có giai thoại sau này:

Một lần, một chú lính, chắc mới tới Sa-đéc, chưa biết cụ, gọi cụ lại xét giấy thuế thân. Cụ trừng trừng nhìn chú ta rồi mỉm cười đáp:

— Chú lên hỏi quan Chánh Tham-biện. Chính phủ mười mấy năm nay còn thiếu tôi nhiều tiền lắm. Mỗi tháng chính phủ biểu tôi 10\$ mà tôi không nhận, còn bắt tôi đóng thuế thân nữa ư?

Chú lính ngơ ngác, không hiểu gì cả, nhưng thấy cụ ăn nói ngang tàng như vậy đành làm thinh. Có lẽ trong thời Pháp thuộc, khắp nước chỉ có một mình cụ là khỏi phải đóng thuế thân mặc dầu không được miễn.

Hồi chúng tôi lại thăm cụ, cụ làm thuốc đề sinh nhai. Cụ được tiếng là mát tay, trị được nhiều bệnh khó. Những bệnh nhân giàu có tạ ơn cụ bao nhiêu cụ cũng nhận, còn người nghèo thì cụ giúp không công. Tới Sa-đéc cứ bảo phu xe kéo lại nhà cụ Cừ (1), thì người nào cũng biết. Họ rất quý trọng cụ vì mỗi khi đi coi mạch cho ai, bệnh nhân đưa tiền xe, cụ đều cho lại phu xe hết, thành thử có lần kéo cho cụ trong năm, mười phút mà họ nhận được hai ba cắc hoặc một đồng. Làm thuốc mà nhân từ như vậy, tất nhiên chỉ kiếm đủ tiền trà, thuốc; nhờ có hai người con gái lớn bán tơ lụa Hà-đông ở chợ Sa-đéc nên cụ không đến nỗi túng thiếu.



Tối hôm đó, qua một cái cổng bằng cây, một khu sân thoang thoang hương mai và hương huệ, anh tôi và tôi bước vào một căn nhà ba gian lợp ngói, vách ván, bày biện sơ sài.

Cụ thân mật tiếp chúng tôi. Năm đó cụ đã bảy chục tuổi mà vẫn còn quắc thước, tóc chưa bạc, người gầy, mặt xương, mắt sáng. Hai cái đặc sắc nhất trong con người cụ là giọng nói và cái lưng. Giọng cụ sang sảng, vang và ấm; còn lưng cụ thẳng như một gốc sao. Cụ không bao giờ khòm lưng được và vẫn thường nói với các người thân:

— Chính vì cái lưng tôi nó không cong được, nên tôi mới bị Hoàng-Cao-Khải nó

(1) Như trên tôi đã nói, cụ thi rớt vài khoa rồi bỏ luôn cử nghiệp; nhưng ở Nam-Việt thời đó, các nhà nho có danh vọng ở Bắc, Trung vào, đều được dân chúng tôn là cụ Cừ, nên mới có tên đó.

sai lính quất tôi. Lính nó quất tôi thì tôi chửi lại nó, rồi nó cũng chẳng làm gì tôi được. Đầu tôi là « đầu gáo » mà, khi nào chịu khuất phục những quân đó. (1) Chính những quan thầy tôi còn chẳng coi vào đầu, huống hồ chúng.

Các bà lão ở Sa-đéc gần đây còn kể chuyện một năm nào đó, lính đi từng nhà bắt treo cờ tam tài trong ngày lễ 14 tháng 7 dương lịch. Tới nhà cụ, không thấy cờ xí gì cả, một người lính lớn tiếng hỏi :

— Trong nhà sao không treo cờ ?

Cụ cho một người con ra đáp :

— Quên mất, đề đi kiếm cờ treo.

Một lát sau, hàng xóm thấy ở gần cửa nhà cụ một chiếc quần đen bay phấp phới ! Quả thực, cái đầu của cụ là cái « đầu gáo » !



Cụ ngồi xếp bằng tròn trên một bộ ngựa, bên một án thư, hỏi chuyện chúng tôi về tình hình ngoài Bắc, gia cảnh các đồng chí của cụ, rồi tới công việc làm ăn của tôi.

Khi gần ra về, tôi hỏi cụ đầu năm đã có bài thơ nào khai bút chưa. Cụ cười, đáp :

— Bạn bè mỗi người mỗi nơi ; cụ Cử-Dương thì về Bắc rồi, cụ Huấn-Quyền thì ở Bến-tre, hàng năm chẳng gặp nhau, thành thử mấy năm nay tôi chẳng làm được bài thơ nào cả. Cậu muốn nghe thì đề tôi đọc cho cậu một bài tôi làm cách đây sáu bảy năm, hồi cụ Phương-Son lại thăm tôi.

(1) Ngày xưa, những người bị chém và bêu đầu thì thân nhân chỉ được xin thấy về, rồi lấy 30 gáo dừa thay đầu mà chôn.

Rồi cụ đọc :

*Ngao ngán lòng tôi tối lại mat,
Lòng tôi, tôi biết giải cùng ai ?
Ngàn năm cố quốc hồ chưa tỉnh,
Hai chữ đồng tâm nét cũng sai !
Mài lệ chép thơ phơ trước mặt,
Coi tiền như mạng bỏ ngoài tai.
Thôi thôi biết nói chi cho hết,
Càng nói càng thêm nổi thờ dài.*

Tôi hỏi :

— Chắc cụ Phương-Son có họa lại ?

— Có.

— Xin cụ cho cháu nghe cả bài họa.

— Không chắc tôi còn nhớ hết...

Cụ suy nghĩ một lát rồi nói :

— May quá, còn nhớ. Như vậy :
*Khí phách thường như buổi sớm mai,
Đường văn minh đó, hẹp chi ai ?
Đạp vòng trời đất chân cho vững,
Vẽ mặt giang sơn bút dăm sai ?
Cọp bắt tay không đừng nói khéo,
Rắn theo làn đuốc cũng công lai !
Anh em giữ lấy niềm hòa hảo,
Nồi giống vờ sau phúc lộc dài.*

Tôi lấy bút chép cả hai bài. Cụ mời tôi dùng trà rồi hỏi :

— À, cậu biết chữ Hán không nhỉ ?

— Thừa cụ, cháu cũng đang học.

— Thế thì cậu chép nốt bài này nữa, rồi lúc nào nhàn, dịch cho tôi nghe.

— Cụ dạy, cháu xin vâng, nhưng cháu chỉ mới bập bẹ thôi ạ.

— Bài này dễ mà. Của Tây-hương-long-thanh, một nhà ái quốc Nhật-Bản. Đây, cậu chép nhé :

*Đại thanh hô tửu thưởng cao lâu,
Hùng khí dục thôn ngũ đại châu.
Nhất phiến đan tâm tam xích kiếm,
Huy hoàng tiên trảm nịnh thần đầu.*

Chép xong, ngồi hầu chuyện một lát rồi chúng tôi đứng dậy xin cáo biệt. Cụ tiễn chúng tôi tới cổng, lấy lòng chí thành dặn tôi câu này làm tôi ghi tâm đến bây giờ :

— Đây cậu, nhà mình là nhà nho thanh bạch, cậu có tính lập gia đình thì cũng nên tìm chỗ nào thanh bạch ấy nhé.

Tôi gặp cụ lần đó là lần đầu ; chỉ vì tình đồng khí giữa cụ và các bác tôi mà cụ coi tôi như con cháu, khuyên tôi giữ cái tâm cho sạch. Tấm lòng đó, chỉ nhà nho mới có, nên tôi rất cảm động, vừa tàn bộ dưới hàng sao ở bờ rạch Sa-đéc, vừa bồi hồi nghĩ đến chí khí và đạo bằng hữu của ông cha.

Ngay chiều hôm sau, mới bước chân xuống ghe của tôi đậu ở Phụng Hiệp, tới

chép ngay bài dịch của tôi gửi hầu cụ.

Dịch rằng :

*Lớn tiếng lên lầu gọi : « Rượu đâu ? »
Khí hùng muốn nuốt cả năm châu.
Lòng son một tấm, gươm ba thước,
Loang loáng vung lên, nịnh rớt đầu.*



Lần sau tôi gặp cụ đứng vào một trong những lúc loạn lạc nhất của lịch sử Việt-Nam : Cuối trung tuần tháng chín dương lịch năm 1945. Cụ lúc đó mới ở Sa-đéc lên Sài-gòn, tóc đã bạc nhiều, bước đã chậm, nhưng lưng vẫn thẳng như trước. Hôm ấy cụ bận việc quá, không dám làm mất thì giờ của cụ, đành nình sẽ trở lại thăm cụ, nhưng chưa kịp thì đã mỗi người một nơi.

Sáu năm sau, tôi hay tin cụ đã quy tiên ở trong đồng Tháp Mười. Nghe đâu như cụ làm cố vấn hay tham-mưu cho một đội nghĩa quân ; vì người ta không chịu nghe lời cụ mà bỏ lỡ một cơ hội giết địch, nên cụ uất hận, thổ huyết rồi mất.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

- ✱ Phải kiên quyết, không để cho trở lực khiến mình chán nản ; nhưng phải biết thêm cách biến những cái « không có thể » thành những cái « có thể », mới là vẹn toàn.
- ✱ Không chịu khổ, chịu phiền thì không thể nào đạt được kết quả, cho nên người ưa hoạt động không sợ khổ, sợ phiền. Khổ, phiền, có thể tự mình mà tới, có thể do người mà đến, và cũng có thể bởi hoàn cảnh hay bản chất của sự vật gây nên. Ta cứ nhận lấy chúng, rồi sẽ khắc phục được.



CON HEO

THEO QUAN NIỆM TA

TRONG

VĂN 'THO'

Chuẩn Phong

Chó đã sủa trằng thảng chạp mà rút về dĩ vãng theo năm Mậu-tuất thì đã hiện về anh Hợi chễm chệ với bộ áo xuyến nọng heo (1). Không biết chàng ta có cộm cộm cái giò heo sau lưng hay chẳng mà cái bản mặt heo hằm cho một đồng ! Nhưng không sao, và không kêu eng-éc như con chim heo đem điếm bắt tường, và chỉ có ì ì đòi ăn, mà không lừa kén :

Tuổi Hợi ; con heo ăn hèm,

Ham ăn hốt uống, chẳng cần miếng ngon.

Con người còn « dĩ thực vi tiên », huống hồ chàng va : chủ nghĩa *bao tử* hay là căn bản đối trường trước đã ! Chớ tại sao muốn heo nuôi nân, mà lại căm treo đề heo nhện dới ? Muốn cho heo lăn mỡ, ú na ú nân, muốn bỏ ống nuôi heo, tất nhiên vì dầu heo phải gánh gộc chuối ! Chớ va xấu chúng dới đã nổi tiếng : lợn dới một bữa bằng người dới nửa năm. Sự thật, nói có Trư-Bát-Giải chúng miah, chúng dới của va vẫn còn thua lủ tằm ăn lên xa lắm : Lợn dới một năm không bằng

(1) Những thành ngữ, tục ngữ, ca dao, văn thơ về con heo đều in bằng chữ xiên.

tầm đôi một bữa. Phải nói cho miêng, chớ lợn lành mà bảo lợn toi thì e túi hồn Trương-Ba da hàng thịt.

Trong thực tế, chàng va cũng tiếng tăm lừng lẫy như cồn, kém gì du côn Mỹ-tho, gái Cao-lãnh, và cũng không nhường gái thôn Đoài, trai thôn Thượng: thiên hạ đồn lợn Tó, gà Tò (Trò) kia mà !

Thực tế hơn nữa, là va được người ta hoan nghênh nhiệt liệt mỗi năm, vào dịp Tết Nguyên đán, trong khắp cùng thôn xóm ; trong dịp ấy, va tượng trưng cho tinh thần đoàn kết của nhân dân và cũng biểu hiệu tài kinh tế tự túc của họ ; nói theo văn chương thời nguyên tử của chúng ta, va cụ thể hóa sự phát triển cộng đồng. Vả từ có lẽ to lớn, chớ sự thiệt, mỗi xóm người ta xúm nhau *măn hàng heo*, chia nhau một nhà ít kí đề cùng nhau ăn Tết, khỏi phải lặn lội ra chợ gánh vàng đi đồ sông Ngô. Rồi mỗi khi *măn hàng*, người dân lành hằng nhớ đem *dầu heo nong thịt* biếu cho xã hương : của ít lòng nhiều, cũng như *miếng thịt làng bằng sàng* *thịt chợ*.

Với công dụng vật chất và tinh thần như thế, va đáng quý thật, cho nên thiếu chi người đã vì tham va mà phải gả bán con một cách ép uòng :

Mẹ em tham thúm xôi dền,
Tham con lớn béo, tham tiền Cảnh-Hưng.

Tôi đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hăm mẹ hứ, mẹ bưng mâm vào !

Va quý thật, cho nên người ta đã đem va mà đòi lấy cô gái có duyên :

Còn duyên anh cưới ba heo,
Hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi !

Do đó, nổi lên một phong trào chăn nuôi to rộng, xâm chiếm các lớp tư sản, bần cùng : *giàu nuôi lợn đực, khó cực nuôi lợn nái*. Vì trong trường hợp nào, người ta cũng thủ lợi :

Lợn bột thì thịt ăn ngon,
Lợn nái thì đẻ lợn con cũng lời

Rủi ông chuồng bà chuồng không cho, nếu va bỏ ăn, người ta cũng không thiệt thòi nhiều, vì ít lắm người ta cũng còn vớt vát : *nuôi heo rán lấy mỡ*, cũng như *nuôi con đỡ chơn tay*.

Vì lẽ va là nguồn lợi của gia đình, nên người ta đã ấn định một điều luật nữ công cho bạn gái :

Đàn bà thì phải nuôi heo
Thời vận đương nghèo, nuôi chẳng
đặng trâu.

Điều luật đó có điều khắc nghiệt, không thể kháng cáo, không có trạng sư biện hộ cho, một khi bạn gái đứng vào hạng V1, V2 và V vân vân :

Lấy chồng, lấy lẽ khó thay,
Đi cấy, đi cày, chị chẳng kể công ;
Đến tối chị giữ lấy chồng,
Chị cho manh chiếu nằm không nhà
ngoài.

Đêm đêm gọi nhứng : « Bó Hai !
Chờ dậy nấu cám, thái khoai, băm
bèo ! »

Mà muốn nuôi va cho kết quả mỹ mãn :

Trông mặt mà bắt hình dong :
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

thì bạn gái phải lao động nhọc nhằn,
nào lột ồ rơm, nào treo lá ủ, nào tắm
cám, muống bèo :

Trắng da vì bôi má cưng,

Đen da vì bôi lột bụng vớt bèo.

Va đã quí như vậy, thế mà nhiều lúc
cũng ế hàng, có lẽ vì kinh tế khủng hoảng,
vì thất bác mùa màng :

Ba bà đi bán lợn con,

Bán thì chẳng được, bon bon chạy về.

Ba bà đi bán lợn sề,

Bán thì chẳng được, chạy về bon bon !

Heo với gái như bóng với hình. Nói
theo văn chương kim thời thì heo với gái
có giá trị tương quan, vì chính các bà đã
luôn miệng dặn dò : *nuôi heo kẻi nái,*
cưới gái chọn dòng. Nói theo văn chương
toạc móng heo đó, đổ khỏi các cô, các bà
cắt tiếng oanh lãnh lót mà hò tại mặt
cho mấy câu :

Anh kìa ăn nói ồ ề

Như thề heo sẽ tát c... cầu tiêu !

Mắng như vậy thật là tội nghiệp, chẳng
khác nào con gà nở nhiếc con heo :

Heo ăn rồi ngủ ngáy sì sì,

Giả ngây dại, biết gì việc chủ.

Ngắm diện mạo, dị hình, dị thú,

Xem dung nhan khác thế, lạ đời.

Như nuôi chơi, chẳng phải giống chơi,

Chạy rau cám như tiền nội án.

Nó đủ mỡ, nhảy quanh, nhảy quăn (?),

Đói xệp hông, cần máng, cần chuồng,

Mỗi một ngày ba bữa rỗng rỗng,

Đã chẳng thấy bữa nào sai chạy.

Báo bất gì mà người yêu vậy ?

Mù quáng chi mà phải báo cô ? (1)

Nhiếc oan ức, nên heo buộc lòng phải
phản đối phản trần :

Chú gà chớ lung lẳng múa mỗ,

Giữ ! có ngày cần cò chẳng tha !

Ghét thương thì mặc lượng chủ nhà,

Chớ thốc mách kiểm lời phỉ báng.

Như các chú lao đao đã đáng,

Heo thông dong ăn nhẩy mặc heo.

Nội hàng trong lục súc với nhau

Ai sánh đặng mình heo béo tốt ?

Heo trắng, heo quay thật là béo tốt
nên dự vào lễ vật dâng cúng thánh thần.
Một trứng gà hay một trứng vịt với
một con cua hay một con tôm, cần phải
có một miếng thịt heo mới thành lễ
tam sên ; cũng như cần phải có mặt cả
con heo bên cạnh con trâu và con dê
mới thành lễ *tam sanh* đầy đủ :

Vua ngự lễ Nam-giao đại đột

Phải có heo mới gọi tam sanh

Con heo đóng một vai tuồng trong
việc tế lễ như vậy, há chẳng đáng cho
con gà kính nể sao ? Vậy con gà hãy

Đừng đừng quen lời nói lạnh chanh.

Bớt bớt thói chê ai ăn ngủ.

Phương chi trong việc cưới xin,
người ta còn phải cậy đến heo :

Kìa những việc hôn nhân giá thú,

Không heo ra, tính đặng việc chi ?

Dầu cho mỗi năm bảy chuyển đi,

*Cũng không thấy một người thấp
thoáng.*

Con heo trong cũi hay con heo cột

(1) Lục súc tranh công (trích)

bốn giò vẫn có công trạng ngang nhau :
phạt tạ, hòa giải đều cần đến nó :

Việc hòa giải, heo đầu công trạng,
Thấy mặt heo, người dạ oán thù.
Nhấn đến khi ngu phụ, ngu phụ
Giận nhau đánh giập đầu chảy máu,
Làng xã tới lao đao, lấu dáu,
Nào thấy ai gỡ rối cho xong ?
Khiêng heo ra đề lại giữa dòng
Mọi việc rối liền xong trơn trãi.

Phải chăng, chẳng phải,

Nghĩ lại mà coi :

Việc quan hôn, tang, lễ, vô hồi,
Thầy thầy cũng lấy heo làm trước.

Heo vốn khù khờ, không hay khua
môi múa mỏ, nhưng vì gà hiếp đáp nên
phải biện phân :

Bởi gà nhỏ nói lời lẩn lút,
Nên phải phân ít chuyện mà nghe,
Để heo nào có dạ dám khoe ?
Khẩn khẩn cũng lo làm việc phải.
Heo cũng biết đền ơn, báo oán,
Heo cũng hay tiêu họa, trừ tai,
Toát thân, phân cốt chi nài ?
Nát thịt tan xương bao quản ?
Lòng thờ chủ ngay đà tỏ rạng,
Thân mình nầy ví bằng như không.
Tại chú gà lời nói khùng khùng.
Mới sinh sự so đo trường đoản.

Cuộc tranh công giữa gà heo được
chủ nhân xử chìm xuống :

Gà biết chữ « xả sinh thủ ngãt, »

Heoặng câu « sát thân thành nhân ».

Nhưng cuộc tranh công ấy được một

vị cai tòng phân đoán có lẽ công minh
hơn :

Rốt loài lục súc thiệt là heo,
Tế tự làm ra mới phèo vèo.
Bộ mặt u-nu hằm một trách,
Vóc mình ú lúu máng ba treo.
Bà con chung chạ không kiêng nề,
Em chị xa gần cũng đánh đeo.
Họa có Chà-Và hay sợ gã,
Trợn đời xốc táp giải chơn cheo.



Linh tánh như ai há dám bì,
So tài hữu dụng để thua chi ?
Ghe phen trước án nghe đồn thò,
Nhiều thuở sau lưng chịu lạy quỳ.
Cưới hỏi thiếu thì sao phải lễ,
Miền đường không lại chẳng nhàm
nghĩ.
Lỗi lằm gặp mặt đều êm mát,
Tốt cửa quan tiên thấy cũng vui.

Lê-Quang-Chiều (1)

Người chủ nhìn nhận con heo được
câu « sát thân thành nhân », nghĩa là
nhìn nhận đức hy sinh của nó. Đức hy
sinh ấy cũng được đề cao.

Con heo nằm trước cửa lò,
Biết mình mãn số, tới giờ bỏ thầy,
Cùng người thọc huyết kêu nài :
« Từ bi xin chú lẩn nầy tha tôi ! »
Người rằng : « Ta cảm thương
người ;
Nhưng mà phải hiểu sự đời cạnh
tranh :

(1) Quốc Âm Thi Hiệp Tuyển, Nhà in Claude
& Cie Saigon, 1904.

*Phần người hèn yếu chết đành.
Phần ta hại vật sát sanh là nghề.
Tử sanh kìm cò thường lẽ,
Chết vinh hơn sống cam bề nhục ô.
Đừng ăn xin kiếp sống nhờ,
Chết vinh thiên hạ hoan hô muôn đời.»*

Huê Phong (1)

Con gà và con heo đã gặp nhau trong *Lục súc tranh công*, gây ra một cuộc đấu khẩu vui vui, và còn gặp nhau trong một giai thoại giữa một chị quán và một thầy đồ.

Thầy đồ ấy đi lỡ đường, ghé trọ nơi một quán bên đường mà chủ nhân là một gái góa còn trẻ tuổi và còn nhan sắc. Vì chủ quán trẻ đẹp mà thầy ta không thể ngủ yên, sáng đêm cứ rọ rạy. Đến chừng gà gáy sáng, thấy cô chủ quán đã thức dậy, thầy liền gây chuyện và biểu cô ra câu đối cho thầy đối. Chủ quán giả dốt, nhưng rớt cuộc cũng tuân lời thầy mà ra câu đối, nhưng ra từng hai tiếng một. Chủ quán ra : « Đêm khuya ». Thầy đồ thấy dễ quá, liền đối ngay : « Ngày sáng ». Chủ quán tiếp : « Gà gáy ». Thầy đồ đối : « Heo kêu ». Chủ quán thêm : « Ó o ». Thầy đồ đối : « Ợt ệt » chủ quán ra thêm : « Chị quán thức dậy » Thầy đồ đối : « Thầy đồ nằm xuống ». Chị quán thêm : « Mà lo ». Thầy đồ : « dặng sấm ». Chị quán chấm dứt : « Đồng tiền ». Thầy đồ : « Hột thóc ». Đối xong, chị quán đọc lại câu của mình :

*Đêm khuya gà gáy ó o,
Chị quán thức dậy mà lo đồng tiền.*

Thầy đồ đọc lại câu của mình :

*Ngày sáng heo kêu ợt ệt,
Thầy đồ nằm xuống dặng sấm hột thóc.*

rồi khăn gói ra đi, không dám ngó lại xem chị quán ôm bụng cười nghiêng cười ngửa.

Đó là câu đối con heo theo nghĩa trong cặp luận nhứt của Lê-Quang-Chiều, làm hạ giá của heo, thứ heo nọc đó, thứ heo ít có lắm. Người heo thì làm câu đối heo vậy, Còn đây là người tướng, nên làm câu đối hùng hồ :

*Tướng hồ gặp binh hùm ăn quá cộp,
Quân đồn làm thịt lợn ních như heo.*

Câu đối này còn cho thấy một đặc sắc khác của heo, một đặc sắc về ngôn ngữ, chứng tỏ tiếng ta không phải nghèo nàn, vì trong câu sau ta thấy con heo còn kêu là đồn, lợn.

Vâng, con heo đã đỡ ngật cho con người, lại còn làm giàu cho tiếng nói, vì người ta còn kêu nó bằng những tên chữ nghĩa nào hợi, nào trư ; bằng những tên đồng bóng nào con cú, nào con gỏi, nào con éc, và bằng những tên tưng tiu nào con lang, nào con quẩn, nào con ột, nào con đen.

Ngoài bao nhiêu đức tánh và bao nhiêu công trạng của nó, con heo còn có một giá trị tượng trưng cao cả bất ngờ. Phải chăng nó tượng trưng sự thống nhứt ngôn ngữ, vì Nam Bắc tuy kêu heo, lợn khác tiếng, nhưng ở đây người ta không kêu bánh da heo mà vẫn kêu *bánh da lợn*. Nếu ai nấy đồng ý, thì nên hoan nghinh con heo, con lợn và năm Hợi phong phú !

Thuần-Phong
NGÔ-VĂN-PHÁT

(1) Ngữ ngôn Việt-Nam I, Dân chủ x b Sài Gòn, 1952.



Trung cầu tôn ý độc giả :

TẾT GIAO-THỪA

GIỜ NÀO MỚI ĐÚNG ?

Phùng-bá-Khanh

I. — Định nghĩa chữ Giao-Thừa

GIAO. — Nghĩa chữ Hán là thể hoán, điều hoán ; nghĩa nôm là trao đổi, thay đổi.

THỪA. — Nghĩa chữ Hán là tiếp liên, kế tục ; nghĩa nôm là tiếp theo, tiếp nối.

Vậy hai chữ Giao-Thừa, nghĩa đen, là trao tiếp nhau.

Riêng trong trường hợp mà danh từ Giao-Thừa được dùng để chỉ quãng thời gian kế tiếp giữa năm cũ và năm mới, danh từ này còn có ý nghĩa tôn giáo và được màu sắc dị đoan, mê tín nhiều hơn.

Trong cuốn « Coutumes et Légendes de la Fête du Têt au Viet-Nam » do Tạp chí Horizons ấn hành bản đặc biệt, có đoạn viết rằng :

— « Le Têt commence véritablement avec le Giao-Thừa qui marque la transition d'une année à l'autre et se célèbre à partir de minuit...

« Le Giao-Thừa se célèbre simultanément dans les familles mais aussi dans les pagodes. Chaque année, l'Empereur de Jade désigne dans chaque foyer un nouveau génie qui a mission de veiller sur la famille. Le Giao - Thừa a pour double

objet de remercier le génie qui s'en va faire son rapport à l'autorité céleste et d'accueillir son successeur... »

Như vậy, theo tác giả, Giao-Thừa là lúc mà Táo quân năm cũ lập « biên bản » bàn giao công việc trần thế cho Táo quân kế tục, trước khi thăng thiên để báo cáo thể sự với Thượng-Đế Ngọc-Hoàng.

Cho nên, dân chúng tin tưởng dị đoan đã nhằm lúc Giao-Thừa để hành hương tiễn đưa ông Táo cũ với hy vọng được ông báo cáo tốt lên Thiên-Đình, và đồng thời cung nghinh ông Táo mới, để cầu khấn ông phù hộ độ trì cho cả năm sắp tới. Bởi lẽ đó, người ta còn gọi Lễ Giao-Thừa là Lễ Tống-Cự Nghinh-Tân.

II.— Lễ Giao-Thừa khác Tết Nguyên-Đán chỗ nào ?

Giao-Thừa, như trên đã nói, là khoảng thời gian nối tiếp giữa năm cũ và năm mới. Nguyên Đán là buổi sớm mai thứ nhất của một năm. Tự điển Trung-hoa định nghĩa rằng :

NGUYÊN : khai thủy đệ nhất dã ;

ĐÁN : tạo thần dã.

Cho nên, người ta mới phân biệt : Lễ Giao-thừa với Tết Nguyên-Đán.

Lễ Giao thừa thường cử hành vào hồi nửa đêm Trừ-Tịch.

Tịch là lúc mặt trời lặn mà người Trung-hoa giải thích là : Nhật lạc đích thời hậu. Trừ tịch là cái đêm cuối cùng của năm cũ mà người Trung-hoa giảng rằng : Niên trung tối hậu nhất thiên đích dạ gian.

Như vậy, người ta làm lễ tế Giao thừa xong rồi lại đi ngủ để chờ sáng sớm hôm sau, mới trở dậy « ăn » Tết Nguyên Đán của đầu năm.

Tết Nguyên Đán khởi thủy từ sáng sớm ngày mùng Một tháng Giêng âm-lịch và tùy theo khả năng tài chánh của từng nhà mà kéo dài từ một, hai, ba ngày đến năm, bảy, chín, mười ngày... liên tiếp.

Bởi vì Tết là ngày hay những ngày kỷ niệm, khánh chúc và yến tiệc vui mừng, muốn lâu bền bao nhiêu cũng được, chứ không ấn hạn trong một thời gian nhất định nào. Ta thường nói : Ngày Tết Đuan Ngọ, ngày Tết Trung-Thu, những ngày Tết Cộng-hòa hay Quốc khánh (vì có khi dân chúng ăn Tết hai, ba ngày liền).

III.— Lễ Giao thừa cử hành giờ nào mới đúng ?

Ngày nay, không riêng gì Việt-Nam, ngay cả Trung-hoa, Cao-ly, và Nhật-bồn cũng vẫn còn làm lễ Giao-thừa và ăn Tết Nguyên-Đán vào ngày mùng Một tháng Giêng âm-lịch mà người Trung-hoa kêu là Nông-lịch để phân biệt với Tây-lịch mà họ đã tự nhận là Quốc lịch, kể từ năm thành lập Trung-hoa Dân-quốc.

Trong dịp này, tất cả mọi người Á-đông theo văn minh Trung-hoa đều bảo tồn cổ tục, không phân biệt Gióng nòi và Tôn giáo.

Đến giờ Giao-thừa, người ta cúng tế Tò Tiên, ra Đình lễ Thần, hay ra Chùa lễ Phật, để xin Lộc (oản chuỗi...), rồi hái Lộc (Lá cây non)...

Người theo Thiên Chúa-Giáo thì cũng thức giấc, đốt đèn sáng trưng, đốt pháo ăn mừng và truyền trò vui về đề mừng

phút đầu tiên của năm mới. Nhiều người Công-giáo còn cầu nguyện trong lúc Giao thừa, đề xin Bề trên ban phước cho Gia-dình, làng xóm.

Tuy nhiên, có một điều mà chúng tôi rất phân vân là :

— Lễ Giao-Thừa có lẽ đã bị cử hành không đúng lúc ! Theo kinh nghiệm và nhận xét riêng trong gần bốn chục năm trời đăng đăng, hàng năm, cứ đến 12 giờ đêm hôm trừ tịch, (hoặc nhanh chậm độ 5 hay 10 phút, vì đồng hồ các nhà không được đúng nhau), các gia đình mới bắt đầu làm lễ tế Giao-Thừa, các đình chùa mới rung vang chuông trống cúng bái Thần, Phật. Đồng thời, lúc ấy là lúc nổi lên xung thiên, tám hướng, Tiếng-Pháo Giao-Thừa, làm chấn động cả không gian, trong khoảng thời gian đầu tiên của năm mới.

Theo ngu ý chúng tôi, thì tế Giao-Thừa vào lúc 12 giờ đêm là thất sách.

Tại sao vậy ?

Bởi vì như trên đã nói, Giao-Thừa là khoảng thời gian kế tiếp giữa năm cũ và năm mới, theo cách tính toán ngày tháng của người Trung-hoa, nghĩa là theo Hán-lịch.

Mà theo Hán-lịch, thì mỗi ngày có 12 giờ, kể từ giờ Tý đến giờ Hợi. Nếu đem đối chiếu với Âu-lịch, thì giờ Tý bắt đầu từ 11 giờ 1 tích tắc đến đúng 1 giờ, và giờ Hợi bắt đầu từ 9 giờ 1 tích tắc đến đúng 11 giờ.

Tự-diễn Trung-hoa cắt nghĩa rằng :

— Tý thời : xung dạ gian, thập nhất

điem đáo nhất diem ;

— Hợi thời : chỉ mãn thượng cửu diem đáo nhất diem.

Như vậy, theo Hán-lịch, ngày mồng một Tết phải bắt đầu vào đầu giờ Tý, nghĩa là nhằm lúc 11 giờ 1 tích tắc trong đêm hôm trước.

Nói một cách khác, năm cũ đã hoàn toàn đi dứt vào lúc 11 giờ nghĩa là vào cuối giờ Hợi đêm hôm trừ tịch.

Lẽ tất nhiên, ông Táo cũ, nếu có thực, sẽ phải bàn giao ngay ấn tín và hồ sơ cho ông Táo mới vào ngày đầu giờ Tý (tức lúc 11 giờ 1 tích tắc), chứ không lẽ nào lại cố ngồi lì thêm 60 phút nữa cho tới 12 giờ đêm (tức khoảng Giữa giờ Tý), mới chịu cưỡi cá lên Trời hay sao ?

Cho nên, vì lễ Giao-Thừa là lễ Tống Cựu Nghinh Tân, nếu chúng ta muốn, đồng thời, vừa tiễn chân ông thần cũ, lại vừa nghênh tiếp ông thần mới, thì thiết tưởng chúng ta cần phải cử hành lễ Giao-Thừa vào đầu giờ Tý, nghĩa là vào hồi 11 giờ 1 tích tắc đêm hôm trừ tịch mới đúng.

Cũng nên phỏng đoán rằng có lẽ Tò Tiên chúng ta, ngày xưa, đã tế Giao-Thừa nhằm gần trúng vào hồi đầu giờ Tý (11 giờ 1 tích tắc) thì phải.

Chẳng qua, từ khi có cái đồng hồ nhập cảng của Tây-phương, đồng bào ta mới dùng 12 giờ đêm, để làm lễ Giao-Thừa cho dễ nhớ.

TẾ GIAO-THỪA GIỜ NÀO MỚI ĐÚNG ?

Vậy, muốn cử hành lễ Giao-Thừa cho đúng với ý nghĩa dị đoan của nó, chúng tôi đề nghị đồng bào hãy xét lại xem có nên tế Giao-Thừa đúng vào hồi 11 giờ đêm hôm 30 Tết, nghĩa là vào đầu giờ Tý ngày mồng Một tháng Giêng Hán-Lịch hay không ?

Mấy lời thô thiển, kính mong quý vị đồng bào và các bậc nhân sĩ Ngoại-kiều Á-đông hãy vui lòng biên thư về

Tòa-soạn đề chỉ giáo chúng tôi. Chúng tôi xin chân thành trông đợi và cảm ơn tôn ý.

Cao-Nguyên mùa Thu năm Mậu-Tuất.

PHÙNG-BÁ-KHANH

L.T.S.— Chúng tôi sẽ cho đăng tải trên mặt báo, tất cả những ý kiến xây dựng và hợp lý của bạn đọc bốn phương, ngõ hầu mở rộng đường dư luận và giải quyết đùm mối thắc mắc chung của một số đồng bào, mà tác giả bài này là một.

★ Khó khăn xảy ra là để ta khắc phục. Khó khăn không thể là cái hàng rào ngăn cản ta, nó là cái bàn nhún để ta khắc phục nó mà nhảy vọt lên cao.

Thế nào là kẻ trộm ?

Tử-Cống được bổ làm quan Tề ở ấp Tin-dương. Khi sắp đi nhận chức đến từ biệt Khổng-Tử. Khổng-Tử nhân bảo Tử-Cống:

— Phải siêng năng, phải cẩn thận. Chớ cướp, chớ đánh, chớ bạo tàn, chớ trộm cắp...

Tử-Cống đáp:

— Từ này ngay từ lúc nhỏ đã theo học thầy là bậc quân tử, có khi nào lại trộm cắp để lụy đến thân ?

Khổng-Tử nói !

— Người chưa hiểu nghĩa. Ôi ! đem người hiền đức này để thay người hiền đức kia, thế là cướp ; đem kẻ bất hiếu này để thay thế kẻ bất hiếu kia, thế là đánh đập ; hờ hững mệnh lệnh mà gấp rút hình phạt, thế là tàn bạo ; nhận lấy điều thiện của người để làm ra điều thiện của mình, thế là trộm cắp. Trộm cắp đây không phải là trộm cắp tiền của vậy.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

NHỚ ĐẾN HOA ĐÀO VÀ SO SÁNH NGUYỄN-DU

VỚI THI-SĨ ĐÔNG-PHƯƠNG VÀ TÂY-PHƯƠNG

Xuân-Việt

TẾT đến, ta tưởng vọng về Bắc-Việt mà lại xót xa nhớ đến cảnh thủy tiên, hoa đào. Tiêu biểu cho sự sống, cho mùa xuân mỗi năm vẫn lại và vẫn son trẻ, không bao giờ già, tôi lại nghĩ đến một thi hào Việt-Nam Nguyễn-Du, cũng còn trẻ mãi với tuổi nguyệt !

Có người đã trách Nguyễn-Du, khi viết Đoạn-Trường Tân-Thanh, đã lấy cốt chuyện ở bên Tàu ; lại có người trách rằng điển cố cũng lấy ở thi ca Tàu mà ra. Thực là một lời phê bình quá vội vàng. Nguyễn - Du có lấy một số điển tích ở thi ca Tàu thật, nhưng lại đem thiên tài của mình mà làm cho điển tích ấy đẹp đẽ, sâu sắc, gĩa, bội.

Ai cũng biết câu thơ trong Đoạn - Trường Tân-Thanh :

« Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông »
và có rất nhiều người đã cho rằng Nguyễn - Du đã dịch câu thơ của Thôi-Hộ :



« *Đào hoa y cựu tiếu đông phong* »
 Riêng tôi, thì chưa dám chắc như vậy.
 Vì ý đó thường quá, qua cảnh cũ,
 người xưa thì không thấy nữa, mà hoa
 đào còn nở như xưa. Ý đó chẳng có
 gì lạ đặc biệt để mà chỉ có Thôi-Hộ mới
 có thể có được. Và Nguyễn-Du và mọi
 người khác đều có thể có được.

Nhưng ta hãy tạm cho là Nguyễn-
 Du đã lấy tứ đó ở Thôi - Hộ, ta lại
 càng thấy rõ rệt câu thơ của Nguyễn-
 Du đẹp dễ và sâu sắc hơn câu thơ
 của Thôi-Hộ bội phần :

Thôi-Hộ đã viết :

« *Hoa đào như cũ cười gió đông* »

Nguyễn-Du đã viết :

« *Hoa đào năm ngoái còn cười gió
 đông* ».

Ta thấy, đối với Thôi-Hộ, hoa đào
 cười trong gió đông như cũ. Dầu sao,
 ta cũng thấy một sự so sánh : « như
 cũ ». Thi-sĩ còn tỉnh táo, suy luận và
 nhìn thấy sự thực và so sánh cảnh hôm
 nay với cảnh năm xưa.

Nguyễn-Du không viết :

« *Hoa đào như cũ mỉm cười gió đông,* »
 mà lại viết :

« *Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông* ».
 Nhà thi hào Việt-Nam đã đem vào hai
 tứ mới :

— năm ngoái

— còn (cười).

Thực là một ngòi bút tạo hóa mới
 viết ra câu thơ lạ như vậy. Đối với
 Kim-Trọng, hoa đào này là hoa đào
 năm ngoái đây, là những hoa đào đã

chứng kiến cuộc yêu đương của mình.
 Hoa đào xưa còn đó, hoa đào năm
 ngoái còn đó, mà còn cười gió đông,
 vậy mà người yêu đâu rồi ? Xót xa
 biết bao ! Ngọn bút của Nguyễn-Du làm
 cho ta quên cả thời gian và thay đổi cả
 sự thực. (Vì ta chắc chắn nếu suy luận
 ra thì biết không có một đóa hoa đào
 nào sống được trong một năm. Hoa đào
 này là hoa đào năm nay, mà cười trong
 gió đông như cũ). Nghĩa là : nếu lý
 luận ra, thì Thôi-Hộ đúng. Song nếu
 về tứ thơ và tả nỗi đau lòng, thì Nguyễn-
 Du còn trên Thôi-Hộ một bậc. Và thay
 đổi sự thực, tìm ra một sự thực chủ
 quan, đó mới là lòng người thi sĩ tô
 lên thực tại, đó mới là lòng của chân
 thi sĩ, của thi sĩ thiên tài.

Chữ « *Hoa đào năm ngoái* » tự nhiên
 phải đưa đến chữ « còn cười ». Hai
 tứ song song với nhau, tứ nọ hoàn mỹ
 tứ kia, để làm nên một câu thơ khác hẳn
 với câu thơ của Thôi-Hộ.

Thi sĩ bao giờ cũng vậy. Nếu nói
 sự thực khách quan, thì như lấy dùi gõ
 xuống đất, nào có tiếng vang gì ! Nhưng
 thi sĩ là một tạo hóa, đem lòng mình
 mà tô lên thực tại nên tạo lập được một
 thế giới riêng, nhưng trong đó độc giả
 ai cũng có thể nhận thấy lòng mình rung
 động như tiếng ngân nga sau khi ta gõ
 vào chuông đồng vậy.



Ngay về Tây-phương, sự nhận xét này
 cũng đúng với các thi sĩ Francis Jammes,
 trong một bài thơ viết về Albert Samain,
 có những câu :

« Comme la voix du vent qui berce
les lilas

« Ne meurt point, mais revient après
bien des années

« Dans les mêmes lilas qu'on avait
crus fanés.

Ta cũng thấy Francis Jammes lẫn gió nay với gió xưa. Đối với thi sĩ, ngọn gió mà nay lay động các bông hoa ly-la kia, là ngọn gió xưa, sau bao nhiêu năm lại trở về. Nhưng ở đây, ta phải nhận rằng Tây-phương quá lý luận. Francis Jammes đã tìm thấy hoa ly-la này là hoa ly-la năm cũ (ai dám bảo Francis Jammes đã lấy tứ của Nguyễn-Du : hoa đào năm ngoái ?), song nhà thi sĩ Tây-phương vì quá lý luận, vì thiếu táo bạo và thiếu tin mình, nên còn phải cho thêm câu « Hoa ly-la năm cũ mà ta tưởng đã héo rồi. »

« Dans les mêmes lilas qu'on avait
crus fanés »

Nhưng Tây-phương là thế ! Cái gì cũng có lý trí xen vào, nên khi Francis Jammes tìm một tứ ngoài vòng lý trí, thì có vẻ ngượng ngùng và lúng túng, cất nghĩa cho độc giả và như xin lỗi với lý trí vậy.



Ta lại càng phục Nguyễn-Du. Không phải mẹ hát mà con khen hay, nhưng sự thực như vậy ! Trời đất sinh ra muôn vật, vật nào cũng là một thành công kỳ lạ, song ta có đem kính hiển-vi ra, xem ngay từ một cái rêu, ta cũng đã thấy rõ thiên nhiên kỳ diệu đến bậc nào.

Nay ta đem một câu thơ nhỏ trong truyện Kiều ra, xem xét, so sánh với một nhà thi sĩ Đông-phương và một nhà thi sĩ Tây-phương, ta lại càng thấy thiên tài Nguyễn - Du thực là siêu-việt. Và cũng như Hóa Công làm ra muôn vật kỳ diệu mà biết đâu đôi khi thường không chú ý đến, Nguyễn-Du cũng vậy, khi viết câu thơ kia, phải chăng cũng chỉ là viết vô tình mà thôi. Ta nhiều sự mới đem phân tích, so sánh, để tìm ra sự đẹp vô cùng chan chứa ở một câu thơ còn con, mà thi sĩ viết hình như không để ý đến, vì hấu như đã mang lòng Hóa Công trong chính lòng mình rồi.

XUÂN-VIỆT



Xem bói, xem số

ĐOÀN-THÊM

— Hay khen, hèn chê, còn nghiệm về sau !

Câu của thầy bói, thầy số, Sơn đã được nghe, phải nghe nhiều lần, mỗi khi dẫn mẹ là Bà Nghị đi hỏi việc tương lai : hễ nghe nói có ông thầy nào hay, tài tuy sức yếu, bà cũng bắt Sơn hộ tống đi coi.

Vì thế Sơn đã có dịp biết nhiều thầy, và quan sát những người giống tính mẹ, dễ thấy rõ một nhu cầu khá kỳ dị.



Sơn đã được Bà Nghị cho biết về tình trạng mỗi thầy. Bà thuộc tên họ và biết lai lịch của các thầy cũng như Sơn đối với tài tử phim chiếu bóng. Theo Bà thì thầy K. kiếm được rất nhiều tiền, nhà ở trong xóm có đường lát gạch dài nửa cây số : chẳng khác nào Sơn biết Jane Mansfield có bề tấm lát bằng cốm thạch rất đẹp. Nhiều thầy có nho học, đôi khi « nhất, nhị trường » chi đó, ít ra cũng « thông văn tự » ; lại có thầy

biết nói vài ba câu tiếng Pháp, khiến cho khách hàng vừa ngạc nhiên vừa vui thích : « số này thì ít ra phải làm đến commis-greffier !... »

Thầy nào cũng có biệt tài nhớ sách, nhớ vanh vách, quả là nói có sách mách có chứng, đoán một câu là đọc liền một đoạn sách Trần-Đoàn hay phú Ma-Thị :

— Hai ông bà chắc hay cãi nhau, vì cung Thê của ông có các sao Phục-Binh, Hóa-Kỵ : « vợ chồng nay giận mai hòa, Phục - Binh Hóa - Kỵ đóng tòa Thê cung »...

Nhiều khi thầy nói chữ, nhưng chữ ngâm lên nghe thấy huyền bí cao xa, chắc vì thế mà có âm hưởng rung động tâm hồn thánh giả :

— *Tử vi cư Ngọ, thạch trung ẩn ngọc* (sao Tử vi ở cung Ngọ, thì phẩm cách quý như ngọc nằm trong đá)... *Thái âm cư Tí, thiềm cung triết quế* (sao Thái âm ở cung Tí, thì đương sự lên cung trăng bề cảnh quế, tất có sự vui mừng).

— *Tử, Phủ, Vũ, Tướng, gia hột Tả, Hữu, Hồng, Quyền...* Hán Đế nhập Tần phá Sở (có những sao kê trên, thì như Lưu-Bang diệt được nhà Tần, phá được Hạng-Võ, nghĩa là có thắng lợi to.... và theo một thầy, thì không khéo được số Kiến-Thiết !)

Hơn nữa, có thầy nhớ rất dai, vì hình như mắt hồng nên tai thính : đã hỏi được tính danh và sinh quán của Bà Nghị, thì lần sau, dù cách một năm, cũng gọi ngay : « À, có phải Bà Nghị bên Thống - Thượng, huyện Võ-Giang, Tỉnh Bắc đấy không ? ». Nếu có khách xưng là ở làng trên, thì thầy « hô danh » liền, nghĩa là bảo ngay : « nếu quả thiệt sinh đúng giờ này, thì trong làng tất có người gọi là Nghị, Nghị, Nghị nghiếc gì đó... »

Như vậy, thì chẳng mấy người không kinh ngạc, và sau đó, khách cũng sẽ còn trở lại tìm thầy hỏi việc, bất cứ thầy dọn đi đâu, dù ở những nơi đường cùng ngõ tối.

Sơn còn nhận thấy nhiều thầy tính nhẩm rất mau lẹ : hễ nói giờ, ngày, tháng và năm sinh, thì chỉ trong một phút, thầy gọi ra tất cả các ngôi sao của 12 cung số, và bao quát ngay sự đối chiếu phối hợp của các vị sao đó mà luận ý nghĩa cát hung. Đã có lần vì tò mò, Sơn dờ một cuốn sách dạy Tử-Vi để theo đó mà lấy thử lá số cho mình : phải ngót một giờ mới tìm được gần 100 sao chính, mặc dầu đã có những công thức được soạn giả tân học giản dị hóa rồi.

Tóm lại, Sơn đề ý tới « bộ óc » và những bí quyết hành nghề của các thầy

trong khi Bà Nghị chăm chú nghe và sẵn lòng tin. Sơn cũng cố tìm xem có những gì đáng tin.

Bà Nghị đã kể cho Sơn những truyện được coi là kỳ ; tỉ dụ : mỗi lần Sơn sắp thi, Bà đã từng đi hỏi và thầy đã đoán là Sơn trúng tuyển, chẳng sai lần nào. Nhưng đối với Sơn, sự đó chẳng có gì khó đoán, vì bao giờ Sơn cũng đứng đầu lớp ; vả lại, đã có lần Bà Nghị chót khoe với thầy rằng Sơn học khá...

Bạn khác, nghe nói thầy giỏi lắm, Sơn xin mẹ đề mặc Sơn đặt câu hỏi tử mi, thì thầy trả lời lúng túng. Lúc về, Sơn ngỏ ý chê bai, thì Bà Nghị mắng : « tại con cứ ngờ vực, không thành tâm, nên quẻ không ứng. » Câu đó khiến Sơn nhớ lại một tâm trạng đặc biệt mà các giáo sư tâm lý học đã giảng : có sẵn lòng thụ cảm thì mới tương ứng, dễ xúc động (*état de réceptivité*). Chắc vì không có tâm trạng đó, nên trước đây Sơn vẫn tỉnh táo khi một nhà thôi-miên có tiếng, nhìn chòng chọc vào Sơn để định ru ngủ. Và biết đâu cũng vì lý do tương tự, mà Sơn chẳng được thầy nào đoán quẻ cho đúng ?

Đã có lần, một thầy chưa quen biết bao giờ, bảo Bà Nghị : phải sinh con gái trước, thì các con trai mới sống được vẹn toàn. Sơn đã thấy hơi rợn tóc gáy, vì quả thiệt có một chị gái ; nhưng các câu đoán khác lại sai, còn về tương lai, thì « hay khen hèn chê còn nghiệm về sau », nên Sơn lại hoài nghi, trong khi Bà Nghị gật gù tán

thường. Sơn rất tiếc rằng chẳng được những câu đoán đúng hơn đề tin như mẹ hoặc như đa số khách hàng.



Khách hàng, thì thoát tiên Sơn nghĩ chỉ có những người cò, hoặc què mùa. Nhưng về sau, Sơn nhận thấy đủ các giai cấp, hoặc mục kích, hoặc theo lời khoe của các thầy, hoặc nghe bà con thuật lại: người nông phu bị kiện vì phá vỡ bờ ruộng của láng giềng, muốn biết thua được ra sao; — sinh viên sắp đi thi, hỏi xem đậu hay hỏng; — bà phú thương bị mất trộm, nhờ bói xem thủ phạm là ai và hứa thưởng to nếu đúng...

Một số thiếu nữ, cũng kéo nhau đi xem, và dù bói hay đoán số, thầy lừa hay thầy sáng đều biết trước mục đích, nên vừa bấm quẻ xong là nói luôn về tình duyên, chớ chẳng thêm hỏi muốn biết gì? Đối với hạng người khác, thì còn hỏi: xem « gia sự » hoặc là « chung thân sự nghiệp »? Ở trường hợp này, thầy chỉ nói qua cho vài ba chi tiết, nếu khách nhận là đúng hay cũng gần đúng, thì phải đặt hẳn một đôi trăm và vài ba tuần sau mới trở lại lấy « cầm nang ».

Thỉnh thoảng lại có những khách đi xe hơi bóng loáng đậu trước cửa, ngó trước ngó sau xem có ai đề ý tới mình vì e bị cười là tin nhầm; chính những chiếc xe đó, đã quảng cáo rất mạnh cho nhiều thầy, vì người ta sẽ xôn xao: chắc hẳn thầy hay đến mức nào, thì những vị sang trọng đó mới tới xem; và rồi các thầy cũng có dịp khoe khoang,

cũng như nhiều bà bói ở Âu-châu khoe rằng đã tiên tri cho Anh-Hoàng Edouard VII, Đức-Hoàng Guillaume II hoặc văn hào Pierre Loti. Theo thầy B, thì khách quen toàn những bà đốc này, ông trạng sư kia. Chính Bà Nghị vẫn kể đi kể lại rằng thầy K. được nhiều ông phủ huyện cho xe hơi đón tới nhà để thiết đãi và hỏi về quan lộc.



Trái lại, có nhiều người khác không tin và không ưa bói số: tỉ như ông Nghị, thân sinh của Sơn. Mỗi khi hai mẹ con đi đâu về, thì ông Nghị nửa đùa nửa thiệt, lên giọng mỉa mai:

— Chắc hẳn đã dắt nhau đi xem bói tướng chi đó! Thế nào? thầy có đoán nổi hôm nay tôi sẽ ăn mấy bát cơm không?

Sơn biết trước: giá thử nói rằng thầy đoán năm bát, tất ông Nghị sẽ chỉ ăn bốn, để tỏ rằng thầy nói sai, hoặc « nhất âm nhất trắc » chẳng « do tiền định » gì hết.

Lần khác, ông Nghị lại bảo:

— Hôm nay chẳng bói cũng biết bà gặp ngày tán tài, vì lại mất cho thầy số, ít nhất 50\$.

Có lần ông định vác ba-toong tới hỏi tội thầy, vì chẳng biết thầy đoán chi, mà bà Nghị ngờ ý ngờ vực ông có « mèo ». Thế thì làm sao mà ông ưa được thầy? Ông còn bảo Sơn:

— Liệu, không nên dẫn Má đi nữa, kéo rồi lại bị những hạng Raspoutine đó nó đưa xuống hố!

Có hôm, tiếp vài bạn tin số, ông kể những chuyện sau :

— Có thầy bảo anh Sáu : Sao Hóa Quyền chiếu vào Mệnh, với sao Thiên Tướng gì đó ở cung Quan, tất uy quyền rất lớn, một tiếng gọi trăm tiếng dạ (nhất hô bách nặc) như thế thì phải làm đại tướng ! Nhưng rồi anh Sáu, xếp ga (Chef de Gare) vẫn hoàn xếp ga ; bị chất vấn, thầy giải thích rằng : làm xếp ga, miệng huýt còi, tay cầm cờ, phất một cái, tất cả đoàn tàu với hàng ngàn khách phải đi, hay dừng lại : Quyền ở đó chứ đâu ? Quả thầy hùng biện như Tô - Tần, Trương - Nghị !

— Lại có bạn, nhà tôi nhờ một thầy đoán số cho tôi. Thầy dám bảo tôi mù, vì có các sao Diêu, sao Kỵ đóng cạnh các sao Âm, Dương :

« Âm Dương lạc hãm khôn yên

« Trong ngoài Diêu, Kỵ cho nên mất
lòa... »

Thấy nhà tôi sừng sốt, thầy đọc luôn :

« Ngộ Tuân, thì lại sáng ra »

(gặp sao Tuân thì lại sáng). Thế là tôi hết lòa.

Ông Nghị lại đặt cho các bạn mấy câu hỏi mà chưa ai trả lời được dứt khoát :

— Các anh bảo ; Nhất âm nhất trắc giai do tiền định... Thế thì cứ ngồi khoanh tay, đừng làm gì nữa, cũng vẫn sống như thế này hay sao ?

— Căn cứ vào giờ, ngày, tháng, năm sinh để đoán số : mỗi ngày, ở các nhà hộ sinh trong nước, hàng trăm đứa trẻ ra đời, ít ra cũng có một số trùng giờ.

Thế thì đời chúng sẽ y như nhau hay sao ? Ngay lúc mới sinh ra, đứa là con nhà nghèo, đứa có cha mẹ giàu, số phận đã khác xa nhau rồi.

— Lúc đâm tàu, hay ra trận, hàng ngàn người chết một lúc, chẳng lẽ ai cũng cùng một số à ? mặc dầu sinh đẻ khác ngày giờ ?



— Có vài bạn ông Nghị, tuy không giải thích được đề thuyết phục nổi ông, cũng vẫn đọc sách đề học Tử-Vi, và đại khái, ý kiến của các vị đó như sau :

— Căn cứ vào cuộc đời của nhiều người, thấy có những việc không thể tránh, dù muốn chống lại cũng không được.

Nhưng khi ông Nghị hỏi những người đó là ai, thì chưa nói rõ hẳn được, hoặc kể ra những trường hợp khó lòng kiểm soát.

— Số Tử-Vi căn cứ vào dịch lý, vào âm dương, ngũ hành : những nguyên tắc đó áp dụng vào thuốc Tàu thuốc Ta, đều thấy đúng vì chữa khỏi bệnh. Vậy không lẽ gì không đúng, khi dùng để đoán số. Chỉ tại không có thầy giỏi, chứ không phải là không có số.

Ông Nghị bẻ lại : lý là một chuyện, thực nghiệm là chuyện khác, chưa chứng tỏ hiển nhiên thì chưa thể tin ; thuốc dùng cho cơ thể, khác Tử-Vi áp dụng cho việc đời : không thể ví, để lý luận theo lối loại suy (raisonnement par analogie).



Sơn cũng đã suy nghĩ và cũng có vài nhận xét riêng :

Ở nước nào và thời nào cũng có những người tin số. Nếu ở Trung-hoa và Việt-Nam, có những đệ tử Trần-Đoàn, Ma-thị, và những người ưa bói toán, thì ở Âu-châu cũng chẳng thiếu những bà De Thau, bà De Thèbes, bà De Fra, những Bohémiens bói bài (cartomancie) xem tướng mặt (physionomonie) xem bàn tay (chiromancie) xem chữ viết (graphologie) v.v... Người ta tin lời tiên tri của Nostradamus cũng như ta tin sấm Trạng-Trình, và các tạp chí hàng tuần thường có những trang bói chiêm tinh (astrologie)...

Vì thế, đối với vấn đề này, Sơn thấy cũng chẳng nên có những ý kiến hoặc thái độ quá nghiêm khắc như của Ba.

Song, nếu cứ tranh luận hoài như Ba và các bạn, thì khó lòng mà tìm thấy giải pháp hay định rõ lập trường : Ai cũng có lý của mình, và rốt cuộc, ai tin thì cứ tin, và ai không tin thì khó mà tin. Có lẽ thái độ của mỗi người còn tùy những nguyên nhân thuộc tình cảm, sự ưa thích hay chán ghét tự nhiên như đối với màu sắc ; tùy sự phù hợp hay mâu thuẫn với nhân sinh quan thiết thực, hoặc khuynh hướng thấu triệt vũ trụ huyền bí.

Cho nên, Sơn nghĩ cần đặt lại vấn đề : Sự bói toán có cần thiết hay ích lợi gì cho đời sống không ? Người ta muốn biết trước những việc sẽ xảy ra, để làm gì ?

Đề tiên liệu chẳng ? Nhưng đề phòng cũng vô ích, nếu quả thiệt là số không thể tránh, như người ta thường nói.

Hay là đề mừng sẵn ? Song như thế,

thì sự vui thích sẽ giảm bớt nhiều, hoặc sự thất vọng sẽ đau đớn hơn.

Hay là đề « mất tiền xem bói mua lo vào mình », ở trường hợp việc tương lai được báo trước là sẽ bất lợi ? Chẳng lẽ nghe lời thầy mà tự đầu độc hiện tại, nản trước buồn trước ? Có lẽ vì thế mà hồng việc mình không biết chừng.

Dù sao, khi xem số rồi, có một điều chắc chắn : mặc dầu thầy hay đến đâu, chẳng khách nào có thể tin 100%, để dám quyết định hành động theo lời đoán ? Má đi xem bói, thầy bảo là Sơn sẽ thi đậu, nhưng Má vẫn giục học cố, chớ nào có dám ý vào lời thầy mà đề mặc Sơn chơi giơng ?

Sơn cảm thấy thương Má hơn là muốn chê trách như Ba. Má không có tinh thần tranh đấu và đức tự tín của Ba, nên mọi việc đều trông vào may rủi hơn là vào hành động của mình.

Cũng may là các thầy hay chiều ý đáp lại nguyện vọng của khách hàng, báo cho nhiều sự tốt hơn là sự xấu, và chỉ thỉnh thoảng mới nói đôi chút việc dở, để tỏ rằng mình cũng thành thực đây. « Tuy có thể chết được, vì hạn Trúc La này nặng lắm, nhưng phúc đức bên nhà còn vượng, nên cũng có thể qua khỏi... »

Không những Má đi mua đôi chút hy vọng, còn đi tìm một sự an ủi chỉ có thể thấy ở nơi bói toán. Khi em Sơn bệnh nặng mà thuốc men vô hiệu, khi em út Má biết vô âm tín vì chiến

cuộc, ở mọi trường hợp đau khổ như vậy, Má chỉ có cách tìm các thầy, để nếu không thấy tia hy vọng nào, thì cũng chép miệng thở dài, yên trí là số mệnh.

Có lẽ hy vọng hoặc an ủi đó sẽ không phải do các thầy đưa lại, nếu Má tìm được niềm tin tưởng khác, không ở một

số mệnh vô tình, nhưng ở một lòng từ bi quảng đại chí linh thấu rõ nông nổi của con người trăm luân khổ hải, để xoa dịu các vết đau thương hiện tại, và cho hướng về một chân trời muôn thừa sáng tươi... Nhưng đây lại là vấn đề khác.

Đ. T.

★ Ta chờ đợi khó khăn, nhưng không để cho khó khăn thôi miên mình. Khó khăn xảy ra, dù đã ngửa trước, hay không ngửa trước, đều nằm trong chương trình ta đã hoạch định.

Cách giáo hóa của bậc Vương-giả

Nước Ngụ và nước Nhuế tranh giành ruộng đất với nhau, luôn trong mấy năm không giải quyết xong. Sau cùng, hai bên bảo nhau :

— Táy-Bá (tên vua Văn-Vương nhà Châu) là bậc nhân đức, chúng ta nên tới nhờ phân xử giúp cho.

Khi vua hai nước đi sang tới địa hạt nhà Châu, thì thấy kẻ đi cày nhường bờ ruộng cho nhau, kẻ đi đường nhường bước đi cho nhau ; rồi khi vào tới trong triều, thì thấy kẻ sĩ nhường cho nhau làm chức đại phu, còn bậc đại phu thì nhường cho nhau làm chức quan Khanh.

Hai vua liền bảo nhau rằng :

— Than ôi, lũ chúng ta là lũ tiểu nhân, không nên bước chân vào triều đình của bậc quân tử.

Nói đoạn, cùng kéo nhau về, rồi trả lại ruộng đất cho nhau. Khổng-Tử nghe thấy vậy, khen rằng : « Coi đó thì biết cái đạo đức của Văn-Vương thực không có gì hơn được. Không bắt buộc mà người theo, không dạy bảo mà người nghe, thực là đến mực vậy. »

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

郁園詩話



MÀNH VÁ TRÊN VAI ÁO NÀNG THƠ

NGƯỜI thường bảo :

Tết là mới. Tết là thay cũ đổi mới, là trừ cựu nghinh tân. Ngày Tết là ngày đón mừng một cảnh tượng mới.

Nhưng mà nghĩ lại : Tết là cũ. Tết là nhắc lại những xưa cũ lâu xa. Ngày Tết là ngày dờ lại những gì đã từng dờ đi dờ lại, ở nhiều năm trước.

Nghiệm xem mà thấy : từ lối trang hoàng ngoài ngõ, cách bài trí trong nhà, câu đối bình hoa, ấm trà khay rượu, đó là chưa kể bánh tét, bánh tồ, dưa hấu đường phôi, nêu cao pháo đỏ, bánh chưng xanh, là những món cũ kỹ nhất, cứ còn được dịp mỗi năm, một lần, dờ lại. Đến lễ lối cúng kiếng, xông nhà xông đất, mừng tuổi ông bà, chúc mừng tân khách, mỗi mỗi đều là làm y trở lại tục lệ thể thức của bao những năm trên.

Hoặc cũng có thay đổi một vài nét, nhưng đại khái, Tết là sống trở lại. Chúng ta đã làm sống trở lại những ngày tổ tiên đã sống, hồi trăm nghìn năm trước. Tết là dịp ôn lại những tục lệ tập quán cồ truyền.

Tết không có gì mới cả. Tết là hồi sinh đó.



Thơ khai bút, bảo rằng là thơ mới, mà chính là nói lại những thi tứ, thi cảm của bao người xưa đã ngửa vịnh dịp đầu năm. Có y như câu của Phan Khôi :

*Buộc túi thơ xuân tồn đến già
Hôm nay có chén mở bùng ra.*

Thi nhân có kẻ đã nói rõ hơn :

*Làm chỉ năm một lần khai bút
Bút đã khai từ thiên địa khai*

Vậy, Tết đến, ngại chi mà chẳng dờ lại chuyện thơ cũ kỹ.



Đành rồi, không gì đẹp bằng tấm áo Tết.

Tấm áo Tết phải là tấm áo mới may, từ sau rằm tháng chạp.

Cũng có người thích dờ lại bộ lễ phục năm xưa để đi hành hương, để mừng tuổi tổ tiên.

Dầu mới may, hay dầu kỷ niệm của ông bà để lại, cũng đều là tấm áo nguyên lành. Có ai lại bằng lòng mặc tấm áo vá, ngày đầu năm mới bao giờ.

Nhưng mà, có một bạn đã nói với tôi, đúng giữa hôm ngày nguyên đán nào đó, một câu rất trịnh trọng :

— Anh nhìn xem, cô thiếu nữ mặc chiếc áo vá vai kia đã đẹp lạ lùng chưa. Chỗ vá trên vai áo đó, đẹp hơn là bài thơ khai bút của anh !

Từ đó, mỗi bận Tết đầu năm, tôi vẫn nhớ đến bài thơ vá, trên vai áo cô xuân nữ ưa nhìn. Không được khéo tay kim chỉ như ai, để cho bạn tôi không tiếc lời khen, tôi vẫn thích được ngắm nhìn và thích chữa vá những tấm áo thiếu khuyết của nàng Thơ.



Truyền rằng vua Lê Thánh-tôn, có một lần ngự qua chùa Bà Đanh, nghe trong chùa có tiếng người tiểu nữ tụng kinh, tiếng vàng lạnh lạnh. Vua ghé vào. Sai đem bút mực để lên vách chùa, một câu thơ lục bát :

Tới nơi thấy cảnh thấy người

Tay vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần

Ngự truyền lấy hai câu đó làm đầu bài, cho các tụng thần vịnh thơ.

Vị Phó nguyên soái của tao đàn là Thân Nhân Trung vịnh rằng :

*Ngắm sự trần duyên khéo nức cười
Sắc không tuy bụi, hãy lòng người
Chày kinh một tiếng tan niềm tục
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời
Bề ái nghìn trùng mong lát cạn
Người ân muôn trượng chữa khơi vơi
Nào nào cực lạc là đâu nữa
Cực lạc là đây chín rõ mười.*

Vua truyền đưa bài thơ cho tiểu nữ xem. Tiểu nữ ngỡ ý chê câu 3 và câu 4 còn thiếu ý cảnh. Vua truyền cho được phép chữa lại.

Bèn chữa rằng :

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời*

Có một chiều, sau đó khoảng ba trăm năm, Hồ Xuân Hương đã chơi xuân ở Khán đài :

*Êm ái chiều xuân tới Khán đài
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai
Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng
Một vũng tang thương nước lộn trời
Biền ái nghìn trùng khôn lát cạn
Nguồn ân trăm trượng khó khơi vơi
Nào nào cực lạc là đâu tá
Cực lạc là đây chín rõ mười*

Trên đó là một tấm áo vá của nàng Thơ khéo tay kim chỉ.

Rồi cách Hồ Xuân-Hương hơn thế kỷ rưỡi nữa, Khái-Hưng, khi thi vị hóa tác phẩm mình, bằng khói hương, bằng tiếng kệ câu kinh, diêm hồi-chuông ngân nga chùa Long Giác, chẳng ngần ngại mượn

bốn chữ « *Hồn bướm mơ tiên* » của cô tiểu nữ đời Hồng-đức mà đặt tên sách.

Khái-hưng không biết dụng ý như sao với chú tiểu Lan. Chớ như tâm hồn của họ Hồ là một tâm hồn kỳ dị, thích mặc chiếc áo cà sa đời vai, vờ vờ quanh chùa, để hái lộc tầm xuân.



Hãy dẫn lược chuyện « *Vương mẫu tống sứ giả* ».

Vương Lăng là kẻ bề tôi có tài của Hán Cao-Tò. Tây sở bá Vương là Hạng Vô bất được mẹ Vương Lăng. Làm khó, bảo Vương mẫu viết thư gọi Vương Lăng về hàng Sở. Vương mẫu không làm theo. Có kẻ sứ giả ở Hán sang Sở. Vương mẫu nhân về nói lại với Vương Lăng hãy cứ vững một dạ, giốc một lòng thờ Hán, rồi bà tự tử để cho lòng con càng thêm quyết, khỏi phân vân khó nghĩ về sự trung sự hiếu, hai bề.

Nhân truyện sử ở đời Hán của Tàu, mà có truyện thơ ở đời Hồng - đức của ta.

Truyền rằng vua Thánh-tôn rất thích chuyện Vương mẫu. Vua làm ra lời mẹ Vương Lăng tiễn sứ giả, vịnh thơ :

*Đình pho dăng dăng ngựa đời chân
Nỗi mẹ con này gởi sứ quân
Nhớ Hán lòng còn son một tấm
Thương Lăng tóc đã bạc mười phân*

.....

*Mệnh mẹ lá vàng đầu mỏng mỏng
Về thời nhận kỷ nghĩa quân thần.*

Vua làm được sáu câu. Còn hai câu

năm và sáu, tức là hai câu đối luận, vua nghĩ mãi không được. Có quan thám hoa làng Thiên-mỗ, huyện Từ-liêm là Nguyễn Quí-Đức vịnh diễn vào chỗ khuyết :

*Chăm bề trung hiếu không hai vẹn
Gặp hội công danh dễ mấy lần*

Đó là một mẫu gấm vá rất khéo trên tấm áo long cồn. Chẳng khéo mà được vị tào đàn nguyên soái ban cho những hai nén bạc ròng.



Trong giai phẩm *Văn hóa Ngày nay*, tập 4, mới đây, ở mục « *Những mẫu văn thơ* » do Nhất Linh chọn lựa, có chép bài :

*Tuổi đã năm mươi lẽ mấy rồi
Hơn ai chẳng dám, dám thua ai
Hai bàn tay trắng làm nên thế
Một tấm lòng son ở với đời.*

*Lấy sức mà đong lo cũng mệt
Có duyên thì gặp dễ như chơi*

.....

Nhất-linh chưa thêm : « Không nhớ hai câu dưới và tên tác giả ».

Đây không phải là chiếc áo rách chưa kịp vá, mà là chiếc áo sút đường chỉ, gấu hấy còn đó, nhíp lại một chút là nguyên lành.

Nam-Phong tạp chí số 8, tháng Février 1918, mục *Nam âm thi thoại* có chép đủ cả bài và lời phê của Chương dân :

« Thi hay có hai cách : một cách hay tự nhiên, một cách hay đúc-dàn. Tự

nhiên thì lưu lợi, đức-dẫn thì trang nghiêm. Quan thượng thư Trần Chí-Tín ở Huế có bài tự thuật rằng :

*Tuổi tác nay đã ngoài sáu mươi
Hơn ai không dám, dám thua ai
Hai bàn tay trắng làm nên thế
Một tấm lòng son ở với đời
Lấy phúc mà đong lo cũng mệt
Có duyên thì gặp dễ như chơi
Xưa nay con Tạo xây vần nhẹ
Hết đó rồi đây cũng thành thời*

Trần Chí-Tín

« Toàn thiên không dùng một cái điển cổ nào, mà cực kỳ minh xướng, cực kỳ thanh tao, cực kỳ đôn hậu. Dẫu người không thuộc lịch sử của ngài nữa, đọc qua cũng đủ biết ngài là một ông quan lớn thanh bần. Thi như thế thật đã vào cảnh tự nhiên. »

Trên đó là chiếc áo của một ông thượng thư. Nhưng vị thượng thư này không thích mặc những bộ triều phục, mà thích mặc chiếc áo the thâm của người nho sĩ tri cơ lạc đạo.



Ông Ích - Khiêm, người Quảng - nam, một danh tướng làm tham tán đại thần, về đời Tự-đức, đã có nhiều công đánh giặc. Khiêm cậy tài, khinh thể ngạo vật, cho nên Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất Thuyết lấy làm kiêu dè. Một lần, khi vua Tự-đức tại vị, Thuyết tìm cách đồ tội, xiềng Khiêm lại, đem hạ ngục ở Lạng-son.

Khi vua Tự-đức đã thăng hà, xảy ra vụ phế lập vua Dục-đức và vua Hiệp-hòa. Bấy giờ, Khiêm cũng là một tay

cừ khôi trong vụ chánh biến năm Quý-mùi (1883). Cũng thì đồng đảng, nhưng Tường và Thuyết thấy góc cạnh của Khiêm lộ rõ quá, trong việc bạo hành này, lại càng thêm úy kỵ. Cho nên, sau khi đó, Thuyết và Tường tìm cách trị Khiêm. Lại một lần nữa, cho xiềng Khiêm, đem vào an trí ở Bình-thuận.

Truyền rằng trong khi bị áp giải, giặc đường, Khiêm có thơ cảm thuật :

*Mình ốc mang râu rửa sạch ai
Quen thói rung cây nhất khỉ hoài
Mèo quào phen đất chỉ khờn sức
Sứa nhày qua đặng mới gọi tài*

.....

.....

*Trông qua chưa khỏi dừng khinh khái
Chim sầy lông ra để đó coi !*

Thân tuy bị trói buộc dè nén, mà thơ vẫn một giọng khinh ngạo.

Hai câu thúc kết, rõ ra lời thơ phát xuất trên giọng đường thiên lý từ Huế vào Bình-thuận.

Ngoại cảnh đã khơi nguồn cho thi tứ : bao nhiêu truông, bao nhiêu đèo, và còn bao nhiêu hùm cọp nữa. Cọp đâu nhiều có tiếng cho bằng « cọp Bình-thuận ». « Khái » của Khiêm dùng, trong câu thơ, là hồ, là cọp.

Lại truyền rằng : bởi hai câu hăm dọa đó của Khiêm, mà Tường và Thuyết cho bỏ Khiêm chết đói ở ngục Bình-thuận.

Tự nhiên, Tường và Thuyết đâu dám đề cho con chim diều hâu Ích - Khiêm sầy lông. Huống nữa, trong cơn động rừng, cọp nội loạn, khái ngoại xâm, hung bạo còn hơn cọp Bình - thuận, mà

truông bình biển, dèo quốc nạn, hiềm nguy còn hơn bao nhiêu dèo Cù-mông, dèo Rù-rì, đều chưa qua khỏi cả.

Ai muốn vá được chiếc áo phong yên này cho Ông Ích - Khiêm kẻ cũng khó khăn. Phải sống trong cảnh ngộ lịch sử, trong thời thế xã hội, mấy năm triều đình Huế rối loạn, nhất là phải sống trong tâm thuật, trong thủ đoạn của những nhân vật « anh hùng » thời bấy giờ :

Nước Nam có bốn anh hùng :

*Tường khôn, Viêm lão, Khiêm hùng,
Thuyết ngu.*

thì mới vá cho lành được tấm áo cừu quốc biển.



Đừng tưởng ai cũng thích vá áo, và ai ai cũng thích nhìn áo vá.

Áo của chính mình, mà có khi, còn lười « nhật gấu vá vai », nữa là áo của người khác.

Có lần nào Mộng-Tuyết và Đông-Hồ tìm đến thăm Hư-Chu ở tận đường Rạch-đông.

Cửa sài ngổ trúc, chỗ ở phàng phất có phong khí chỗ ở của nhà ẩn sĩ. Duy hôm khách đến, gặp cơn mưa to, đường Rạch-đông ngập lụt cả. Thuyền có thể chở trên đường, ghé đến tận thềm.

Chủ nhân vắng nhà. Bằng hoàng một chút lâu, hai vị khách đành viết mấy chữ đề lại :

*Rạch đông đường nội suốt
Thuyền khách ghé tìm ai
Tiếng ngấm lư ngổ trúc
Thềm hoa lỏng cửa sài*

Cách mấy hôm sau, nhận được của thi sĩ Hư-Chu bài thơ :

*Nắng che cánh mộng mây ngò tuyết
Mưa ngập đường đông nước đọng hồ
Trên tuyết ơn hồng rây vết móng
Bên hồ cảm khách thả thuyền thơ
Riêng buồn khóm trúc hoài than gió
Giận chẳng về mau trách chẳng chờ*

Bài thơ có sáu câu thôi. Tác giả cũng không bảo cho biết là đã đủ, hay là còn thiếu. Lời thơ cân đối, nghiêm chỉnh, có cách điệu một bài luật thi, nhưng mà sao lại đề thiếu hai câu. Nếu bảo là thiếu hai câu, thì hai câu thiếu đó, là hai câu nào trong bài thơ ?

Ngâm đi ngâm lại, mấy năm nay, mà chưa tìm thấy kẻ nào sửa hờ, đề thử điền vào xem có được.

Lại một lần nữa. Trong bữa hội hữu áp tết, có bài thơ xướng của Đông-Hồ :

*Sông Nhị Đồng nai sẵn mối duyên
Rạch đông thuyền khéo nối cho liền
Phong yên gần gần trời nam bắc
Nghĩa lý xa xôi chữ thánh hiền
Cơm áo vẫn là người xã hội
Rượu thơ những mãi bạn thần tiên
Phồn hoa giành chút vui phong nhã
Kìa đám phù vân đá biển thiên.*

Hư-Chu họa :

*Nghìn dặm mà ta đã có duyên
Có duyên nghìn dặm cũng nên liền
Chợ Sài phục bác chân cao ần
Ngổ trúc cười tôi giả đại hiền
Tôi thả thuyền mê lòng bắt quỉ.
Bác nằm am lĩnh tập làm tiên.*

Đây là bài thơ họa. Cũng như bài thơ làm, trước kia, Hư-Chu cứ quyết bỏ hai câu.

Ở bài trên thì không biết là bỏ hai câu nào, chớ ở bài này thì chắc chắn là Hư-Chu đã bỏ không họa vần thứ năm, tức là đề cho bài thơ khuyết hai câu chót.

Nếu chỉ mỗi một lần, còn bảo được là ngẫu nhiên tình cờ. Đây, đến những hai lần, thì quyết là dụng ý của thi nhân.

Có lẽ nào Hư-Chu, người rất chăm tìm « đề hiệu thơ Đường luật » lại lười vá áo cho Nàng Thơ.

Tất phải có duyên cơ thế nào.

Ở bảo tàng viện, thấy có những pho tượng đá, tạc thân hình thần Vệ nữ. Đẹp vô cùng. Nhưng mà lạ. Phần nhiều thấy thiếu mất đi một cánh tay. Chỗ thiếu khuyết đó là thiếu khuyết từ khi sáng tạo hay là vì trải qua tang thương đồ vỡ mà thiếu khuyết. Có người đặt ra nghi vấn nọ. Rồi, có người thử đem đá mới, tạc điền vào chỗ cánh tay khuyết cho pho tượng nữ thần, vì ai lại đành đứng nhìn người ngọc thiếu một cánh tay ngà.

Nhưng mà lạ lòng chưa ! Tưởng gắn thêm vào cho đủ, mà gắn thêm vào, lại cứ thấy như thừa. Gắn thêm vào thì thấy tượng đẹp kém đi phần nào nét đẹp.

Thì ra khi sáng tác cũng đầy đủ cả, nhưng vì thấy mất đẹp vì cánh tay ngấm có như thừa, cho nên phải cắt bỏ đi.

Bài thơ của Hư-Chu, cũng như pho tượng nữ thần Hi-lạp, phải đề khuyết đi cho công trình mỹ thuật phẩm được hoàn toàn.



Lần lửa dần dà, đề kéo dài thời gian, có như ông vua nào đã cấm chiếc trâm cài đầu chỗ bóng mái đèn, để giữ mặt trời cho ngày chẳng xế chiều. Chiếc trâm khi đã rút lên, thì bóng tối đổ xuống ngay « giữa đêm canh ba giờ tí. »

Cờ kim, đã có ai từng giữ được tắc quang âm.

Lần lửa dần dà, rồi cũng đến tháng lụn năm cùng.

Vậy nên chuyện thơ, trong Vườn Úc hôm nay, quanh quần rồi cũng đến chuyện tháng lụn năm cùng, quanh quần rồi cũng đến « bài thơ trên vai áo » của nàng xuân nữ.

Đây là tấm áo nàng Thơ mặc lúc giao thừa :

*Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng
Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông
Chi lan tiệt cũ hương man mác
Đào lý vườn xưa tuyết lạnh lòng*

.....

*Gà kêu pháo nổ năm canh trót
Mừng cội mai già gặp chúa đông.*

Đặng Đức-Siêu

Đặng Đức-Siêu là một vị danh thần về triều Nguyễn Thế-tổ Cao-hoàng, là tác giả bài văn tế Võ Tánh Ngô Tùng-Châu.

Văn tế nôm rất khó làm, mà làm được đến lọt lõi như vậy, thì bài thơ trù tịch này, cũng do một tay đó làm nên, hòa hoãn, thâm trầm, có cách điệu văn chương đại gia là phải.

Không biết có ai đồng ý với tôi không ? Tôi chưa được thấy có bài

thơ nào đến đúng với tâm hồn đêm giao thừa bằng bài thơ này.

Vừa bình tĩnh trang trọng, vừa lịch sự tao nhã.

Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng

Đọc câu này, chúng ta có thấy đúng với lòng mình không, lòng hầy còn một chút gì vương vấn chưa xong với niềm xưa nỗi cũ, có như nỗi chưa xong của nàng Kiều than thở với em, đêm sắp bước một bước rẽ qua đường mới, như cứ còn lưu luyến dùng dằng :

Nỗi riêng còn một chút này chưa xong

« Sự chẳng cùng » đó đặt đúng vào điểm thời gian trịnh trọng nhất, thiêng liêng nhất :

Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông

Hoàn cảnh đậm ấm, phong vị thơm tho của đêm giao thừa như vẽ :

Chi lan tiệc cũ hương man mác

Đào lý vườn xưa tuyết lạnh lùng.

Chúng ta ai đã chẳng mỗi năm một lần, được hưởng phút giờ êm ái nọ.

Tất có bạn than rằng : Hai câu thơ kia, chữ đã sáo, mà ý cảnh cũng sáo.

Thì có làm sao. Tôi đã bảo rồi. Tết là ôn lại, Tết là hồi sinh, Tết là dở lại bao nhiêu nền nếp cổ truyền, Tết là trở về với bao nhiêu ý tình gói ghém lúc bình thường.

Chi lan vầy tiệc cũ, đào lý hợp vườn xưa, hương quen tuyết thuộc, như đã từng nhau duyên kiếp tiền sinh.

Rồi làm sao nữa ?

Rồi còn thế nào ?

Các bạn có thấy mất đi một đoạn thời

gian từ giao thừa cho đến bình minh nguyên đán. Khoảng thời gian « gà kêu pháo nổ năm canh trót » đó, phải còn gì nữa, thì mới đành lòng.

Thời gian cách quãng đó, là câu thứ năm và câu thứ sáu của bài thơ bỏ khuyết.

Đặng Đức-Siêu có làm đủ tám câu hay không ? Không ngờ gì nữa. Tất là phải có.

Vị nho thần, dưới triều Gia-long thịnh trị của đêm trừ tịch thanh bình, có lẽ nào cũng thích làm cái việc cắt bớt cánh tay của người giai nhân bằng đá trắng, như thi sĩ Hư-chu.

Bài thơ tất có đủ tám câu mới được.



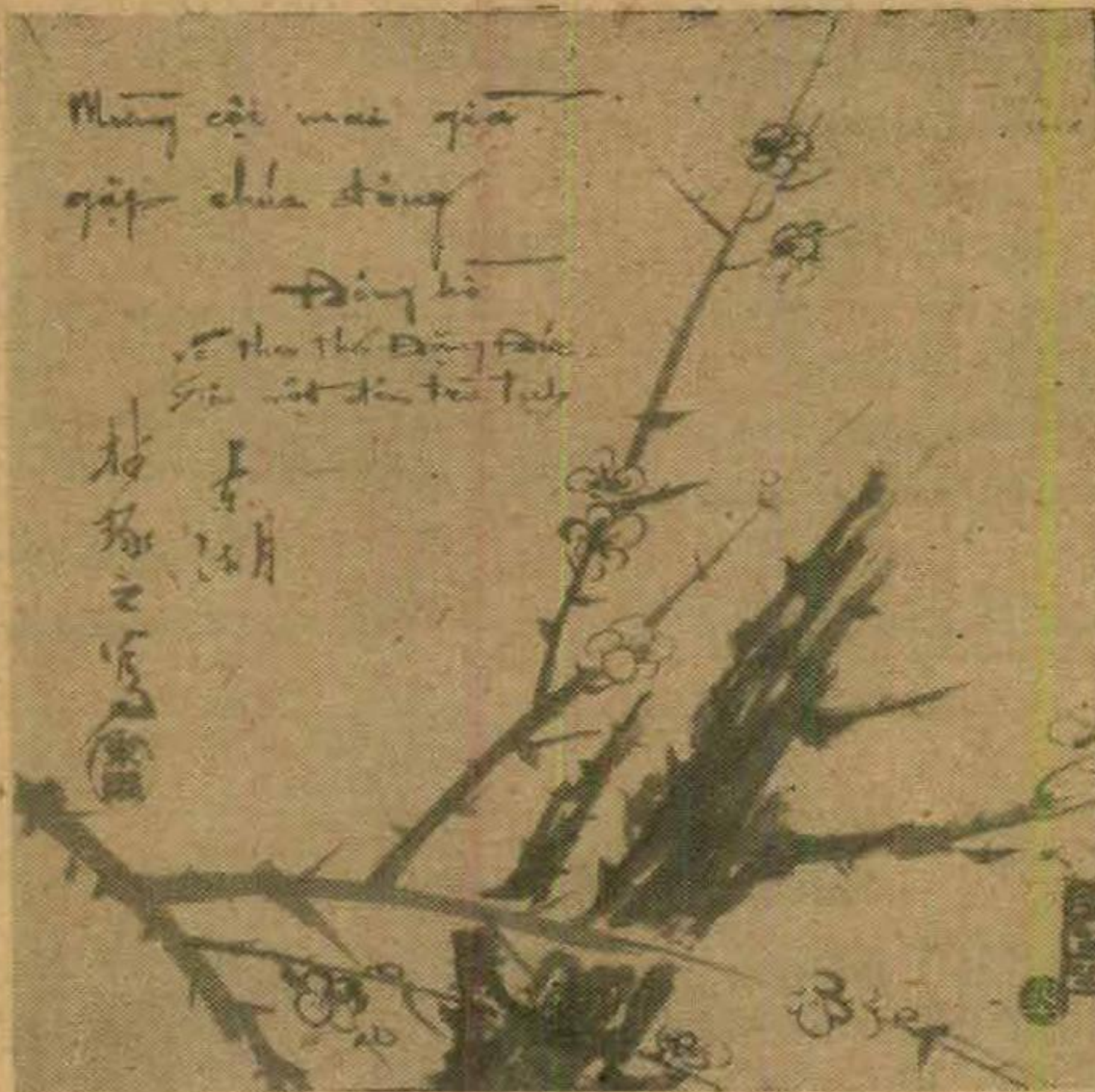
Cách đây, vừa đúng bốn mươi lần giao thừa, giữa đêm tuế trừ năm Kỷ Mùi (1919) lần đầu tiên, tôi được đọc bài thơ này. (Nam phong tạp chí số 17, tháng Novembre 1918).

Tôi có thói quen, cứ mỗi Tết làm một bài thơ, để mà bắt nguồn từ bài thơ trừ tịch đó thông cảm hồn nhau. Một cảm xúc mạnh đã ghi một ấn tượng đậm sâu.

Quanh năm không làm được một câu nào, cũng có căn chi. Thế mà lạ, cứ Tết đến, hương khói giao thừa ngậy ngất, mực dậy tình thơm, giấy phôi ý nồn, đợi bút ngỏ giao duyên, không đề thơ thì như còn thiếu thiếu gì đây.

Khi đã có thơ rồi, lòng thấy cũng còn chưa đủ. Vì thơ nào rồi, cũng không vừa ý cho bằng.

Cho bằng đọc lại bài thơ trừ tịch sáu câu.



Mà rồi, lòng lại cũng cứ còn chưa thấy
thỏa lòng. Thỏa lòng làm sao được !

Nửa đêm đông, ừ thì đã xong rồi ! Còn
nửa đêm xuân ? Nửa đêm xuân, cứ mãi
chưa canh năm. Đã ngót bốn mươi năm
nay, mỗi bận giao thừa là mỗi bận bán
khoản nghĩ vá cho xong tấm áo của nàng
Thơ họ Đặng.

Có đêm giao thừa gần lắm của đêm
nay, Núi Sông Trời Đất nói lên rồi :

*Đất có băng khuâng chờ hội ngộ
Trời như thao thức đợi tao hùng*

Bạn đã thấy chưa ? Lòng Đất băng
khuâng, ý Trời thao thức đó.

Đất mong hội ngộ, Trời đợi tao hùng,

thì tinh tú núi sông dừng ngủ giữa đêm
nay, phải thao thức cả, để chứng kiến
cho Năm Tháng giao mùa.

Ánh thiếu quang rực rỡ, vầng húc nhật
chói chang khai vận mới, đã mở đầu
ngày nguyên đán huy hoàng.

Trên cảnh già cỗi, bông hoa mai đã
điễm nộ hồn nhiên, là nụ cười của lòng
xuân vạn vật hòa đồng với lòng xuân vũ
trụ :

Mừng cội mai già gặp chúa đông.



Giấy đây mực đó, sẵn bên tay, các bạn
chép giúp cho, rồi cho tờ hồng đơn ngự
lên ngưỡng cửa Lầu thơ :

Tháng lụn năm cùng sự chẳng cùng
Nửa đêm xuân lại nửa đêm đông.
Chi lan tiệt cũ hương man mác
Đào lý vườn xưa tuyết lạnh lung
Đất có băng khuâng chờ hội ngộ
Trời như thao thức đợi tao phùng.
Gà kêu pháo nổ năm canh trót
Mừng cội mai già gặp chúa đông
Trải bốn mươi năm, mới vá xong một
chỗ áo khuyết,

Mảnh vá trên tấm áo giao thừa, có đẹp

hơn bài thơ khai bút, để cho bạn tôi
thường thức hay không ?

Lại gần mà ngắm, thì dường chỉ
kim khít khao liền lạc, cũng đã khéc
tay rồi.

Duy đứng xa mà nhìn, thì chỗ vá chưa
thực đã ăn màu, chỉ vì mảnh lụa mới chưa
ngả kịp theo màu thời gian của chiếc áo
xưa, cách đây hơn thế kỷ.

ĐÔNG-HỒ

Úc viên, trước giao thừa năm Kỷ-hợi

Những bậc tôi hiền

Tử-Cống hỏi Khổng-Tử rằng :

— Trong đám bề tôi hiền nay, ai là bậc hiền.

Khổng-Tử đáp :

— Ta cũng chưa biết. Duy ngày trước, nước Tề có Bào-Thúc, nước Trịnh có Tử-Bì là người hiền nhất.

Tử-Cống hỏi :

— Nước Tề chẳng có Quản-Trọng, nước Trịnh chẳng có Tử-Sản đó sao ?

Khổng-Tử nói :

— Trò Tử, người mới biết một, mà chưa biết hai. Theo người, thì dùng sức mình là hiền hay biết tiến cử người là hiền ?

Tử-Cống đáp :

— Biết tiến cử người là hiền.

Khổng-Tử nói :

— Vậy thì ta nghe nói Bào-Thúc tiến cử Quản-Trọng và Tử-Bì tiến cử Tử-Sản, chứ chưa nghe nói hai người kia tiến cử được ai bao giờ.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ



THUNG - LŨNG MÙA XUÂN TRƯỜNG - CỬU

ĐÌNH-CƯỜNG

L. T. S.— Cổ lệ dân tộc nào cũng thiết tha tìm kiếm một đường lối sống, khả dĩ đem nhiều hạnh phúc cho mình. Bạn Đình-Cường, trong tài liệu đăng tải sau đây, đã trình bày cho chúng ta một mẫu sống của một bộ lạc xa lạ, người Hounza.

Kiểu sống ấy không cầu kỳ, phức tạp. Nó dung dị nhưng không kém phong phú, thi vị. Và khi đọc xong bài này, chúng ta thấy lòng rào rạt một nỗi buồn man mác bởi lẽ dân tộc dễ thương ấy đã đánh mất cả « mùa Xuân trong tâm hồn ».

MÙA xuân 1938.

Đoàn thám hiểm G.H. Mortimer đã hay tháng nay ở giữa địa ngục tuyết trong vùng Karakoram, một vùng hiểm trở nhất của dãy Hi-mã-lạp-sơn, Nhiệm vụ của họ là thăm dò những vùng lân cận của ngọn Hidden Peak cao 8.068

thước, mà hiện giờ họ còn cách mục phiêu những hai mươi lăm cây số, hai mươi lăm cây số trong biển tuyết là cả một đoạn đường khó nhọc. Mọi người đều kiệt sức, cổ lệ từng bước một, họ chỉ chực ngã gục trên nền đất lờm chờm đá và phủ đầy tuyết. Vậy mà, trong số phu khuân vác có hai người như được

một phép mẫu nhiệm, vẫn bước đi một cách nhẹ nhàng; và vẫn giữ vẻ tươi cười trên nét mặt. Đó là hai người Hounza. Một người đã sáu mươi tuổi, tuy mang một bao đựng cụ nặng những ba mươi ký, y vẫn leo núi nhanh nhẹn như một con beo. Một người nữa thì độ ba mươi tuổi. Cả hai ca hát luôn miệng. Rất ngạc nhiên, Mortimer phải nói với người hướng đạo:

— Thật phi thường. Tôi chưa hề thấy một sự bền bỉ như thế này. Thán nhiên, người hướng đạo trả lời:

— Tất cả những người Hounza đều như vậy. Những nhà thám hiểm có kinh nghiệm đều muốn họ thay vì những người Nepal hay Tây-tạng. Họ hoàn toàn khác xa những giống dân khác ở Hi-mã-lạp-sơn. Người ta cho rằng họ được thần thánh ban phép lành.

Khi trở về Gilgit, Mortimer đem câu chuyện này kể lại cho bác sĩ Mac-Carrison, cai quản vùng Gilgit (phía Bắc Cachemire) là người hiểu biết giống dân này và cho biết thêm rằng chưa hề có một người Hounza nào đến để nhờ sự giúp đỡ của ông ta.

Mac-Carrison cũng đã chú ý nhiều về sức khỏe vô cùng dồi dào, về thân mình đẹp đẽ, về sự làm việc bền bỉ của những người Hounza. Trong lúc ở những thung lũng kế cận vùng của họ, cũng như hầu hết Á-châu, dân chúng bị đủ mọi tật bệnh tàn phá, hàng triệu người chết vì thiếu thốn, thì người Hounza vẫn vui tươi và không hề biết tật bệnh là gì. Và mặc dầu sự đói kém hoành hành rất thường, họ không bao giờ đau hay chết vì đói, họ chỉ chết

một cách thư thả khi họ đã sống thật lâu trên đời. Bác sĩ Mc Carrison không hiểu vì sao.

Người ta biết rất ít về phong tục và tập quán của người Hounza. Hơn nữa, ngôn ngữ của họ là cả một sự bí mật đối với các nhà bác học. Dầu vậy, tuy người ta không tìm được những đền đài, những tranh ảnh, những tác phẩm văn chương để chứng tỏ rằng họ có một nền văn hóa, nhưng họ đã biểu lộ qua cử chỉ và lối sống của họ di sản của một nền văn minh và một sự thanh nhã khiến cho các nhà thám hiểm đã gọi họ « những người Hy-lạp của Hi-mã-lạp-sơn. »

Hai nhà ngữ ngôn học Na-uy, ông và bà D. Lorimer sống chung đựng với họ từ năm 1935 để học tiếng nói của họ. Khi hai người này trở nên thân thuộc với họ, mới hiểu một cách sâu rộng hơn về phong tục của họ. Và trong bốn quyển sách viết về những người Hounza, hai người này không ngần ngại tuyên bố rằng họ chưa từng thấy một giống dân nào hạnh phúc hơn.

Lúc đầu bác sĩ Mc Carrison không quan tâm nhiều đến những đặc tánh lạ lùng của phũng người Hounza vì ông ta phải chống chọi với bao tật bệnh đang hoành hành trong vùng ông cai quản. Nhưng sau cùng ông nhận thức rằng ông đang đeo đuổi một lý tưởng — sức khỏe của loài người — mà ông chưa biết chín chắn thế nào mới là sức khỏe, và phải có những điều kiện gì. Ý nghĩ đó khiến ông phải đi quan sát giống người trong sạch nhất thế giới. Kết

quả của sự tìm kiếm của ông, theo bản phúc trình của bác sĩ Ralph Bircher, « mở một chân trời mới cho nền y học hiện đại. »

Những bộ lạc và nguồn gốc huyền bí

Xứ những người Hounza ở trong vùng những thung lũng man rợ của miền nam nước Pamir, nơi gặp gỡ của Trung-hoa, Liên-sô, A-phú-hân và Ấn-độ, giữa những biên tuyết mênh mông và những ngọn núi cao chồm chở.

Tất cả là một trăm năm mươi làng cheo leo bám vào sườn núi có nắng phủ, giữa khoảng một ngàn sáu trăm thước và hai ngàn bốn trăm năm mươi thước cách mặt biển. Chẳng những lẻ loi vì vị trí mà thôi, họ còn lẻ loi vì tiếng nói của họ không có một chút liên lạc gì với mọi sinh ngữ hay cổ ngữ. Theo lời của Lorimer thì tiếng nói này đã « tự nó tiến hóa từ năm ngàn năm là ít. »

Như thế, dầu muốn dầu không người Hounza bị bắt buộc sống chung với nhau. Nhưng đời sống riêng rẽ này không phải là mối tai hại. Họ hợp thành năm bộ lạc dưới quyền của một ông vua. Nguồn gốc của họ lại là cả một sự huyền bí đối với những nhà chủng tộc học vì họ gần như không có một cái gì thuộc về đông phương cả. Họ theo đạo Hồi, chi phái Ismael mà ông Aga Khan là giáo chủ, từ ba thế hệ sau cùng mà thôi. Đạo của họ rất dễ dãi và khoan hồng và không giữ trong đời sống hằng ngày của họ một vai trò quan trọng ; mới nhìn qua người ta lầm họ với những người vô tôn giáo vì đạo của họ gần như không có nghi lễ, cúng tế, giới

cấm và thờ phượng. Nhưng thật ra đời sống tinh thần của họ rất cao đẹp và phong phú ; chỉ vì sự thẹn thùng tự nhiên mà họ không đề lộ ra ngoài. Một sự kiện duy nhất chứng tỏ rằng họ theo chi phái Ismael là mỗi năm có hai người dân tráng kiện mang lễ vật của họ, vượt hàng ngàn cây số để đến Bombay dâng cho giáo chủ Aga Khan. Nhưng tất cả các nhà nhân chủng học đều cho rằng có một sức mạnh tinh thần nào khác lạ hơn, bắt nguồn từ thuở xa xôi nào, mới thật là tinh chất của sự mẫu nhiệm ngày nay.

Người ta cũng rất ngạc nhiên mà thấy những người Hounza có những đức tánh và tập quán quý phái cao đẹp, rất xa lạ đối với những giống dân khác ở Himā-lap-sơn. Họ không hề mê tín, họ ưa thích những cuộc liên hoan, họ chuộng thể thao lành mạnh, vũ điệu tân kỳ, và họ có một sự thanh lịch đáng chú ý. Buổi tối ngày lễ đông chí họ quây quần trước một ngọn lửa rực rỡ và họ biểu diễn một vũ điệu rộn rã giống như vũ điệu polka ở Đông-Âu và sau đó là những trận đấu đoán kiếm và những bài hát vui tươi. Ở cuộc lễ gieo trồng, vũ điệu của họ tiến đến một mực độ nghệ thuật cao kỳ. Quả thật là một trường vũ khúc với 12 hồi và 6 nhạc điệu và do 8 cặp thanh niên trình diễn với những giải lụa nhiều màu sắc. Tất cả những cuộc lễ đều chấm dứt bằng một trò chơi ưa chuộng giống như cuộc chơi polo (mã cầu),. Điều cần nói là trong những cuộc vui nói trên hay trong bất cứ trường hợp nào họ cũng không nếm một giọt rượu hay ăn uống no say.

**Bí quyết của họ ? Phải chăng là
biết tự tạo một mùa xuân
trong tâm hồn ?**

Ngay từ những ngày đầu tiên chung sống với họ, bác sĩ Mc Carrison đã chú ý đến sự thiếu thốn lương thực và cảm thấy đó là điểm chánh trong cuộc điều tra của mình. Nhất là khi mùa Đông đến, mọi vật đều khô cạn vì băng giá của hơn một tháng rưỡi trời bão tố. Người Hounza có một thái độ nào trước sự phủ phàng của Thiên nhiên ?

Một buổi sáng kia giữa trời đông giá, Lorimer đi bách bộ dạo chơi và gặp một người đàn bà dùng chân không mà dẫm lên nước đông đặc trong một cái thùng để có thể dùng nó mà múc nước. Thấy Lorimer, người ấy (tên là Kaniza) bảo : « Nếu ông đi chân không như chúng tôi thì ông sẽ dễ chịu hơn. »

Lorimer tỏ ý muốn vào nhà để chụp vài tấm ảnh trong lúc Kaniza làm bánh mì (bột mì và trái mơ khô — abricot — là thức ăn chánh của họ). Kaniza tươi cười nói : « Mời ông vào, ồ thật hân hạnh cho tôi. Nhưng còn bánh mì thì... đã nhiều ngày rồi chúng tôi không làm, vì bột mì đã cạn rồi. Ông có nghe tội nhỏ khóc đó không ? Chúng nó đói, tội nghiệp, chúng nó còn nhỏ nên chưa hiểu. »

Lorimer vẫn chụp vài tấm ảnh. Vài ngày sau, khi đã rọi ra ông chỉ cho Kaniza xem, Kaniza cười thích chí và nói : « Ông tha lỗi cho. Thật là một tấm ảnh đẹp... có nhà này... có những người thân này... có ngọn núi này... đủ tất cả và... không bánh mì ! »

Kaniza cho đó là một điều vui thích ! Đó là vì người Hounza thường chịu đựng sự đói kém với một sự vui tính khác thường, dầu khi sự đói kém trở thành trầm trọng vào cuối mùa đông, hay dầu khi họ phải làm việc đồng áng vất vả mà không có gì để ăn khác hơn là vài cọng cỏ khô cần nhờ ngoài đồng khi chớm xuân. Có một lần một cô bé mười một tuổi báo tin cho mọi người biết rằng con mèo cưng của cô ta vừa sanh xong một đàn con, và cô bé xin lỗi cha mẹ vì đã lấy một ít bột mì còn sót lại để cho con vật ăn để cho nó lấy sức lại. Cha mẹ của cô mặc dầu đã nhịn ăn từ ba ngày, tán thành cử chỉ của cô với một nụ cười tha thứ. Sự đói kém mỗi năm kéo dài đến tháng sáu mà không giết chết một người nào và cũng không làm giảm sự vui tính của họ. Lúc nào cũng như lúc nào, họ luôn giữ một tâm hồn thanh thản, hãy đúng hơn, một mùa xuân trong tâm hồn. Mùa xuân đó mới là mùa xuân tươi đẹp nhất, trường cửu nhất mà trừ dân Hounza ra, không một dân tộc nào có.

Hơn nữa, nếu chúng ta biết rằng người Hounza trong một gia đình đông đúc (ít ra hai mươi người) chung sống dưới một mái nhà chung với một sự thuận thảo đầy thương yêu hiềm có thì chúng ta rất ngạc nhiên. Từ sáng đến chiều tối tất cả những người trong gia đình làm việc bên cạnh nhau... Lorimer đã đề ý :

« ... Người ta không hề nghe một lời cãi vã nhỏ mọn nào, hay một lời trách móc nào ; không một người nào kiếm cớ để tránh nhiệm vụ. Ngoài ra tôi

không hề thấy một có một cử chỉ bức tức hay có một cái nhìn lo lắng. »

Phải chăng nhờ một phép vệ sinh hợp lý và sáng suốt ?

Sau mùa đói kém là mùa tình ái và mùa cưới.

Từ thuở nhỏ những thiếu niên đã biết rõ về sự sanh sản và sự lưu tồn nòi giống vì những người lớn thường nói về chuyện này một cách khôn khéo. Nhưng những người mẹ chú ý đến sự dạy dỗ về hạnh phúc gia đình của con hơn là sự dạy dỗ tính dục. Bọn thiếu niên làm lễ cưới từ mười sáu đến mười tám tuổi, đúng theo luật lệ cổ truyền. Họ phải lựa chọn người bạn đời ở những bộ lạc cùng một dòng giống, nhưng phải khác bộ lạc với họ. Chưa bao giờ có một đám cưới giữa hai người cùng chung một bộ lạc hay giữa một người Hounza với một người thuộc giống dân khác. Ngoài ra, không hề có sự cưỡng hôn như ở Ấn-độ. Sau hôn lễ, tân lang và tân giai nhân trải qua những đêm tân hôn trong gian phòng chứa rơm sữa đồi lại. Tuần trăng mật trải qua, đôi vợ chồng mới về chung sống với những người trong gia đình ở ngôi nhà chung.

Khi người vợ có mang, người này liền dời chỗ ngủ của chồng để đến ở một chỗ khác trong nhà, dành riêng cho người độc thân. Cuộc ly thân này kéo dài cho đến khi dứt sữa đứa con, nghĩa là lối 3 năm, trong khoảng thời gian này giữa hai vợ chồng không có sự liên lạc thăm kín nào cả. Điều đáng nói là sự giữ gìn này không phải do sự cấm đoán thiêng liêng, mà do ở tinh thần chuộng vệ sinh. Cứ ba hay bốn

năm mới sinh một lần, người đàn bà nhờ vậy mà tránh khỏi sự mệt nhọc vì có thai liên miên.

Nhưng việc làm bác sĩ Mc Carrison ngạc nhiên hơn hết là việc những người Hounza không hề mua các phẩm vật ở ngoài, nhất là những thực phẩm. Ông thắc mắc không hiểu tại sao những người này không mua đường, mua trà, mua dầu, mua đồ gia vị, và nhất là lúa mì trong lúc đói kém, mặc dầu họ có tiền ? Người Hounza không hề dùng đồ gia vị, họ chỉ dùng muối mà thôi. Vào mùa thu đàn bà và trẻ con vào núi cao đất có chất mặn đem về lọc để lấy một chất nước vàng, dùng để nêm canh. Mặc dầu món gia vị này không ngon lắm nhưng chắc chắn là nó chứa rất nhiều chất muối đủ loại.

Họ ăn rất ít thịt, ở mùa hè thì 30 ngày một lần, vào mùa đông thì 10 ngày. Gần như là họ không có ăn mỡ. Nhưng beurre thì rất mắc chỉ vì sữa ở vùng họ có rất ít chất mỡ ; đó cũng tại vì dê và bò có rất ít cỏ để ăn. Trái lại, họ ăn rất nhiều trái cây, nhiều nhất là dâu và mơ (abricot). Họ cũng ăn bánh tráng bột mì và cháo lúa mạch.

Bác sĩ Mc Carrison đề ý rằng họ thường dùng ngũ cốc còn tươi. Vào mùa xuân họ làm cho lúa lên nong bằng cách để trong cát ướt và nóng. Họ ăn những mầm lúa này. Họ chỉ nướng sơ bánh mì để cho mất mùi bột sống mà thôi. Nhờ vậy những chất bổ dưỡng không bị hư hao.

Trong lúc ông Mc Carrison có những nhận xét nói trên thì khoa vệ sinh còn

từng nước và chỉ áp dụng cho những người bệnh mà thôi.

Ông ta không ngần ngại mà cho rằng sức khỏe lý tưởng mà người Hounza sẵn có là do lối sống của họ, do sức mạnh tinh thần của họ và do chế độ thực phẩm của họ. Chế độ ấy rất riêng biệt và có những điểm như sau :

- thực phẩm thanh đạm ;
- gần như toàn rau cải (rất ít thịt)
- rất nhiều đồ tươi ;
- trái cây chiếm một phần quan trọng ;
- thức ăn thiên nhiên không pha trộn (nhờ vậy mà còn nhiều sinh tố) ;
- rất ít chất kích thích ;
- rất ít chất muối và chất mỡ ;
- thức ăn lấy từ những nông sản của đất tở ;
- mỗi năm có những thời kỳ tiết dục.

Ngoài ra còn có ảnh hưởng của không khí, của ánh sáng, của những điều kiện địa dư và truyền thống. Sự giáo dục cũng nhằm việc tạo một thân thể cường tráng. Ông Mc Carrison cũng đã từng chóng mặt khi thấy một đứa bé 5 tuổi cõng một đứa nhỏ 2 tuổi mà leo núi, mà nhảy từ những bức tường cao, hay đi ven nóc nhà !

Đề có thể quả quyết rằng chế độ thực phẩm giữ một phần quan trọng trong « hiện tượng Hounza », vốn thật trọng ông Mc Carrison mô tả rất nhiều cuộc thí nghiệm.

Ông ta nuôi trước hết 1200 con chuột với thức ăn thông thường của dân chúng một khu vực thợ thuyền ở Luân-đôn : thịt, cá, đồ hộp, bánh mì, bánh ngọt,

rau cải chín. Càng ngày những con chuột này càng trở thành nóng nảy và háo chiến. Vài con lại giết lẫn nhau. Phần đông đều mắc những tật bệnh của loài người. Mc Carrison nuôi một số chuột khác theo chế độ thực phẩm của người Hounza. Không có một con nào tỏ ra nóng nảy hay bức tức. Cơ thể chúng gần như không có bị tật bệnh gì.

Vừa rồi một nhà sinh vật học, ông Mac Cey, đã làm một cuộc thí nghiệm tương tự và đã thành công trong việc kéo dài đời sống của một số chuột bằng cách nuôi chúng với những thức ăn có rất ít thịt, mỡ và đường.

Ngoài ra những lời khuyên của nhiều nhà bác học hiện nay làm tỏ rạn thêm sự sáng suốt của người Hounza về vấn đề thực phẩm.

Nhưng... còn đâu mùa xuân cũ !

Nhưng bạn ơi, ngày nay nếu bạn có dịp viếng miền thung lũng thần tiên của vùng tuyết trắng xa xôi kia, bạn không còn tìm thấy mùa xuân tươi đẹp của ngày xưa nữa, bạn không còn thấy mùa xuân tươi thắm ngự trị trên sức khỏe của những người Hounza đáng mến. Thấy bạn họ có thể tưởng lầm rằng bạn là một nhân viên y tế, họ sẽ bu xung quanh bạn để chờ sự săn sóc. Bạn sẽ thấy chung quanh bạn đủ cả hạng người đau khổ vì tật bệnh ở thể gian, cũng như bất cứ nơi nào. Đủ cả : bệnh mắt, bệnh lở loét ở da, bệnh tiêu hóa, và đến cả bệnh lao. Nếu bạn hỏi một cụ già thì bạn sẽ thấy cụ đắm đắm nhìn vào dãy núi xanh mờ cao vút đằng xa như nhìn về dĩ vãng để ôn lại mùa xuân tươi đẹp đã ngự trị bền vững trên dân tộc

Hounza từ sáu nghìn năm ; đề xót thương thể hệ hiện tại đã đại đột đánh mất cái di sản vô giá nhất trên đời. Bạn gạn hỏi, cụ già sẽ buồn bã, không nói gì hơn là chỉ cho bạn thấy quanh bạn những người Hounza trai trẻ đang hút thuốc, đang uống rượu say sưa, và đó đây trong mọi nhà người ta ăn nhiều thịt, nhiều gia vị, nhiều muối, nhiều đường và uống rất nhiều trà đậm. Chỉ mới có vài năm sau đây thôi, bạn ơi. Đó là tất cả những mối lợi mà họ đã thừa hưởng trong sự giao tiếp với thế giới văn minh — cái văn minh vật chất —

Bạn đã thấy và hối tiếc cho một mùa xuân ở sức khỏe của họ không còn nữa.

Bạn lại muốn tìm xem mùa xuân ở tâm hồn của họ còn tươi thắm và tồn tại hay không. Thôi, tôi khuyên bạn, bấy nhiêu đủ rồi, bạn càng tìm kiếm thì bạn lại càng thấy chua xót hơn. Tôi quả quyết với bạn rằng với bao nhiêu tật bệnh, với cơ thể hư hại thì làm gì mà gìn giữ cho được bất diệt mùa xuân trong tâm hồn.

Thung lũng mùa xuân trường cửu chỉ còn là một giai thoại, hay hơn nữa, là một cái gương để chúng ta học hỏi mà thôi.

Xóm Lách

1958

ĐÌNH-CƯỜNG

- ★ Ta nên mềm mỏng và đi « sát với thực tế », nhưng không nên thay đổi ý hướng luôn luôn. Kẻ hay thay đổi ý hướng thường làm cho xung quanh đâm ra lo ngại và mất tin tưởng.

Lời Lão-Tử khuyên Không-Tử

Không - Tử sang thăm nhà Châu, đến khi trở về, Lão-Tử đưa chân ra cửa, bảo rằng :

— Tôi nghe, kẻ giàu sang tiền người bằng tiền của, kẻ có nhân đức tiền người bằng lời nói. Tôi nay tuy không phú quý, nhưng cũng trộm lấy danh hiệu là kẻ nhân đức, vậy xin tặng ông mấy lời sau đây : « Phàm những kẻ sĩ ngày nay, tư chất thông minh biết suy xét kĩ, mà bị sa vào chỗ chết chỉ vì thích chê bai người ; những kẻ biện bác rất nhiều, hiểu đạt rất rộng mà thường bị nguy tới thân, cũng chỉ vì bởi móc cái tội ác của người vậy ».

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

NĂM TÀN ĐẤT KHÁCH

Hà nhật công thành quy cổ hương ?
Mẹ già mái tóc bạc phơ sương,
Mây trùm ngõ trúc chim quên lối
Cúc lạnh vườn sương bướm lẫn đường,
Khỏi ngút hoàng hôn sâu lữ thứ,
Năm tàn đất khách thẹn văn chương,
Mười năm hành động duyên còn hết ?
Một tấm lòng son, mấy dặm trường...

NGUYỄN-PHAN-AN

(Trích Thi-Phẩm « Nghĩa sự hành »
1945-1955 sẽ xuất bản)

NHẠC THANH-BÌNH

Hương trầm bay thoảng nhà bên xóm,
Tiếng pháo reo đồn ngõ cuối thôn;
Sực tỉnh giấc hoa, bừng cánh thắm
Mai vàng phong nhị ngát khuê môn.

Tôi ra cửa sổ nhìn lơ đãng
Bỗng thấy trong lành xuân ý dăng...
Lất phất mưa bay... Mong một Tết !
Vòm trời kiều diễm dáng thanh tân.

Trang trọng vàng dương dậy ánh hồng
Nghiêng nghiêng ngọn trúc bãi xuân phong;
Cành non riu rít đàn chim bé
Cánh nhip êm êm lượn mấy vòng.

Vào bàn tay thảo bài xuân cảnh
Nguyên-Đán trong lòng: Xuân ý thơ.
Đặt giấy đồ dần theo nét bút,
Hiền hòa cung bậc mấy đường tơ.

Đà-nẵng, Bình-Thần
TÔN-NỮ HOÀNG-TRẦN

HOA THẨM MÙA XUÂN

Nắng mờ bình minh, hanh ngô lá,
Hoa nào phổ thẩm nhơn như bay.
Hương lan dịu gợn hồn trinh nữ,
Men được xuân nồng ngan ngát say.



Sắc áo nàng xuân thắm lạ thường.
Là xuân vạn thuở của tình thương.
Sữa căng vú mẹ, hồng môi trẻ,
Lòng rộn tin yêu, biếc dặm đường.



Dậy thì có gái tóc lên xanh,
Ước mộng hài hoa, truyện vừng lành.
Cầm gió xuân về xao xuyến quá,
Buồn ai tựa cửa đáng bán khoăn.



Nghe vọng chuông xa đổ trở mùa...
Đất lành trở lộc, ngát hương đưa
Tì đây sang đó cầu luôn nhịp,
Hẹn đến giếng hai kẻ cũng vừa.



Vườn ai trái chín mộng duyên xuân.
Con bướm trinh nguyên lựa trắng ngần.
Mừng khúc xuân ca, hồng hạnh nở
Hoa cười e thẹn nhớ tình quân.



Vọng tường mùa xuân nhịp thái hòa
Xuân thời vinh hạnh của đôi ta
Sông kia núi nọ, ghi tình sử
Bốn biển giờ chung một mái nhà.

Đất Tự-Do — 1958

DIÊN-NGHỊ

XUÂN CHẠM

của MỘNG-TUYẾT, Thất tiểu muội

*Giấy trải tờ nhung ống mớ ngà
Nghỉn huyền nhạ mực sánh tinh hoa
Sương dầm ngòi thỏ rung rung nét
Đường Tống hồn xưa ngón nòn nà*

CẶM cùi nắn nốt từng nét của ngòi lông êm dịu, ngòi chép tập thơ xưa, cô em đã hơi thấy mỏi. Gieo mình trên sập, với một dáng điệu thùy mị, cô với lấy quyển Đường thi trên án, và thông thả lật qua. Ánh đèn điện lọc qua lần lụa mỏng của chiếc dĩa xanh và làn hương ngào ngạt của bình hoa tươi, như làm mát dịu thơm tho lần không khí oi ả của đêm nóng bức miền Nam.

Vắt vẻo nằm đọc thơ Tàu, thỉnh thoảng gặp một câu đặc ý, cô em ngừng lại ngâm nga. Tiếng ngâm nhỏ, trong và êm. Là một tiếng ngân gần tan như đôi cốc pha lê chạm khẽ.

Anh Xuân vừa chấm luận văn và soạn bài xong, để hôm sau đi dạy học, vui vẻ cầm một xấp báo chí, từ buồng bên bước qua. Nghe tiếng ngâm thơ của cô

em, anh mỉm cười, thêm có chút sung sướng tự phụ, vì em mình, một thiếu nữ tân thời mà cũng lại là một nguồn thơ, nguồn thơ xưa của thời đại cũ. Cô em hay làm thơ mới, rất thích đọc cổ thi, hay giúp anh chép sách và viết văn đăng báo, lại cũng hay vẽ cây mai, cây lan bằng ngòi lông, lối phá bút tàu. Cô em còn giữ được lối chữ hành khải thư và lối bình thơ ấm giọng của cha truyền lại.

Nhìn em, vui vẻ và bằng lòng, anh hỏi đùa :

— Có gì đặc ý mà ngâm vang như thế, cô Tú ?

Không trả lời, cô em nhanh nhẹn đứng lên, theo lệ thường đêm, cô đi pha cà phê cho anh uống. Lúi húi lọc cà phê, cô em mỉm cười luôn, vì không ngó lên,

cô vẫn biết anh đang chăm chỉ nhìn mình với cả tấm lòng mến yêu bao bọc.

Món tóc tơ huyền hơi bối rối, buông xỏa theo vóc mình thon, thon với tấm áo hoa màu hồng phấn, các nét ấy hòa hợp với nhau làm nên một mỹ miều ý nhị.

Tay vừa làm, miệng vừa tươi cười hỏi anh luôn về công việc nhà trường, bắt anh kể từ khoản một trong chương trình cuộc tổ chức cho học trò đi nghỉ mát sắp tới.

Rồi như chợt nhớ ra, cô bỗng hỏi bằng một giọng reo vui :

— À này, kỳ nghỉ này, anh Xuân định đưa em đi chơi đâu ?

— Tùy đấy, làm tiên nga xỏa tóc bên nguồn Cam-trại, hay là làm khách tầm phương thập thúy trên đỉnh Tô châu, hay làm người lã khách phiêu lưu trên sóng Nam-phố hay... tùy.

— Chương trình đâu mà thường quá nhỉ !

— Thế thì, trừ ý muốn du lịch trên cung trăng làm duyên với Hằng nga trong điện Quảng-hàn, còn thì cô tiên nữ bé bỏng của anh muốn đi chơi đâu, anh đều đưa đến cả.

Cô em tủm tủm cười :

— Này, anh nghe này :

五
春
色
滿
樓
東
風
輕
暖
日
初
晴
柳
花
飛
絮
燕
剪
輕
盈
飛
花
滿
地
柳
花
飛
絮
燕
剪
輕
盈
飛
花
滿
地
柳
花
飛
絮
燕
剪
輕
盈

*Ngũ nguyên xuân sắc cựu lai trì,
Nhị nguyệt, thủy dương vị quả tì.
Tức kim hà bạn băng khai nhật,
Chính thị Tràng an hoa lạc thì.*

— Thơ đâu mà hay quá ! Em ngâm lại bạn nữa cho nghe.

— Ừ, thì nghe kỹ, đề bắt em ngâm mãi hay sao ?

Bằng một giọng trong và rõ ràng hơn, cô em ngâm bài dịch thơ Đường :

*Lăn lữa màu xuân khéo hững hờ
Tháng hai, cảnh liễu chưa buông tơ
Mặt sông dây mới vừa tan giá
Là lúc Tràng an rơi cánh hoa.*

— Nhưng sao lại bắt anh nghe chỉ lời mong đợi mùa xuân của kẻ ngoài biên cảnh.

— Muốn biết vì sao, anh hãy nghe chuyện này, rồi anh sẽ biết :

Ừ, một ông quan viễn chinh, một người lính biên thú, một khách thương mãi phóng dật giang hồ chẳng hạn, hay là ai cũng được ; nhưng dầu ai nữa, tâm hồn cũng là tâm hồn một khách thơ, ở chốn biên thùy hẻo lánh, lòng khát khao mong mỗi tin xuân, mà xuân thì hãy còn nấn ná dần dà mãi ở đất Ngũ nguyên ảm áp. Đã tháng hai rồi ! Mặt sông, giá chưa tan, hai hàng thùy dương chưa lơ thơ buông rũ sợi tơ mảnh.

Chiều hôm ấy, lòng khoan khoái nhẹ nhàng, vì công việc rồi rảnh, nhà thi sĩ cởi bớt chiếc áo ngự hàn, thơ thần ra bờ sông, mặt nước đã hơi sóng sánh dưới ngọn gió mới chớm, rao rao, từ phương đông đưa lại. Lòng thấy phơi phơi vui, nhà thơ biên thùy mơ màng

nghĩ : Lúc này, về hồng tử của Tràng an còn đâu nô nức tung bừng. Xuân sự đã đến thời kỳ linh lạc. Tàn xuân hoa rụng hết rồi.

Lời thơ như tiếc than, hờn rồi, chua chát với cái gì có quyền tạo nên cảnh xuân sắc cho nhân gian. Khách Tràng an nô nức đón xuân đầm ấm tự lâu rồi, mà riêng nơi tuyết tái xa xăm, cô quạnh, khi mà ở chốn Tràng an hoa rụng hương tàn, mới lại được đón chút gió đông mới đưa về hơi xuân chậm...

Ngừng tràng diễn thuyết, cô em nhấp miếng cà-phê ngọt, cười, nhìn anh rồi nói tiếp :

— Anh Xuân ạ ! Đọc bài thơ đó, em có một ý tưởng ngộ ngộ là trời đất to rộng vô cùng, mà mỗi lần Xuân đến, Đông hoàng không đi khắp được một lượt cả nơi nơi. Những vùng khí hậu ấm áp thì xuân qua đó trước, rồi bóng thiếu quang dần dần mới đến chốn lạnh lẽo của hai miền Nam Bắc địa cầu. Như thế thì không phải đâu đâu xuân cũng về cùng một lúc, mà có chỗ sớm, có chỗ muộn, khác nhau.

Ở chốn này, xuân sắc tung bừng, bướm hoa chấp chới, thì chính đó là lúc bên kia phương trời, hãy còn âm u rét mướt, tuyết đóng băng ngưng. Rồi trái lại, khi bên kia phương trời bông hoa rực rỡ thì bên này đã đến lúc tiêu điều héo hắt cảnh xuân tàn.

Như thế, giá em chấp được cánh tiên, em sẽ bay lượn bốn phương, để đuổi theo chơi cho khắp bốn mùa xuân trong trời đất.

— Thế thì em tham quá, anh không muốn có cô em gái tham lam như thế đâu !

— Vàng, em tham, nhưng cái tham đó không xấu anh nhĩ.

Em ước ao nhân loại ở mãi trong cảnh xuân tươi xán lạn, lòng mọi người hòa đồng điệu với lòng vạn vật đề cùng nhau sống êm đềm giữa xuân ý bốn mùa.



Anh Xuân mỉm cười, một nụ cười bí mật, gật gù làm ra dáng lơ đãng, nhìn theo làn khói trầm anh nói :

— Rồi con chim xanh của anh, không, cô tiên bé bỏng của anh, sẽ được tung cánh trong trời xuân rực rỡ.

Đưa ra một phong thư của người bạn mới gửi về, anh bảo cô em đọc :

« Kỳ tránh nắng này, anh sẽ lên chơi với chúng tôi. Mùa này ở Kontum trăm hoa đua nở, nghiễm nhiên là một cảnh tiên. Nhưng anh đừng cười. Vì hoa là hoa đại hoa rừng, và tiên là tiên thiên nhiên cả. Thế nào anh cũng lên chơi, thưởng xuân trái mùa với chúng tôi.



Vui sướng cuống quýt như đứa trẻ được quà, cô em nũng nịu reo :

— Thế thì thích quá. Lên trên ấy rồi, em sẽ là cô sơn nữ cùng với các cô gái Thượng, chạy len lỏi hái nhiều, thực nhiều, những bông hoa đại, hoa rừng.

Rồi em sẽ đem những bông hoa ấy thả theo dòng nước cho xuôi cuốn về chốn phồn hoa nóng bức của kinh thành. Những cánh hoa hạnh đào, hoa phong lan, cả hoa sim, hoa bằng lăng, hoa mua, và tất cả những bông hoa tươi đẹp của rừng xanh... để cho mọi người biết chốn tâm phương, thăm hỏi. Chứ em không như nhà thi sĩ ăn dật nào, ích kỷ quá, khi thấy cái hoa đào tươi thắm ở am Khánh-toàn, đã vội vàng bảo :

*Hoa di mặc khiến tùy lưu thủy,
Phạ hữu ngư nhân lai vấn tân.
Hoa rơi chớ thả trôi giòng nước
Những ngại chèo ngư quấy bến tiên.*

Đêm hôm ấy, cô Tú thao thức nao nao không ngủ được, chập chờn thấy mình nhẹ nhàng lờn vờn trong một thể giới đầy hương thơm và gió lạ...



MỘNG-TUYẾT, Thút tiêu muội
(Vấn cáo Dưới Mái Trắng non)

✱ Muốn trở thành người phi thường thì phải thắng những trở lực phi thường, mà muốn thắng những trở lực phi thường thì phải có ý chí phi thường (L. Toulemonde).

✱ Có giữ được nghị lực thì mới giữ được nhân phẩm, mà có giữ được nhân phẩm thì mới giữ được quốc gia.



ĐÔNG-XUYÊN

Cửu giang Quan xá Trừ tịch

Tiền tuế Tầm-Dương-quán,
Cơ-hoài cưỡng tiểu hoan.
Chúc tiêu thâm-dạ tửu,
Thái thốc dị-hương bàn.
Lệ mỗi tư thân dọa,
Thư tần ký đệ khan.
Gia nhân kể trình viễn,
Ứng dĩ mộng Tràng-An ?

ÂU-ĐẠI-NHÂM
(đời Minh)

Đêm 30 Tết ở Quan xá Cửu giang

Tầm-Dương đêm giáp Tết,
Cười nói gượng làm khuây.
Chén rượu đèn khuya vợi,
Mâm rau đất khách đầy.
Lệ giòng... cha mẹ vắng,
Thư gửi các em đây.
Về, tính đường xa thăm,
Tràng-An mộng muốn say ?

ĐÔNG-XUYÊN dịch

CHÚ GIẢI :

Bài thơ này của ÂU-ĐẠI-NHÂM (không rõ quan tước) đời Minh tả đêm trừ tịch (30 Tết) ở nơi ông làm quan là Cửu-Giang. Thị trấn này, về đời Tấn gọi là Tầm-Dương, về đời Tùy, đổi là Cửu-Giang.

Ý nói : Tiền năm cũ ở lý sở Tầm-Dương, lữ-hoài ngao ngán chỉ gượng cười làm vui. Đốt đuốc lên uống rượu đêm khuya, chén rượu vợi dần với ngọn đuốc ; mâm cơm nơi đất khách, chỉ còn cộn những rau là rau. Nhớ đến cha mẹ, giọt lệ tuôn rơi... và (buồn) liền viết thư luôn cho em xem. Người nhà tính đường về, thì đường về xa lắc. Thế là tác giả ngồi mơ... về Tràng-An (là quê quán của mình).

thắc mắc...

Sau hai trận đại chiến, sau những cuộc tranh đấu vô trang hoặc chính trị giành độc lập, sau những năm chung sống với Cộng-sản, sinh hoạt cũng như tư tưởng của con người bị xáo trộn quá nhiều, quá mạnh. Hoàn cảnh mới, tư tưởng mới, phát minh khoa học mới... mỗi ngày mỗi gieo thêm vào lòng người dân Việt biết bao hoài bão mà cũng biết bao niềm thắc mắc băn khoăn. Những thắc mắc băn khoăn đó, bạn Phạm-Hoàng, sau bao biến cố thời đại, bắt đầu từ số này, sẽ lần lượt trình bày cùng bạn đọc Bách-Khoa mỗi kỳ. Tác giả trang thắc mắc này hi vọng sẽ cùng các bạn, nếu không tìm được phương giải quyết, thì ít ra cũng làm nhẹ bớt tâm tư của riêng mình và của các bạn đồng tâm sự.

L. T. S.

VIỆC NƯỚC

Việc nước Việt là việc của mọi người Việt, từ người Việt ở bậc gọi là cao nhất cho tới người Việt ở bậc gọi là thấp nhất.

Trách nhiệm của mỗi người trong việc nước đều quan trọng và nặng nề như nhau; không ai có quyền thoái thác, bỏ mặc, mà cũng không ai có quyền dành lấy một mình.

Chân lý ấy, tôi thấy rõ lắm.

Thế mà nhiều khi tôi vẫn có khuynh hướng thoái thác trách nhiệm, trốn tránh trách nhiệm, để mặc việc nước cho một đảng, một phe, một nhóm hay một người lo liệu cho tôi. Phải chăng đó là tại tôi quen thói ỷ lại và vẫn còn đầu óc của một người dân bị trị, chỉ chờ đợi người khác « làm cỗ sẵn » cho mình.

Đã vậy mà tôi lại còn luôn miệng chê bai, oán trách.

Có người bạn bảo tôi :

— Việc nước là việc của anh. Một là anh để người khác làm giúp cho anh thì « hay nhờ đỡ chịu », anh chẳng nên chê bai, oán trách làm gì; chê bai, oán trách là điều phi lý. Hai là chính anh phải tự làm lấy, và anh có tự làm lấy thì mọi sự mới có cơ thực hiện đúng theo ý muốn của anh. Tự do, dân chủ, cũng như độc lập, là những thứ anh không thể chờ đợi ở người khác đem lại cho anh, chính anh, anh phải tranh đấu mà chiếm lấy mới được.

Bạn tôi có lý chăng ?

PHẠM-HOÀNG

lệ ngày xuân

Tùy bút bằng thơ

BÌNH-NGUYỄN-LỘC

Chiều xuống. Trong hang tối rết,
Ba người ôm nhau lấm lét nhìn trời,
Trái lửa kia đã rụng rồi,
Ngày mai trở lại cho đời ấm không ?

Nhánh khô hai khúc cong cong,
Chú hang lơ đãng cọ, hồng vui tay.
Bông đầu tia lửa xẹt ngay
Xuống chông lá chết, khói bay lên liền.

Lặng nhìn ngọn lửa đầu tiên,
Cả hang kinh khủng : ma thiêng đây à ?
Lửa càng cháy rộng lan ra,
Trong hang sáng, ấm, như là ban trưa.

Cả hang dạ thích lòng ưa
Cầm tay nhau nhây, nhạt thừa tiếng cười.
Vách hang in bóng ba người
Điện cuồng múa rối : đời tươi thắm rồi.

Từ ngày bắt gặp lửa trời
Loài người trời nổi, sống đời định cư.
Đêm đêm nhen nhúm lửa dư,
Đời đời kiếp kiếp, đến chừ còn nhen.

Lửa thiêng, ôi lửa thiêng liêng !
Vỡ về an ủi, ưu phiền tiễn tan,
Nỗi lo tiền sử trong hang
Giờ đây đã mất, nhờ nàng tiên đêm.

Nàng tiên bầu bạn êm đêm
Sưởi da cho ấm lại thêm sưởi lòng,
Dưới đèn, quanh bếp lửa hồng,
Cả nhà sum họp nghe dòng đời trôi.

Đang vui tôi bỗng lệ rơi,
Vị thần giữ lửa đầu rồi, hỡi ai ?
Loài người bội bạc, lột phai
Phụ ba ông Táo từ nay hết thờ

Lệ tuôn, tôi khóc gái thơ,
« Vết Tan » (1) La-mã xa xưa đầu rồi,
Ôi bao trinh nữ cổ thời,
Xả thân giữ lửa cho đời bình an !

Lệ ngày Xuân, ôi hận không tan !
Sao cầm được, trước mái nhà hoang ?
Người nhúm lửa Tết,
Nhà ấy tro tàn !

Cái bếp lạnh, mái nhà không quện khói,
Là không có người nhen nhúm lửa thiêng !
Dòng người đứt, dòng lửa cũng không liền.
Lửa thiêng, lửa thiêng liêng !

Có ai tắt ngọn lửa lòng
Lại đây ta khóc đời không dài người.
Tro tàn ta cổ mà bươi,
Biết đầu lửa ngún núp cười đón ta ?

(1) (Les Vestales)

NGUYỄN ANH-LINH

Tên sách : *Sứ mệnh văn nghệ*

Tác giả : *Nguyễn Nam Châu*

Nhà xuất bản : *Đại học*

đầy : *234 trang Giá 50đ.*



Dưới sự khuyến khích và bảo trợ của nhà xuất bản Đại-Học Huế, nhiều loại sách đã được ra mắt bạn đọc.

« *Sứ mệnh văn nghệ* » là một trong những tác phẩm đầu mùa. « *Sứ mệnh văn nghệ* » tìm cách vạch một con đường mới cho văn hóa nước nhà. Có hai phần : phần Một nói về khái luận tổng quát và phần Hai, về ý lực chi phối văn nghệ thế giới.



Trong những trang đầu, tác giả nêu lên các thuyết « nghệ thuật vị nghệ thuật, nghệ thuật vị nhân sinh, nghệ thuật vị luân lý » (trang 13).

Tác giả nhấn mạnh vào chủ đích của văn nghệ và xác định đúng ý hướng của nó : các văn hào cảm thấy một sứ mệnh đối với nhân loại, không thể không nói ra ; không thốt ra tức là phản bội, như André Chénier, trước khi lên máy chém, đau đớn đập trán bảo : « Dù sao tôi có một cái gì ở

đây ! » Hay các nhạc sĩ cảm thấy « một cái gì kêu trong óc ». « Con người không thể chứa đựng, giam hãm mãi trong trí khôn được [những tình cảm tha thiết, xao xuyến], phải thổ lộ ra ngoài cùng cỏ cây mây nước... cho người vợi cõi lòng » (trang 16).

Nhưng không phải bất cứ « những khát vọng u uẩn chứa chất trong lòng, những tư tưởng bị dồn ép trong tiềm thức » cũng đề cho ra ánh sáng (trang 18). Không phải vì thành thực mà tôi lại có quyền bộc lộ những tình cảm hèn yếu, đê tiện của tôi. Chính vì kính trọng người khác mà tôi lại phải thận trọng khi cởi mở tâm hồn : « chủ đích truyền thống, gọi cảm đòi tôi chẳng những phải phát biểu một cách quyến rũ, nhưng lại bắt tôi phải chú trọng tới giá trị của nội dung nữa » (trang 20).



Trong việc tranh chấp gay go và nan giải để phân biệt văn minh và

văn hóa, tác giả tỏ rõ lập trường, bằng cách căn cứ vào khả năng con người : « homo faber » và « homo sapiens », con người lao tác và con người trí thức, con người hành động và con người suy tưởng, Marx và Khổng-Tử. Tác giả mỉa mai viết : « Nếu không có gì ấn định cho lãnh vực văn hóa, thì biết lấy tiêu chuẩn nào để phân biệt, so sánh được trình độ văn hóa trong người trần trụi của bậc vĩ nhân Gandhi, ngồi trên manh chiếu tả tơi kia, với trình độ văn hóa trong anh chàng triệu phú bụng bự, quần áo bảnh bao. Ngồi trong chiếc xe hơi tối tân Hoa-kỳ nọ. Có phải cái anh chàng lực sĩ đẹp trai kia sẽ được coi là có văn hóa cao hơn nhà bác học gầy còm, cặm cùi trong phòng thí nghiệm kia không ?... » (trang 27). Yếu tố quyết định cho trình độ văn hóa mỗi người là do cái vốn *linh thiêng trong sinh hoạt nội tâm*. Và văn hóa là yếu tố quyết định của văn minh : con người trí thức cộng lực với con người lao tác để cải hóa thế giới. Tuy nhiên, giữa văn hóa và văn minh có những mối tương quan chặt chẽ : văn minh bao trùm văn hóa : « Văn hóa chỉ có những yếu tố tinh thần ; nhưng văn minh thì lại bao quát cả hai yếu tố tinh thần (văn hóa) và yếu tố vật chất (vũ trụ và sức lao tác) ». (trang 36.)

Tác giả có lý khi công kích quan niệm thông thường chỉ ghép chữ văn minh cho những người hay xã hội đã lên tới một mực độ khá cao. Thực ra, có nhiều mực độ văn minh của xã hội loài người : tác giả đề nghị nên

dùng những danh từ : văn minh cổ sơ, văn minh trung độ, văn minh cao độ.

Tác giả bất đồng ý kiến với Auguste Comte về lịch trình tiến triển của loài người. Theo Auguste Comte, loài người đi từ giai đoạn sơ khởi, hay thần thoại (Comte gọi là *théologique*, nhưng theo tác giả thì phải nói là *mythologique*, trang 33, 34), qua giai đoạn triết luận (*état philosophique*), đến giai đoạn khoa học duy lý của Tây Phương hiện kim. Ở trang 67, tác giả trình bày thuyết đó lại và kết luận : « Không có một giai đoạn thay thế giai đoạn triết học - thần học. Con người ngày nay vẫn còn đương dò dẫm trên con đường tìm liêm : tìm kiếm để hiểu sự vật sinh hoạt làm sao, và nhất là tìm hiểu bởi đâu lại có vũ trụ, có con người. Nghĩa là khoa và triết, thần học sẽ còn mãi mãi đi song song với nhau trên con đường văn hóa, vươn tới Chân, Thiện, Mỹ, hệt như ngày xưa đời các triết gia Hy-lạp và Trung-hoa cổ thời. »

Nhưng, nếu xét kỹ, tác giả sẽ cũng nhận thấy, đời nay, giai đoạn thần thoại vẫn còn : con người siêu nhân cuồng bạo của Gide, con vật sản xuất của Marx, hay chủ nghĩa chủng tộc Đức quốc xã..., đều là những chuyện thần thoại, không tưởng. Và con người chúng ta, khi còn bé, cũng trải qua giai đoạn thần thoại (3 đến 7 tuổi).

Đại để, phần Một, tác giả đã dày công xây dựng, nêu lên những tư tưởng hay và bổ ích, ngay cả đến nhận định của tác giả về cái đẹp trong văn nghệ. Nói đến cái đẹp là rất khó và dễ làm cho chúng ta mất đứng đắn. Tác

giả đã tránh được cái đó và có một kiểu nói tao nhã, thanh lịch : « Nhan sắc không thể lẫn được với cái duyên được. Cái duyên thuộc về phẩm tính của tâm hồn, và được biểu lộ ra bên ngoài bằng những nét những điệu khác hẳn cái đẹp lộ liễu của thể xác. Về duyên dáng thực được biểu lộ trong đôi mắt dịu dàng, nét mặt thủy mị, dáng điệu khoan thai, lời nói nhẹ nhàng, tinh tinh nét na... » (trang 53).



Sau khi cho biết những nét đại cương về văn nghệ, tác giả cần tìm ở Phần Hai một ý hướng cho văn nghệ, và phải đương đầu với tất cả những lý thuyết từ cổ chí kim, vì những lý thuyết đó đều chủ trương phụng sự nhân loại, phụng sự con người, nghĩa là đều có nhãn hiệu nhân bản cả. Tác giả trong hơn 150 trang đã trình bày và bình luận từ Thích-Ca qua Khổng-Tử, Schopenhauer, Nietzsche, Sartre, Camus, cho đến V. Gheorghiu với tác phẩm « Thế giới của giờ thứ 25 ».

— Chắc hẳn, nếu ra sau vụ Pasternak thì sách sẽ dày thêm được mười trang là ít : muốn bao quát quá, thì không thể đi sâu được ; và vì không thể đi sâu được, thì tất nhiên sẽ có những sơ suất trong cách trình bày và những lời nồng nặc trong cách phê bình : đó là những khuyết điểm không tài nào tránh nổi.

— Giới thiệu với trí thức Việt-Nam thuyết của Đức Phật hay Khổng-Tử, tác giả nên chua chữ Phạn và chữ Nho, cũng như khi trình bày thuyết của

Zénon, nên chua một ít tiếng chính của Hy-lạp v.v... Chua như thế không phải để thị uy, trái lại để giúp ích những nhà khảo cứu, sưu tầm sau này.

— Về Phật-giáo, theo thiên ý chúng tôi, tác giả quả hăng hái và quá quả quyết : « Phật-giáo là một triết học phi nhân bản... Tôi nói phi nhân bản, vì nếu diệt hết thân ý, tâm ngã và sinh hoạt ý thức, thì con người không phải là con người nữa... » (trang 96) Thực ra, vấn đề này là then chốt và là một tranh chấp lớn giữa các giáo phái. Cần có thái độ dè dặt hơn. Tác giả cũng thấy mình đi quá trớn : « Vậy phê bình theo quan niệm nhân sinh nhà Phật trên đây, chúng tôi chỉ có ý phê bình theo quan niệm thông thường của Phật-giáo. Chúng tôi đợi sự trả lời của những nhà Phật học ngày nay về vấn đề đó. Chúng tôi cũng thầm mong rằng các nhà Phật học chân chính sẽ phủ nhận một quan niệm vô ngã để trở về quan niệm Tiểu-Thừa Nguyên-Thủy, công nhận có nhân vị riêng biệt » (trang 97.)

— Nói đến nhân bản Thiên-Chúa giáo tác giả xem ra kém hào hứng, chỉ dành có 2 trang, trong khi Phật giáo chiếm 8 trang, Nho giáo 11 trang. Tác giả khiêm nhường nhận : « Trong một đoạn sách ngắn, không thể nói hết về đạo Thiên Chúa : nhưng có thể tóm lược... » (trang 98).

Bàn đến phái Khắc Kỷ, (trang 101) hay thuyết Kant (trang 114), tác giả cũng như phần đông thường chú ý đến phần luân lý mà ít lưu tâm đến nền tảng triết học của nó. Có thể nói thuyết khắc kỷ là một trong những thuyết

thuyết sâu xa nhất của Hy-lạp và về ảnh hưởng không kém gì thuyết của Platon.

Làm lỗi trên, tác giả đã tránh được khi trình bày Nho giáo.



Đọc thiên XI liên hệ đến nhân bản duy vật vô thần, chúng tôi có cảm tưởng đó là một « cuộc đàm thoại giữa những người điếc. » Cách phê bình của tác giả khó bề thuyết phục nhân tâm, vì xem ra tác giả đã sẵn có mầm ác cảm. Tác giả hăm hực đã phá những quan niệm nhân bản của Fenerbach, Nietzsche, Marx, Sartre, Gide, Malraux, Camus, nhấn mạnh vào những tai hại, nguy hiểm của cái thuyết đó.

— Vâng, ai cũng công nhận với tác giả « con người giết Thiên Chúa, con người siêu nhân cuồng bạo, con vật sản xuất, con người nôn mửa trước cuộc đời, đứa con phung phá, kẻ chinh phục mù quáng, con người công phần », hay con người bạc mệnh của Nguyễn-Du... đều là hạng người tác yêu tác quái hay sa đọa.

— Nhưng chúng ta phải nói ngay hạng người đó đã đặt trước chúng ta những vấn nạn mà chúng ta không thể lẫn tránh được ; là những chương

ngại vật, là những gai nhọn trong xã hội ngày nay. Gabriel Marcel, trong sách L'Homme problématique, đã cho ta biết cái cảnh khốn cùng, vô gia đình, vô tổ quốc, không lẽ sống của hàng triệu con người vì chính trị đã bị đuổi đi lang thang khắp thế. Sự hiện diện của những thứ con người đó không thể làm cho ta yên thân được. Nên, Roquentin (Sartre), Caligula, Clamence (Camus), Tchen (Malraux), cũng như những nhân vật của Dostoievski (Stavroguine, Roskolnikov) là những « con người vấn nạn », là những con người ngoại lệ (out-siders) Chúng ta sẽ cho họ là điên cuồng. Phải ! Điên cuồng như kiểu Tolstoi (Ký ức của một anh điên) !

Đi sâu vào nội tâm của các tác phẩm, chúng tôi thiết tưởng không nên quả quyết quá hấp tấp.

Phần cuối sách khi nói đến cái dã man, bỉ ổi của con người, tiếc rằng tác giả đã phô bày, trích dẫn quá nhiều (2 trang dành cho những vụ hiếp dâm của lính Nga : trang 220-221) làm cho độc giả đôi khi ngượng ngịu mà quên rằng mình đang nghiên cứu những vấn đề đứng đắn và trọng đại.

NGUYỄN-ANH-LINH

Cái dũng của bậc quân tử

Khổng-Tử bảo Tử-Lộ rằng :

— Người quân tử lấy tâm chỉ dẫn tai mắt, cho sự đúng vững nghĩa lý là dũng ; kẻ tiểu nhân dùng tai mắt chỉ dẫn cái tâm, cho sự bất tổn (xác lão) là dũng.

KHÔNG-TỬ GIA-NGŨ

NGÀY XUÂN

KHAI BÚT

Lời và nhạc: Hải-Minh TRẦN-VĂN-KHÊ

Tặng những đôi uyên ương xa cách.

Allegretto



xưa Vẫn mãi nồng hơn... xưa Ngày nay trong
 lúc xuân về Ngày nay năm mới anh thề Cùng
 em trăm năm gắn bó, trăm năm vẫn một lòng anh chỉ yêu
 em. Ngày mai dầu vật đổi sao dời Ngày
 mai có đất lở long trời Lòng anh Kiên
 trung nhưt quyết Thân anh dầu tan tành anh vẫn yêu
 em. Dù cho hoàn cảnh khó
 khăn. Dù cho xa cách nghìn trùng gian lao cho
 mấy không sờn Anh ôm ấp nghìn đời mỗi tình keo
 RALL...
 Sơn. Ta ôm ấp nghìn đời
 mỗi tình - Keo - Sơn

Thế

Ý XUÂN

Gửi Kỳ, Vũ, Tổng, N.T.

Ý xuân về run rẩy
Nàng xuân đến thăm tôi...?
Đời phong trần đưa đẩy
Nụ cười héo trên môi...



Bao lâu mơ xuân đến,
Mộng đời khép dở dang...
Con đò xuân không bến
Giao-thừa vẫn lang thang...



Ngày xanh đi nghiêng ngả
Mấy xuân rồi... lao đao?
Thua đời tan chỉ cả
Tiền sầu mượn ly tao...



Say rồi quên vũ trụ
Sơn hà .. đảng vị men
Ôm nàng xuân yểu ngữ
Mặc truyện đời đồ đen...



Hăm hai xuân rồi đấy,
Còn nhiều mộng sống hồ.
Lại lên đường... tin cậy,
Mặc sóng đời nhấp nhô...

Xuân Kỳ-hội

HUY-LỰC

LIÊN và Thảo lấy nhau đã sáu năm.
Đó là một việc thiên định, là vì
nếu theo ý Thảo định thì người
vợ của anh không thể là Liên.

Thảo nói về chuyện lấy vợ từ hồi
mười chín đôi mươi, anh nói đúng
đắn nghiêm trang như một bậc huynh
trưởng lo chuyện gia thất cho đàn em. Anh
công bố về người vợ tương lai của anh
nhiều lần, và lần nào cũng chừng ấy điều
kiện. Chẳng hiểu sao mãi đến hăm lăm
hăm sáu anh vẫn chưa cưới vợ. Anh
công bố rằng trước tiên người con gái
muốn làm vợ anh phải có sức khỏe.
Anh giảng rằng điều ấy « hệ trọng
không tưởng tượng được ». Anh chế
giễu những người con gái ẻo lả, biến gia
đình thành bệnh viện, sống đâu là mang
theo cái không khí rầu rĩ đến đó, anh
bảo anh rất sợ hãi những vẻ mặt cau có,
anh lo cho sức khỏe của con cái v.v...
Người ta có cảm tưởng rằng phương
pháp chọn vợ của anh cũng sẽ dùng đến
bàn cân và cây thước, kết quả được ghi
bằng những con số đo vòng lưng vòng
ngực, những con số tính đến từng phân
từng ly, vì Thảo vốn chu đáo.

Có những người hoặc ham đuổi theo
những thú vui tinh thần, hoặc say sưa
với những khoái lạc vật chất quên rằng
họ có một tấm thân để chăm sóc. Họ
ăn uống qua loa không để ý đến ngon
dở, thức ngủ bất thường, mặc xuềnh
xoàng, có khi uống những ly cà-phê đậm
đắng, thức suốt đêm để viết và đọc,
có khi rời khỏi sòng bạc đứng lên thì

quần áo nhàu nát hơi hám nhóp nhúa, mặt mũi bơ phờ... Họ bị ham mê thu hút như gió cuốn ù ù quanh mình, họ hất mặt chạy tới, tưởng muốn cắt cánh bay tới, quên mình có cái xác nặng.

Thảo không thuộc vào hạng người ấy. Lẽ cố nhiên đời anh cũng có biến cố, nhưng những sự việc bất thường ấy ít quá, ít đến nỗi tưởng như nó không thuộc vào đời anh, không có liên quan gì đến bản tính của anh, nó từ đâu tình cờ lạc đến thôi. Sống bên anh, người ta thấy rõ con người phải chu toàn một công trình nặng nhọc là phụng dưỡng thề xác mình. Người ta thấy rõ công việc đó quan trọng không biết chừng nào. Thề xác của Thảo luôn luôn thao thức và tỉ tê đòi hỏi. Sống bên anh, người

ta được sống sát bên những hoạt động của con vật trong mỗi chúng ta. Con vật đó nhiều khi chúng ta quên nó đi vì bận lo công kia việc nọ; nhưng ở Thảo thì nó không dễ cho quên, nó thao thức, cựa quậy, nó đề nghị, nó luôn luôn biết đề nghị với Thảo những nhu cầu mới. Bước lên goong tàu đi một chuyến vài ba mươi cây số, người ta thấy anh chuẩn bị ve thuốc thần để xoa hai bên màng tang cho ấm, rồi lại mở ra đến thứ thuốc hít cho thông mũi, bao giờ cũng có kính che than đá bay vào hai con mắt, có cái « tẹt mốt » nước đã nấu chín mà anh loay hoay tìm một chỗ chắc chắn để cho rãnh tay. Anh cũng dự sẵn một số thuốc hoắc loạn và vài thứ thuốc cấp cứu khác, đề phòng mọi bất trắc.

Trong lúc bạn bè lo bàn chuyện câu cá, leo núi, bắn chim, ham cười nói huyền thiên, thì không biết Thảo nghĩ đến những món đó vào lúc nào, không biết thề xác của Thảo thủ thi đề nghị với anh những thứ cần dùng đó vào lúc nào để chăm sóc nó.

Những khi đi đường xa hơn, trong lúc các bạn thò đầu ra ngoài cửa tàu lửa nhìn vắn vơ vô ích thì Thảo mở va-ly, lấy ra một cái gói bằng giấy nhật trình, mở gói, bỏ xuống một đôi guốc, và cởi giày ra thay cho hai chân được mát mẻ. Ăn xong đĩa

com, trong khi các người bạn chép chép miệng, nhìn quanh quất trên sàn goong tàu tìm kiếm một cách tuyệt vọng thì Thảo thản nhiên cho tay vào túi áo trong, rút ra một gói nhỏ, chia

cho mỗi người một cây tăm. Thề xác chúng ta đâu có đòi hỏi nhiều, nó đề nghị xin một cái tăm nhỏ cung cấp đúng lúc là đủ thưởng cho ta một khoan khoái hả hê. Thảo biết tiên liệu những đòi hỏi đó, anh mỉm cười đắc thắng nhìn các bạn, và anh xô cái va-ly ra một bên, bỏ guốc, rút chân lên, ngả lưng lên một tấm mền đã lót sẵn, lạng lẽ nhìn các người bạn loay hoay.

Lúc nào trông Thảo cũng khỏe khoắn thư thái, cũng sẵn sàng luận đàm về sức khỏe, nhìn mọi sự việc ở cái khía cạnh có ích lợi cho sức khỏe phất. Năm anh hai mươi sáu tuổi anh vẫn đang tiếp tục câu chuyện về người vợ đầy sức khỏe đã theo dõi anh từ bảy tám năm về trước.

TÂM HỒN

TRUYỆN NGẮN của VÕ-PHIẾN
(Xem B. K. số 49)

Một hôm Thảo đến nhà Hồ định rủ đánh cờ tướng, gặp lúc Hồ đang sốt. Hồ bị sốt rét kinh niên. Thảo ngồi nói chuyện với Hồ về chứng bệnh nắc cụt của đứa con năm tuổi. Anh kể những cách cho ngừi ammoniaque, đắp sinapisme rigollot trên bao tử, cho uống liqueur ammoniacale anisée hòa giọt trong nước đường, dùng Gardénal và Rhodazil v.v... Hồ cười biếng nhác :

— Anh có nhớ ở nhà quê mình họ chữa nắc cụt thế nào không ? Dán một cái đuôi lá trầu lên trán đứa bé, hoặc nhỏ vào miệng vài giọt nước máng lò rèn, hoặc vừa nhin thờ vừa đếm thầm.

Thảo cười lớn. Lúc anh dứt tiếng thì nghe thấy một giọng con gái trong trẻo ở buồng trong, gần bên cạnh :

— ... Dạ. Đúng thế. Cái này thì chắc anh không chịu dùng đâu. Nhưng mà tôi cam đoan với chị thiệt là hay, nhứt định là dứt bệnh, dầu là sốt rét kinh niên lâu tới đâu cũng dứt, kinh nghiệm lắm. Cứ mỗi ngày bắt một con thằn lằn, cứ để nó sống, gói trong miếng giấy, há miệng thật to cho cái gói vào, bầm nhẹ sau đuôi một cái, con thằn lằn chạy tọt vào cổ. Cứ mỗi ngày một con như thế, cam đoan với chị nửa tháng là hết bệnh, không bao giờ tái phát.

Ở trong buồng có tiếng một người cười sặc sụa, và một tiếng cười cú cú. Nét mặt Hồ vừa lạ lùng vừa e ngại. Thảo nhìn Hồ rồi quay lại nhìn cái chéo áo dài màu vàng lợt phất ra ngoài cửa phòng. Chưa ai kịp lên tiếng, thì giọng con gái ấy lại tiếp tục :

— Còn có cái này nữa. Con trùn, dạ, đúng là con trùn đất ấy, bắt cho được

độ trăm con, đem nấu cháo mà ăn thì cũng tuyệt bệnh sốt rét. Trong sách họ gọi là địa long tử, là thồ long. Con rồng đất đấy. Chị chọn thứ đã già thì mới tốt, cứ xem con nào có khoang nơi cổ là già. Thứ trùn bị đập chết khô trên mặt đường cũng tốt, cái đó mới lạ chớ. Thứ đó kêu là thiên-nhân-đạp...

Khi nghe người ta đang bàn tính tới cái chỗ cho mình ăn đến thứ cháo thồ long thiên-nhân-đạp có khoang nơi cổ thì Hồ bật ra cười ầm ỉ. Người con gái ngoái lại, thò đầu ra ngoài nhìn hai người đàn ông, rồi rụt vào, bụm mặt lại cười cú cú.

Thảo kịp trông thấy một khuôn mặt thon dài, xứng với một khổ người gầy và cao, một khuôn mặt không có gì đặc biệt nhưng vừa rồi cũng có một vẻ láu lỉnh dễ thương.

Hồ lên tiếng nói với vào phía trong :

— Cô Liên đừng có chối. Chúng tôi bắt quả tang cô đang xúi dục cho tôi ăn những thằn-lằn với trùn đất đó nhé.

Liên không trả lời, vẫn cười cú cú nho nhỏ. Mãi một lúc sau mới có tiếng chị Hồ :

— Anh thì thuốc gì cũng chê là khó uống, rồi cứ sốt mãi, sốt hoài rồi cuộc cũng phải đến trùn đất chứ không à.

Thảo đang đau nhức ở cái răng cấm, và bị nứt lợi. Hồ nhân dịp hỏi Liên thứ thuốc chữa cho Thảo. Hai người có cơ hội quen nhau, Liên bày cho Thảo lấy râu bắp nấu nước uống giải nhiệt, vì chắc chắn là Thảo bị nhiệt trong người. Liên lại dặn đến cách ăn uống : nên thường ăn canh khổ-quả, và phải là thứ khổ-quả

xanh bỏ hột, nấu với thịt mới mát, chứ còn khô-qua chín đề cả hột mà dùng thì lại có tính cam-ôn !

Sau hôm đó, nhân trong vườn có sẵn bắp, Thảo thử chữa theo lời Liên và thấy công hiệu.

Thảo và Liên rồi gặp nhau nhiều lần nữa, đề nói chuyện về các món thuốc. Lẽ dĩ nhiên hai bên đều đồng ý rằng sức khỏe là hệ trọng nhất trên đời. Chân lý vốn có vô vàn con đường đi đến khác nhau. Cho nên cái việc hai người được gặp nhau, bất cứ trên một quan điểm tư tưởng nào cũng là rất may mắn. Đã gặp nhau vào những chỗ khuất nẻo may mắn như vậy thì rất khó lòng mà rời nhau ra. Chuyện may mắn cuối cùng xảy ra là hai người lấy nhau. Việc đó xảy ra trước khi Thảo kịp nhận thấy rằng Liên ốm tong teo và thêm thuốc như nhồng thêm ớt.

Trong cuộc sống chung của hai người về sau, những kiến thức của đôi bên bồi bổ cho nhau. Mỗi khi đưa ỏ đi chợ về lỏi trong giỏ ra một cặp chim bồ câu thì Liên bảo cho chồng biết đó chính là vị thuốc tên gọi cấp điều, đưa ỏ đồ ra một mớ khoai từ thì Liên bảo ngay tên nó là cam-từ, tính nó mát, đưa ỏ lỏi ra một con mực nan thì Liên giới thiệu là con hải-phiêu-tiêu, rất mát. Vụn vặt như củ tỏi, nhánh gừng, hạt tiêu đề gia vị mà chúng cũng có những biệt hiệu đứng đắn lạ : đại toàn, sinh cương, hồ tiêu. Tầm thường như con gà, con vịt, mà cũng đứng tên trong sách thuốc cả, cũng được phân ra hai phe hàn nhiệt cần thận.

Từ ngày cưới vợ, Thảo đo vợ mà nhìn cuộc đời và cảnh vật với một cặp

mắt khác xưa. Chẳng hạn bây giờ trông theo đàn gà anh biết là mình đang nhìn những vị thuốc biết đi lững thững trên hai chân, nhờ đó anh càng yêu chúng thêm. Thảo có khiếu văn nghệ. Những khi có thể chọn một hoạt động nghệ thuật nào mà không có phương hại đến sức khỏe thì anh không từ nan. Chẳng hạn có lúc anh ngâm nho nhỏ, thưởng thức vài câu thơ cũ :

*« Tôi đến đây tìm lại bóng cô,
Trở về đường cũ, hái mơ xưa,
Rau sam vẫn mọc chân rào trước
Sơn sắt lòng cô vẫn đợi chờ. » (1)*

Liên im lặng lắng nghe, có vẻ cảm động. Một lát sau Liên góp ý kiếp với chồng :

— Cái rau sam anh vừa nói đó, tên nó là mã-xi-hiện. Tính nó mát lắm, mà hay giải độc. Em đề ý tìm mãi ở trong vườn mình không có, tiếc quá.

Ngoài cách thưởng thức thơ như thế, Liên cũng thích văn xuôi. Liên ưa loại tiểu thuyết mà đoạn đầu có nhiều tình cảnh thực éo le, và vào đoạn cuối cùng thì những kẻ lạc chồng, lạc vợ đều tìm gặp lại nhau, những kẻ bị bệnh hoạn ốm hay thương hàn ngặt nghèo đều được chữa lành. Thảo đem quan niệm ấy ra chế giễu và phân tích với vợ rằng nó không được mới mẻ hợp thời. Liên chịu là chồng có nhiều khả năng và kiến thức mới về văn nghệ. Liên sẵn sàng nhượng bộ và nói tôn chồng lên : « Tôi chịu các ông... » Nhưng dẫu sao khi đọc chuyện, Liên vẫn cứ mong cho các nhân vật bị

(1) Hồ Dzếnh (Hoa xuân đất Việt).

các chứng cảm mạo được chữa lành ngay trong tác phẩm trước trang chót thì vẫn yên tâm hơn.

Trong một gia đình mà vợ chồng có những ý tưởng vừa giống nhau, vừa khác nhau một cách lý thú như thế trên cả hai mặt y học và nghệ thuật thì cuộc sống không thể thiếu hạnh phúc. Thảo quên mất cái câu mà anh dùng để nhạo báng những người con gái ẻo lả «biến gia đình thành bệnh viện, mang theo không khí rầu rĩ v.v...» Không khí trong gia đình anh không sâu thẳm, mà cũng không hề tung bùng bao giờ. Nó cứ bình thường vậy thôi. Trong cái không khí bình thường một cách dai dẳng đó, qua sáu năm trời, tâm hồn mỗi người dần dà chậm rãi đổi thay, như trái cây từ từ già lẫn, chín lẫn, ngọt lẫn trong nắng ấm, như sự diễn biến âm thầm, tuần tự mà không ngừng của mọi sự vật trên đời.

Hồi còn trẻ hơn, Thảo biết mình có tài về nghệ thuật và vẫn chờ đợi cái tài đó phát hiện ra, chờ đợi nhiều khi tỏ ra khá nóng nảy, bần khoản. Anh đã từng liều lĩnh thực sự xông vào một vài hoạt động nghệ thuật, nhưng mà cái cách hoạt động nghệ thuật rất có điều độ và với sự say sưa rất có chừng mực của anh không đem đến ngay những thành tích to lớn. Rồi anh đi làm công chức từ hồi hai mươi tuổi. Anh tự bảo làm tạm như thế, vì cái công việc đều đặn đó hợp với các nguyên tắc bảo vệ sức khỏe. Cho đến bây giờ anh vẫn còn hãy làm tạm như thế và vẫn nhớ rằng mình đang chờ đợi sự phát hiện những khả năng văn nghệ của mình. Duy có điều sự chờ đợi đã mất tính cách nóng nảy.

Vợ anh rất biết rằng chồng có tính chất nghệ sĩ. Chẳng hạn đôi khi Thảo làm một việc khác thường — mặc áo tơi từ tế đi dạo một lát dưới trời mưa như hôm nay — và tuyên bố rằng phải ngông nghênh như thế mới hay hay, thì Liên vội kêu lên : « Thôi ! Tôi chịu các ông ! » hay là : « Nghệ sĩ vừa vừa chứ ! Tôi chịu các ông ! » Khi khác, anh bọc đi phố vài ba trăm bạc, lúc về tiêu hết veo, toàn mua những bưu ảnh, bản nhạc và sách báo. Liên sắp kêu là anh tiêu to, anh cãi rằng đối với nghệ thuật thì không thể tính toán, thế là Liên đòi ra câu nói : « Ôi chao ! Tôi chịu các ông nghệ sĩ ! ».

Đối với Liên thái độ và hoạt động của chồng có nghệ sĩ hay không, Liên không để ý. Chỉ khi nào một cử chỉ được giải thích là nghệ sĩ thì được Liên tỏ vẻ thần phục. Chỉ có danh từ ấy mới quan hệ chứ không phải cái hoạt động thực sự. Bởi vậy đối với vợ thì gần như Thảo có viết, có vẽ được gì đáng kể hay không được gì cũng như nhau, vì anh đã là nghệ sĩ rồi.

Nhưng mà đối với mình thì Thảo vẫn còn chờ đợi. Tuy rằng sau nhiều năm diễn biến sự đợi chờ đã dịu hết bần khoản.

Cử chỉ, ngôn ngữ, dáng điệu anh dần dần sau này cũng biểu lộ một bản tính mỗi ngày mỗi lưỡng lự, e ngại. Lời nói, dáng dấp anh có những ngập ngừng thăm dò như thận trọng khôn ngoan nhưng không phải chỗ. Anh có vẻ một người tò mò muốn hiểu biết tất cả mọi chuyện của người khác, nhưng mà rất muốn tránh một thái độ xông xáo đường đột, cho nên tiến thoái thường phân vân. Muốn hỏi ai điều gì anh lặp lại câu nói của người ấy, về e ngại.

Nếu trong đám bạn bè đang trò chuyện có người nói : Trong cuộc đua ngựa hôm qua ở sân vận động, ngựa ông Phước-Trường về nhất. » Anh liền lặp lại : « Ông Phước-Trường ? » và ngoảnh lên nhìn người này người khác, hơi há miệng ra, chờ đợi. Nếu không có ai trả lời cả, thường khi anh cũng lảng đi, để cho câu hỏi của mình bị xóa lửng đi như cái lông gà tình cờ bị một chân cầu thủ vướng phải hất tung lên giữa sân banh lộn xộn rồi rơi xuống lúc nào không ai chú ý đến. Cũng có khi anh ta hỏi lại : « Ông Phước-Trường hả ? Phước-Trường nào đó hè ? » Nếu người ta trả lời : « Ông Phước-Trường già ở Hải châu đó mà ! », tức thì anh vội vã : « À ! Vâng vâng ! », vẻ hớn hờ. Thường thường sau khi « vâng vâng » hớn hờ xong thì anh vẫn chưa biết gì về ông Phước-Trường, vẫn mơ hồ như trước.

Nếu có người kể : « Ăn mì thì đến cái quán chú Hải-Ký bên cạnh nhà in Nam-hưng đó là nhất. » Anh ta liền ngó lên mặt « Hải ? » rồi hé miệng ra chờ đợi. Được nghe trả lời : « Hải - ký, hai vợ chồng chú chệch già không có con mới dọn đến bên cạnh Nam-hưng đó mà. » Tức thì anh liền cười to : « À ! Vâng, vâng ! » như mừng rỡ và rất hài lòng. Nhưng một lát sau, khi chuyện sang một đề tài khác, có thể anh quay lại, lo lắng nhìn lên mặt người bạn hỏi : « Mì Hải-ký nó nhất về cái gì nhỉ ? » Nghe trả lời xong lần này hoặc anh ta cười to hơn, bỏ đi uống một tí nước, hoặc anh ta gật đầu đôi ba cái, nhắm mắt lại. Như thế rất có thể là một dấu hiệu thực sự hài lòng. Nhưng cũng không hẳn lần nào cũng chắc như vậy. Hoặc cũng có khi anh giải rõ ý kiến của người nói. Nghĩa là anh

diễn lại nguyên ý kiến của người ấy theo cách nói của anh, như dịch lại một bài học ngoại ngữ sang tiếng nước nhà để tự mình lặp lại cho dễ hiểu. Lúc gần kết thúc, anh nhắm mắt lại, đến chữ cuối cùng anh mở bừng mắt ra, cười xòa, đồng thời bàn tay mặt đang ngửa lên và chúm lại cũng bật xòe ra. Mắt anh nhìn xuống cái bàn tay xòe, sáng lên sung sướng như nhìn một phát minh bất ngờ. Nhưng nếu chúng ta cũng vội vã nhìn xuống để gặp một phát kiến mới thì chúng ta lầm to : bàn tay ấy lúc nào cũng sạch trơn, trắng, nước da khô bóng, một bàn tay xương xương, sưng sề, không có tí vết, vô vị hoàn toàn. Một bàn tay mà từ năm này qua năm kia chỉ có khác là bóng thêm lên thôi. Thế nhưng trông Thảo lúc đó ra vẻ một nhà ảo thuật vừa thành công với bàn tay tài tình, vừa làm biến mất một quả trứng chẳng hạn, và đang ngửa tay ra phân trần với khán giả.

Ấy, những điệu bộ tinh nết như thế, xét kỹ thì hồi mới lớn, hồi mười tám đôi mươi, Thảo không hề có. Chẳng biết nó thành tính nết từ lúc nào, theo một quá trình diễn biến như thế nào, có quan hệ thế nào đến nghề nghiệp và hoàn cảnh sinh hoạt của anh.

Ở trong gia đình, Thảo ít e ngại phân vân hơn. Thỉnh thoảng lại thích có thái độ quyết đoán, dứt khoát. Ngoại trừ những khi anh định nói đối vợ thì anh cần tắc như rón rén dò lần từng bước chân trong bóng tối. Sau mỗi câu nói, nếu sợ rằng Liên ngờ, anh vội tìm một câu nữa để nói thêm cho lấp. Đến lúc mà những câu « nói thêm » có vẻ nhiều quá, và lên nhìn thấy Liên biểu lộ rõ vẻ

nghe ngó trên nét mặt thì anh hoàn toàn lo hãi và thả lỏng như bỏ cuộc.

Thình thoảng Thảo cũng nghĩ lại về cuộc đời mình, kiểm điểm lại những đổi thay nhỏ nhặt trong đời sống và trong tâm hồn mình trên chín mươi năm nay. Anh buồn, thấy nó « chẳng đi đến đâu ». Thảo vẫn còn cái tin tưởng rằng mình phải có một cuộc đời khác thường, mình có nhiều năng khiếu đặc biệt và một tâm hồn khác hẳn mọi người, Thảo thấy rằng Liên cũng yên trí rõ ràng như thế. Thảo vẫn còn tham vọng, không thể tin rằng mình chịu được một đời sống « chẳng đi đến đâu ».

Nhất là từ hồi có vợ đến giờ anh càng thấy mình « chẳng làm được cái gì « xuất sắc » cả. Lâu lắm anh mới gặp một biến động làm anh chuệch choạng bước chệch ra ngoài lối sống hàng ngày, nhưng rồi đâu lại vào đó; như một người đang đi xe đạp bỗng lún vào đồng cát, bánh xe đảo đi đảo lại rồi vẫn gượng được. Gượng được phần nhiều vì anh kịp giật mình lo đến sức khỏe, không chịu để cho các say mê lôi cuốn đi quá xa. Nhưng khi đáng lẽ người khác chạy ùa theo những hành động rõ dạn thì anh nghĩ đến sức khỏe, hối hận và tiếc : « Bậy ! Bậy vô số ! »; những tiếng chếp miệng nhỏ nhỏ đó kịp gọi anh quay về như tiếng kèn thu quân.

Cách đây ba năm Thảo suýt làm một điều tồi bại. Nguyên là chỗ Thảo ngồi ở sở có thể trông thẳng qua một tư gia. Hàng rào xung quanh sở làm bằng những trụ xi-măng cốt sắt nhỏ, cách nhau thưa, cho nên không che khuất gì cả, và ngồi ở chỗ làm việc Thảo có thể trông thấy

tất cả ở vườn nhà bên cạnh. Mỗi buổi mai vào khoảng chín giờ, và mỗi buổi chiều vào khoảng bốn giờ anh đợi một người con gái ra làm việc ngoài vườn. Sáng thì cô ta giặt đồ, chiều thì ủi trên cái bàn nhỏ kê giữa trời. Người con gái ăn mặc giản dị, bao giờ cũng áo trắng quần đen, nhưng rất là sạch sẽ tinh khiết, và lúc nào cũng lạnh lặn tử tế. Thảo không cho đó là một người ở gái, mà chắc là một người em gái cùng họ với chủ nhà chẳng hạn. Và lại ngôi nhà đó không phải sang trọng gì : một ngôi nhà tranh, tủ, bàn, đồ trang trí không có cái gì có giá trị. Người con gái có mái tóc thực đen và thật dày, tốt, cuốn lên, kẹp bỏ che kín cổ. Hai môi đỏ phớt thật xinh lúc nào cũng hơi hé mở, nhân hậu, như không nở ngậm kín, tránh một vẻ nghiêm khắc. Hai con mắt ướt nhánh, có đuôi dài như lá râm.

Thảo đón nhìn nhiều lần nên cố nhiên rồi phải đến lúc bốn mắt gặp nhau. Người con gái quay đi, khiêm tốn, kín đáo và yên phận. Tuy vậy một thói quen không hò hẹn lâu ngày cũng làm cho hai bên thân mật nhau. Có lần, khi cô gái trông về phía bàn mình, Thảo có gan dơ một ngón tay trở lên ngay mặt lặc qua lặc lại làm một dấu hiệu vu vơ, nửa như giễu cợt gọi chú ý nửa chối lơ lửng. Cô gái quay mặt đi và cũng mỉm một nụ cười vu vơ, như thông cảm mà tránh mọi hứa hẹn.

Tuy « chẳng đi đến đâu » mà ngồi trước bàn làm việc, nhìn sang nhà bên cạnh, trông cô gái dưới những cái lá bàng lớn rớt quay trong gió nắng. Thảo

cảm thấy sung sướng, tràn ngập hạnh phúc, và trẻ lại rất nhiều.

Thảo rất muốn san sẻ cái vui ấy với một vài người bạn bè. Nhưng anh không dám thú rằng người mà mình yêu một cách thú vị lãng mạn như thế lại gần như một người ở gái. Anh nói úp mở, và bảo rằng cần phải « tuyệt đối bí mật », đề cho bạn bè hiểu rằng anh sợ tiết lộ đến tay vợ. Bạn bè cũng cho rằng anh là một « thằng cha bí mật » mà không tìm ra nguyên do.

Bỗng một bận anh đi công tác bốn ngày. Anh trở về sở thì người chủ bên cạnh đã dọn nhà đi rồi.

Về sau, một buổi tối, vào độ bảy giờ anh với Hồ lái chiếc Land Rover của sở đến nhà Thạch ở gần nhà thờ Gia-hội để rủ Thạch cùng đi dự tiệc rượu tiễn đưa người trưởng cơ quan dời đi Nha-trang. Thạch đi lễ chưa về. Hồ vào nhà ngồi nói chuyện với em Thạch trong lúc chờ đợi. Thảo ở lại trên xe, hai tay khoanh vòng lại, gác lên vành tay lái, ngồi nghĩ vẩn vơ trong bóng tối.

Bỗng từ phía xóm nhà tranh ở sau lưng nhà của Thạch, có một người con gái tiến ra. Khi cô ta đến cách xe năm thước, Thảo thấy cô ta mặc áo cụt trắng ngắn, vẻ người còn nhỏ, không phải là một thiếu phụ nghiêm chỉnh, nên anh tình nghịch bật đèn lên. Bị ánh sáng đèn pha chói thình lình vào mặt, cô gái che tay lên mặt, cúi đầu xuống cười, có vẻ lảng lơ. Thảo giật mình : đó là cô con gái ở nhà bên cạnh sở anh làm. Thảo tắt đèn, thò đầu ra ngoài xe, gọi khẽ : « Cô ! Xin lỗi nhé ! » Cô gái nhìn lên, nhận ra Thảo, đứng lại, vừa thẹn vừa có vẻ vui mừng. Thảo hỏi :

— Gia-đình cô dọn về ở bên xóm này ?

Người con gái « dạ », đầu cúi xuống. Thảo nói :

— Vậy mà ba tháng nay cứ tưởng không còn ở Huế nữa!

Giọng nói thú nhận sự mừng rỡ một cách thân mật. Người con gái cười, vẫn đứng cúi đầu, đặt một bàn tay lên vành chắn bùn của xe.

Thảo mở cửa xe, sắp bước xuống thì thấy từ phía cổng nhà thờ người đi lễ kéo ra về. Anh rút lại, nói thực thà với cô ta rằng có người bạn sắp đến gặp, và tự nhiên thêm :

— Độ mười giờ tôi trở lại đây... Đúng mười giờ.

Người con gái ngược lên, cười thay lời chào, rồi bước đi. Anh vội vã nói thêm :

— Cô nhé !

Người con gái « dạ », và lại cười.

Xong tiệc, Thảo đi bộ một mình trở lại chỗ ấy. Quá mười giờ, không thấy người con gái đến. Càng chờ anh càng thấy nóng ruột. Chưa bao giờ anh thiết tha, khắc khoải đến thế. Tự nhiên mà cuộc gặp gỡ đối với anh mỗi lúc mỗi thêm quan trọng. Anh lần tránh trong bóng tối, đi qua đi lại, lo sợ gặp phải người quen. Quá mười một giờ đêm rồi. Thình thoảng anh phải núp sau một thân cây bên đường trốn một người đi xe đạp ngược lại, hồi hộp sợ hãi. Anh rình rập thăm dò từng ánh đèn trong xóm nhà lao động, về phía mà người con gái đã đi ra. Vừa rồi anh đã quên hỏi rõ ràng nhà cô ở đâu, và quên hỏi cả tên cô ta ! Có lúc anh đánh bạo mon men đi len lách vào xóm nhà ấy, đi sát hè từng nhà, lén nhìn qua cửa sổ, mong

bắt gặp bóng dáng cô ta. Anh có cảm tưởng mình cơ cực, khờ sở tàn tệ. Gần mười hai giờ anh vẫn chưa quay về được. Càng khuya anh càng như điên như cuồng, như người thất lạc, hoảng hốt, cần phải tìm cho gặp người con gái ấy như phải đuổi theo ví lấy một lẽ sống mong manh, đuổi theo đến hạt hơi. Có lúc anh tự thấy như một kẻ bại trận bị đuổi đến chỗ cùng đường, đứng trước bãi lầy hoang vắng mệnh mông mà y sẽ phải sa xuống để chết. Anh thấy lồng ngực như rỗng không hoàn toàn. Anh nuốt nước bọt, cổ họng khô ráo.

Anh gọi lại từng câu nói và cử chỉ của cô gái vừa rồi, cân nhắc, suy nghĩ lại. Anh nói « cô nhé » như thế, thì hẳn người con gái hiểu là hẹn hò chứ. Thái độ cô ta như thế tỏ ra là cô ta hiểu chứ. Nhưng mà tiếng « dạ » của cô ta sao nửa như dễ dãi, ưng thuận, nửa như giấu cợt, coi thường. Thảo lắng nghe lại âm thanh tiếng « dạ » ấy trong tưởng tượng để nhận định lại. Nhưng vẫn cứ khó hiểu. Người con gái ấy mấy lần đều chỉ đáp có một tiếng « dạ » thì rất có thể đó là một lối trả lời miễn cưỡng không ngụ một nghĩa gì cả.

Mười hai giờ rưỡi rồi. Nếu Thạch hay người nhà của Thạch tình cờ bước ra gặp anh lúc này thì thế nào ? Nếu Liên chạy đi tìm mà gặp anh thơ thẩn ở đây thì anh sẽ trả lời ra sao ? Chắc chắn là lúc này cả nhà anh đang xao xác đi tìm anh. Thật là một tình thế nguy nan. Nhưng anh không thể nào quay về được. Ruột gan anh như thiếu như đốt. Đèn các nhà lần lượt tắt hết. Chỉ còn một đôi nhà đèn mờ mờ. Anh bước lên

hè từng nhà, rón rén đến bên cửa, áp tai nghe. Anh ghé mắt qua khe cửa, nhìn theo một lá màn phất nhẹ, và giật mình lo sợ, hay thỉnh linh hy vọng. Anh sẽ lén lòn tay vào cửa lá sách kéo mở thử rồi đẩy khép lại, vội vàng bỏ đi.

Cảnh sát có xét hỏi anh bất ngờ. Bạn bè có thể bắt gặp. Vợ anh có thể la lối ồn ào vì ghen. Anh sẽ điên đầu xấu hổ chết trân lên. Anh mừng tượng thấy cả những chuyện ấy, nhưng anh không sao bỏ về được. Rất có thể sao khi anh vừa quay về thì người con gái ấy chạy ra tìm ! Như thế thì thực... chết ! Anh điên dại, cuống cuồng, đau đớn. Anh có cảm tưởng nếu mà lúc này anh bắt gặp người con gái ấy bất cứ ở đâu : hoặc đang chạy ra với anh, hoặc ở trong nhà, đang làm việc, đang ngủ trong buồng... anh cũng có gan liều đến van lơn tha thiết, và nếu người con gái không thuận tình thì anh sẽ bóp cổ đến chết ngay. Anh thấy trước mắt hàm răng trắng giữa hai môi hé mở của cô ta, anh thấy dáng ngồi, và lưng và tóc của cô ta... anh vẫn lần mò bước đi, rình rập quanh các hè trong xóm nhà lao động, như một bóng gian phi, thỉnh thoảng chân khua một chiếc lá, vấp phải một hòn đá, giật mình lo sợ.

Anh vừa trở ra đến đường cái lớn, dừng lại một lát nấp dưới bóng cây bàng, mắt liếc ngó về phía nhà Thạch canh chừng e ngại. Anh thấy ngựa trên đầu, đưa một bàn tay lên gãi. Chợt trong đêm khuya vắng vẻ anh đề ý tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ đeo tay. Thiệt là kỳ dị : cái tiếng kêu tích tắc nhỏ nhỏ ấy đột nhiên nhắc một cuộc sống thân mật ấm cúng, nhắc anh những hình ảnh chăn nệm, gối mềm, êm ấm. Anh bàng hoàng, đưa tay ra xem đồng hồ thấy đã một giờ kém mười phút. Anh nhớ

ra rằng ngót ba tiếng đồng hồ anh chưa hút một điếu thuốc nào. Anh cho tay vào túi quần rút bao thuốc, đưa một điếu lên môi. Lúc đánh que diêm châm thuốc, anh ngạc nhiên thấy tay mình run lẩy bẩy. Ô hay, xúc động gì mà đến nỗi thế? Anh hít một hơi khói thuốc, dựa vào gốc cây bàng, ngửa mặt lên cho bình tĩnh. Thì thành linh anh nghe khắp thân thể rã rời, ruột anh như hóp lại, mềm nhũn, chân anh run run muốn khụy, cả người chực đổ xuống.

Thảo kinh hoàng, vội vã chồm tới, hóp tốp đi như chạy về nhà.

Trưa hôm sau, ở sở ra, anh đạp xe qua trước nhà Thạch trước khi về. Buổi chiều anh cũng đi một vòng như thế. Về nhà ăn cơm xong anh nói với Liên là đi đánh cờ tướng, rồi lại đi ngang trước nhà Thạch. Vẫn không thấy người con gái ở đâu.

Hai hôm sau trời mưa, anh nghĩ đến những cực nhọc lầy lội trên các con đường hẻm ở xóm nhà tranh bên ấy, rùng mình chán ngán. Rồi anh nghĩ lại những rồ dại vừa qua, thấy nó hoàn toàn xa lạ hẳn, như không dính líu gì đến mình nữa. Anh lầm bầm hồi hận: « Bậy! Bậy vô số! »

Một biến cố như thế thực là to lớn và hân hựu trong đời, và tổn hại rất nhiều sức khỏe của anh, nên khiến anh ghi nhớ mãi mãi.

Ba năm trước như đã xa lắm rồi và thuộc về một thời kỳ khác. Lần này đối với Hạnh, Thảo có thái độ yêu đương chính chắn và tình táo hơn nhiều.



Thảo chào xong, bước ra đến giữa sân thì Hạnh đã quay vào nhà. Nhưng

khi anh ra khỏi cổng, vừa đi vừa ngoảnh đầu nhìn qua hàng rào thì thấy Hạnh lại ra hè, tay bưng một tách nước, đặt nước xuống sân, rồi dừng lại một lát, ngẩng đầu lên trông theo anh, nhoẻn miệng cười. Anh sung sướng, tự nhiên tay mặt siết chặt cái phanh xe đạp làm cho chiếc xe đang dật đi thành linh đứng lại. Anh chợt nhớ dặt xe đi giữa đường lớn như thế này là ngớ ngẩn. Anh choàng chân qua xe, ngồi lên yên. Trong khi cúi đầu ngó xuống tìm chiếc bàn đạp đặt cái chân phải, anh nhớ cặp mắt long lanh sáng ngời tình tứ của Hạnh nhìn mình. Nếu không có bà cô của Hạnh ngồi trong nhà thì chắc là Hạnh đã chào và tiễn anh về cách khác. Nhưng có lẽ được như vậy chưa chắc anh đã sung sướng thế này, vì trong cách làm ra thân nhiên và trong những ý tứ kín đáo của Hạnh, Thảo lại thấy tình tứ hơn.

Thảo hân hoan đạp xe đi, có cảm tưởng rằng một giờ ở nhà Hạnh vừa rồi thực là một giờ đáng sống, anh rất bằng lòng về mình. Người anh nhẹ phôi phôi. Anh gọi lại một cử chỉ, một câu nói nào đó của anh hay của Hạnh vừa rồi để suy diễn thêm, như một con bò nằm ợ cỏ lên miệng để nhai lại. Anh cho rằng trong lúc ngồi trước Hạnh anh vội vàng hấp tấp quá, không thưởng thức hết ý nghĩa mỗi câu nói của Hạnh, không sống đầy đủ những cảm xúc dồn dập đến rồi lướt qua, không đuổi đến nơi đến chốn những ý nghĩa loáng thoáng qua óc mình, thậm chí Thảo đã có những ý muốn mà chính mình trong lúc ấy không tự biết đích xác là muốn gì. Bây giờ Thảo sống lại một lần nữa những cảm xúc vừa rồi, sống kỹ lưỡng.

Thảo nhớ rằng có một lúc Hạnh nói :
 — Em vừa mới đi mua vải, về đến nhà trước anh một lát.

Thảo chưa kịp nói gì thì Hạnh nhìn về phía bà cô, tiếp :

— Em với cô Năm, mới đi về vừa cời áo dài còn vút đó, chưa kịp cất !

Thảo nhìn theo mắt Hạnh, thấy cái áo màu xanh, có những hoa nhỏ xanh đậm hơn, vắt ngang trên một lưng ghế. Thảo chỉ ngó ngang qua, rồi trông về phía bà cô đón nghe một câu nói. Lúc đó anh không rõ trong tâm trạng anh có gì. Nhưng bây giờ, lúc ngồi trên yên xe đạp đi về, anh thấy là mình đã quay mặt đi quá vội vàng, rất lâu về sau anh còn mơ hồ luyến tiếc. Anh thấy mình lúc nhìn đến cái áo tự nhiên nôn nao, thương cái áo lạ lùng, đến nỗi quên cả Hạnh ở bên. Nếu lúc ấy mà anh biết rõ ý muốn của mình thì anh đã không quay mặt đi : anh muốn sờ lên cái nách áo dài của Hạnh vắt trên lưng ghế ! Anh tự hỏi : « Tại sao lại cái nách áo ? » Một lúc sau anh mỉm cười. Những đường nhăn ở nách áo nhắc đến cánh tay của Hạnh ; nó là

những dấu vết của thân thể. Thảo nào anh bưng thương cái áo một cách nôn nao.

Một cảm tình da diết như thế sao lúc đó lại có thể vừa làm anh nôn nao mà lại vừa thoáng qua nhanh chóng đến nỗi anh không để ý được nhỉ ?

Thảo ngược nhìn lên vườn cau bên đường, như hy vọng tìm được câu giải đáp từ phía ấy. Bỗng anh giật mình : bánh xe sau hình như mềm lắm rồi. Anh cúi đầu xuống nhìn : quả thực, xẹp lổp. Anh dừng xe, lại thấy một điều phiền phức nữa : quên đem ống bơm theo. Anh nhìn trước nhìn sau, không có cái xe đạp nào đi ngang qua. Bất giác anh lại đưa tay bóp thử bánh xe một lần nữa : không thể tiếp tục đi được.

Nhìn đồng hồ tay : gần năm giờ chiều. Anh thở ra, dựng xe bên đường, đứng chờ

đợi. Anh nhớ tới những bậc dọc khác : bận đi anh đã phải đạp suốt tiếng đồng hồ, không đi được ô-tô-buýt đoạn nào cả. Gặp hai chiếc ô-tô-buýt thì cả hai đều chật, chỉ mất công ngoảnh mặt và gục đầu xuống, sợ người quen trên xe trông thấy. Lướt về cũng chẳng gặp



xe cho đỡ nhọc, lại còn bị hỏng lốp xe, rồi quên đem bơm. Có bao giờ anh quên như thế đâu. Lạ thực, buổi chiều nay gặp toàn những chuyện không may. Ừ, đến nhà Hạnh thì lại gặp ngay bà cô ngồi trong nhà giám thị cuộc chuyện trò suốt giờ !

Cái hân hoan khoan khoái vừa rồi lẫn lẩn tiêu tán, Thảo cảm thấy bức tức, giận dữ. Trời về phía tây lại mù nữa rồi. Một lát sau thì cả dãy núi phía đó đều xóa mất trong làn mưa. Thảo lo lắng bối rối. Luồng gió vừa thổi đến lạnh buốt khó chịu, tuy không cuốn theo giọt mưa nhỏ nào nhưng nghe phát một mùi nước. Thảo mở áo mưa ra mặc vào, cài nút cổ cẩn thận. Bây giờ anh mới thấy lạnh rõ ràng ở hai tay và ở mặt. Anh xoa bàn tay lên mặt, chạm vào cái chót mũi lạnh ngắt. Anh vội vàng rút khăn lau và xát mạnh lên má, lên mặt, rồi lấy dầu ra xoa lên cổ, lên thái dương, quẹt lên mũi, bịt một lỗ mũi lại đưa ve dầu lên trước lỗ mũi kia hít từ từ một hơi dài, rồi đổi qua bên này, hít từ từ một hơi nữa, mắt nheo nheo lại khoan khoái.

Mưa đã kéo tới. Thảo lại nhìn trước nhìn sau như cầu cứu, rồi đành thu mình đứng chịu. Nước mưa tạt vào ống quần, ướt tấp, và chảy len lẩn vào trong giày. Thảo cảm thấy mình khốn đốn khổ sở vô cùng. Tâm trí anh lúc này toàn bối rối, lo hãi, giận dữ và hối hận. Anh thấy cảnh ngộ của mình lúc này thực là vô lý, đại đột.

Cuối cùng anh dắt xe chạy băng qua khu vườn cau rộng, vào núp trong cái nhà ngói gần bên đường. Tình cờ anh lại

mượn ngay cái bơm của chủ nhà đề bơm xe đạp.

Trời vừa tạnh mưa, anh xoa dầu một lần nữa, và lên xe đi. Ngồi trên yên xe anh muốn lại quay về với những chi tiết lý thú trong một giờ ở nhà Hạnh, nhưng mà anh không « nhai lại » những cái ấy được nữa. Anh nghĩ đến những điều bịa ra để nói dối Liên tối nay, những bối rối lo lắng của anh chốc nữa đây lúc gặp Liên, anh nghĩ đến những câu đối đáp không hứng thú với cậu Năm, em của Liên, để gây một cảnh đầm ấm giả tạo trong gia đình, đến những giải trí lạt lẽo của một tối chủ nhật, và ngày mai lại bắt đầu một tuần làm việc.

Anh đã tự nhủ bao nhiêu lần rằng anh không phải sinh ra để làm công chức. Cuộc sống của anh phải khác. Anh không phải là một người tầm thường. Liên với anh đều đồng ý và định ninh rằng rồi anh sẽ phải có những hoạt động thích hợp với khả năng đặc biệt và chí hướng riêng của anh, rằng cuộc đời công chức chỉ là tạm mà thôi. Mỗi lần nghĩ đến, anh thấy nếu cứ thế này mãi đến già thì vô lý quá : từ nhỏ đến giờ anh chưa bao giờ chịu đựng được ý nghĩ như thế...

Anh đang nghĩ ngợi, lơ đãng đề xe đâm vào một vũng nước lầy giữa khoảng đường lổ. Nước bắn lên ống quần và vạt áo tơi xe đứng lại. Anh luống cuống bỏ chân dẫm phải chỗ nước bắn làm lem lấm cả giày. Nếu đề áo quần và giày như thế về đến nhà thế nào Liên cũng nghi ngờ : Thảo đi dạo trong thành phố thì làm gì có bùn, có đường sá lầy lội đến bậc ấy ? Anh dắt xe ghé

vào một nhà bên đường, xin nước để gọt các chỗ dơ.

Nhà chỉ có ba đứa trẻ con chơi trước hè, chúng chỉ Thảo đi ra giếng xách nước. Trong khi Thảo lấy bầy xối nước gọt, lũ trẻ đứng trên hè nhìn xuống. Anh lại thấy dồn về những uất hận, hối tiếc, lại có cảm tưởng mình đang khờ sở tàn tệ một cách vô lý, đại dột. Ông quần gọt xong, ướt mềm, dính vào ống chân anh làm cho bước đi thật khó chịu và truyền hơi lạnh vào người. Thảo lắc đầu, khờ sở : « Bậy ! Bậy vô số ! »

Lên xe đi được một lát. Trong lòng nguôi bớt những bức dọc, Thảo lại nghĩ rằng lần này anh thốt ra tiếng « Bậy vô số » hơi sớm hơn các lần trước. Giữa anh và Hạnh « chưa đi đến đâu », mà đã nghe báo hiệu tiếng kèn thu quân. Sao vậy ? Càng ngày anh càng chóng mệt mỏi sao ? Hay là vì Hạnh thiếu hấp dẫn ?

Anh tự hỏi : kỳ thực tại sao anh tìm đến Hạnh ? Có phải là một tình yêu sét đánh lôi cuốn ? — Không. Lần trước, với cô con gái cạnh nhà Thạch thì thực là anh mù quáng. Lần này, anh không bị lôi cuốn. Anh tỉnh táo, suy tính và quyết định tìm tới Hạnh.

Anh muốn tìm gì ở Hạnh ? Thú vui xác thịt ? Cũng không hẳn thế đâu. Anh không tha thiết về thú xác thịt đến thế. Anh chưa có lần nào mưu toan trong trí dụ dẫn Hạnh đến chỗ ấy. Chưa có lần nào khuất mặt Hạnh mà anh mơ ước thân thể Hạnh, thêm muốn Hạnh.

Không. Lần này không phải anh bị tình yêu lôi cuốn, anh không bị xác thịt

hấp dẫn gì cả. Anh mở mắt tiến lần tới Hạnh, tỉnh táo. Lần này anh có ý « gây chuyện ». Đúng rồi : anh đã tự khích lệ mình nên « ra tay » ? Thảo chợt đau xót. Anh thấy rõ ràng quá : đó là một cách tìm cách thoát ly nhịp sống đều đặn bình thường. Anh đã cố lần mò tìm đến những xôn xao, cố gây một chút sóng gió. Tìm đến Hạnh ; cố sống một tình yêu, anh đã ráng sức làm một việc khác thường, tạo ra một sự kiện có thể gọi tên được, giữa những ngày đều đều không tên không tuổi trong cuộc đời của mình. Chao ôi là một lối thoát phi thường ! Thế mà chưa « đi đến đâu » thì anh đã lắc đầu bất lực : « Bậy ! Mất sức khỏe ! »

Thảo đã về đến Đập đá. Lốp xe lại xẹp. Bơm xe xong, đạp trên con đường dầu êm ái, chắc chắn là sắp về đến nhà vô sự trước khi trời tối hẳn, anh hết cái cảm tưởng chơi vơi lo sợ, và nhất định gạt những ý tưởng vừa rồi, cố gợi hình dáng của Hạnh để sung sướng xúc động thêm trên một đoạn đường nữa. Nhưng tự nhiên bây giờ anh bình thản nguôi lạnh. Anh thấy rõ mỗi tình ấy sẽ chẳng có tương lai gì, anh thấy rõ mình sẽ lảng dần, xa dần Hạnh ra sao, anh thấy rõ những ngai ngừng lưỡng lự, nhút nhát của anh sau này mỗi lần nhớ đến Hạnh và nhớ đến những cơn mưa, đến quãng đường dài, đến cảnh xe xẹp lốp, đường bùn lầy... Anh có cảm tưởng như mình đang thản nhiên ngắm được lòng mình, tất cả mọi khía cạnh uẩn khúc của lòng mình phơi bày ra trước mắt như tờ sách, anh ngắm một cách thản nhiên và hơi khinh bỉ. Mà không những chỉ nhìn thấy tâm

trạng mình, Thảo như còn đang trông thấy bao quát được của cuộc đời mình, từ những chi tiết vô nghĩa như những món thuốc ngựa cảm mà anh sẽ đòi uống đêm nay, sự sẵn sốc chộn rộn của Liên xung quanh anh đêm nay, cho đến cảnh sống bao nhiêu năm đã trôi qua, và bao nhiêu năm sắp đến. Anh trông thấy tất cả như thế, vẫn thản nhiên và hơi khinh bỉ như là chứng kiến cuộc đời của ai đâu xa lạ, và trong trí anh cũng nghĩ rằng đáng lẽ đó không phải là cuộc đời của anh.

Cứ thế, trong lúc anh vừa đạp xe đi trên đường dầu êm, thì mắt anh như nhìn xuống cuộc đời thiếu say mê của mình, như ánh nắng hanh hanh một ngày thu soi xuống những hoạt động buồn tẻ của một thành phố nhỏ, một thứ ánh nắng hững hờ, không gay gắt không buồn thảm, chiếu soi rõ từ cái dầu xe lăn trên đường, đến cái bóng lưới cá in xuống mặt sông, đến những vết bùn quánh trên bánh xe xích lô, và

đến khóm răng vàng bị hỏng của người đi già cười trong tiệm nước...

Đèn đường vừa bật sáng. Cùng một lúc Thảo giật mình lo lắng vì mới ho liên tiếp hai ba tiếng. Thế này thì thực là khốn khổ. Cảm lạnh thực rồi. Anh bối rối sợ hãi, khắc khoải mong cho mau được thấy lại mái nhà và mau gặp Liên...

11-1958

VÕ - PHIẾN

CÁO LỖI

Vì nhiều bài cần đăng trước trong số Tết này cho khỏi mất thời gian in, nên Bách - Khoa phải tạm gác lại một kỳ các bài : Thú chơi sách — Hồn Trung-hoa và Ki-tô giáo — Hùng-vương hay Lạc-vương — Bình luận các nhân vật đời Tam-quốc — Tiếng địa phương — Từ điển y ngữ — Khói lửa kinh thành.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc thân mến.
B. K.

- ★ Người ta thành công là do bởi đã biết trì trọng và nhẫn nại trong khi thực hành, nhiều hơn là bởi đã khôn ngoan nghĩ ra được một công việc hay.
- ★ Đức dũng là đức đặc thù của người thanh niên. Song người có đức dũng không phải là người có những cảm hứng mạnh mà là người không chịu để cho những cảm hứng mạnh làm mất quân bình trong trí não đi.
- ★ Bất luận làm việc gì ở đời, ta cũng nên làm cho thật kiên quyết. (Lyautey)

câu đối xuân - câu đối xuân - câu đối xuân - câu đối xuân - câu đối xuân

Dán phòng ô. Chủ nhiệm báo BÁCH-KHOA

*Nghị luận, Văn chương Trăm vẻ đẹp
Kinh luân Chính trị lâm Khoa hay*

Tặng Ông Hoàng-Minh-Tuynh

*Dân Chủ vờ ? Dân Chủ thật ?
— Dân Chủ đeo gông : Dân Chủ phượng !
Tự Do đúng ? Tự Do sai ?
— Tự Do ép rập : Tự Do suông !*

Tặng Ngu-Í Nguyễn-Hưu-Ngư

*Nước chẳng quên nguồn, Giỗ Tết tiền nhân Ngu-Í
nhắc
Chim còn nhớ tổ, Khói Hương hậu thế Cụ Từ lo*

Tặng Ông Vi-Huyền-Đắc

*Tiệc người xưa : trọn vẹn câu Tòng, Khói Lửa
chẳng thương người bạc mệnh
Đau truyện mới : thờ ơ chữ Đắc, Kinh Thành
thêm ngàn bụi phồn hoa.*

Tặng Ô. Nguyễn-Thiệu-Lâu

*Mấy nét đơn sơ, rạng rỡ nghìn thu trang Sử Việt
Đôi lời mộc mạc, ny linh muôn thuở cảnh Trời Nam*

Tặng Kiều-Yiêu

*Dịch giả họ cùng Ma ? Tình giấc Liêu Trai còn
chiếc cùn.
Kiều « Yiêu » thán với « Quỷ » ? Tàn hồi
Kinh dị sót cảnh hoa.*

Dán nhà... Thơ

*Nhà nát khách không ra, bạc hiếm tiền khan nên
« trốn » Tết.
Thơ suông đời chẳng thích, rượu ỏi trà nhạt phải
« lơ » Xuân.*

Riêng tặng Tiểu-Dân

*Tối Ba mươi, pháo nổ vang Trời, thi sĩ trùm
chân « Nghe » Tết đến
Sáng Mừng một, người qua rộn phố, nhà thơ mở
cửa « Ngắm » xuân về*

BÁCH-NGƯU-LANG XUÂN-HIỆN

Mấy cảnh xuân

Người ta bán ngược với buồn xuôi
Mỗi độ Xuân về nghĩ sả hơi
Số sách tính qua xem lỗ lãi
Ông bà khoái trá liếc nhau cười.



Bạc lăm, tiền nhiều : đẩy mới Xuân !...
Cúc vàng mai thắm xếp đầy sân...
Hột soàn, cà rá : Xuân Thơm Ngát
Bà đẹp như tiền giáng cõi trần.



« Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà » (1)
Thấy Xuân lăm bác giật mình la
Củi không, mấm cạn : Xuân Ngơ Ngác
Ký khổ, lương còm, dạ xót xa.



Hăm chín, ba mươi nước tới chân,
Xoay tiền, « anh ký » chạy bong gân
Lắm anh câu tiết nhìn thiên hạ :
Túi rỗng thành ra... ghét cái Xuân



Lắm cặp chàng nàng vẫn nhờn nhờn
Mặc cho bố mẹ loạn đầu lo
Mơ màng em bảo : « Xuân Đôi Lúa !... »
Đến lúc tàn Xuân bụng... đã to.



Còn Xuân ký giả NGỌT hay CHUA ?
Nợ tết năm nay chạy có phờ ?
Quan bác mừng Xuân hay sợ Tết
Thấy nàng Xuân đến vội... phe lờ ?



Hỡi ôi, Tết Tết với Xuân Xuân
Xuân nặng hầu bao hay túi trần
Mỗi độ Xuân về lần cắt bút
Đôi lời cảm khái gửi xa gần :

Muôn sắc muôn hương lại lăm trò
Kẻ thì hí hửng, kẻ buồn so
Say xuân trai tráng hung hăng lượn...
Sợ pháo Ông già húng hắng ho...
Xuân vút lầu cao : XUÂN trắng muốt
Tết chìm ngõ hẹp : TẾT đen thô
Gặp Xuân nâng chén mừng Xuân đã
Chưa đủ trăm xuân chớ vội lo...

BẠCH-NGƯU-LANG XUÂN-HIỂN

(1) Thơ Tú-Xương.

TRƯƠNG HỒNG-TIỆM



KIỀU-YIÊU dịch

*Người đọc thơ ơ có hiền dâu
Mỗi hàng mỗi chữ mấy công phu
Làm sao truyền lại dùng phai nhạt
Bút pháp hồn nhiên của họ Bồ*

*Không thích hình dung từ bất động
Tuyệt nhiên cũng chẳng tả đông dài
Biết gảy thú vị trong vài chữ
Ngoài họ Bồ ra dễ mấy ai.*

K. Y.

TRƯƠNG - HỒNG - TIỆM, người huyện Vĩnh-bình (thuộc tỉnh Trục-lệ, nay gọi là Hà-Bắc) mười tám tuổi, mà đã là một danh sĩ trong quận.

Thuở ấy trường quan huyện Lô-long (thuộc tỉnh Hà-bắc), họ Triệu, là một kẻ tham bạo, nhân dân đều oán ghét. Có anh học trò họ Phạm bị đánh đòn mà chết. Các đồng học căm phẫn về nỗi oan ức của y, định kêu lên tới bộ viện, mong được người có ngọn bút sắc bén là Trương sẵn lòng đứng tên trong đơn,

bèn mời chàng tiếp tay. Trương hứa chịu.

Vợ chàng họ Phương, vừa đẹp vừa hiền, nghe được mưu ấy, can rằng : « Thân danh tú tài, muốn làm việc lớn, nếu biết sẽ cùng thắng, thì nên, chớ nếu chắc sẽ cùng bại, thì xin đừng. Thắng thì người người sẽ tham giành sự thành công trời cho ấy về phần mình, mà một khi bại, thì sẽ lộn xộn rã rời như trúc tan ngói vỡ, không tài nào kết hợp được. Nay ta ở một thế giới chỉ trọng « thể lực, cong queo với ngay thẳng, khó bề phân định ; chàng lại cô lập, như rui

có gì lật lọng thất bại, xin hỏi ai sẽ còn với chàng trong cơn hoạn nạn ? »

Trương phục là nói phải, đâm hối sự lỡ lời, bèn dịu dàng tạ lỗi với các đồng học, chỉ bằng lòng giùm thảo lá đơn mà thôi.

Điều tra qua một bận, thấy chẳng có gì bắt bẻ được, huyện trưởng họ Triệu bèn đem nhiều vàng dứt lốt quan lớn. Mấy anh học trò, xét ra có tội kết bè kết đảng, đều bị bắt. Rồi lại truy nã người viết đơn.

Trương sợ, liền đi lánh mặt. Đến ranh huyện Phụng-tường (thuộc tỉnh Thiểm-tây), tiền nông sạch nhẵn. Lúc chạng vạng, đương trù trừ giữa đồng quê quanh vắng, không biết nghỉ đêm nơi nào, thì chợt thấy xóm nhỏ, vội vàng men lại. Một bà lão vừa bước ra định khép cửa, sực thấy, bèn hỏi chàng muốn gì. Chàng đem tình thật mà thưa.

Bà lão nói : « Cơm nước giường chõng, đó chỉ là những cái vật. Chỉ hiềm nhà không có đàn ông con trai, chẳng tiện lưu khách ». Trương nói : « Tôi cũng không dám mong ước điều gì thái quá, miễn được bà cho kí ngụ trong nhà để tránh khỏi rừng hùm hàm sói là đủ rồi. »

Bà lão bèn bảo vào, đóng cửa lại, đưa cho chiếc chiếu lác mà dặn rằng : « Già này thương khách lỡ đường, tự ý lên cho ngủ nhờ. Lúc trời chưa sáng, nên dậy đi sớm, kẻo cô chủ nhà hay được, chắc chắn sẽ hài tội tôi đó. »

Bà lão lui gót, Trương tựa vách làm như thiu thiu ngủ. Bỗng có ánh đèn lồng lóe sáng, thấy bà lão dắt một nữ lang đi ra. Trương vội vàng chạy lánh mặt chỗ

tối. Trộm nhìn theo, nhận ra là giai nhân độ hai mươi tuổi. Khi đến cửa, nom thấy chiếc chiếu lác, cật vấn bà lão. Bà lão thưa thật sự do, thì ả giận mà rằng : « Nội nhà, toàn là đàn bà yếu đuối, có sao lại chứa chấp người không đành hoàng ? »

Liền hỏi xem người ấy tính đi đâu. Trương sợ, bước ra sụp quỳ xuống thềm. ả tò mò hỏi thuộc về bang nào, tộc nào ; Sắc mặt có phần bớt giận, dịu giọng nói : « Cũng may là kẻ sĩ phong nhã, cho ngủ đậu không hại gì. Nhưng sao u già lại chẳng cho hay. Sợ sài quá như thế này, đâu phải là cách xứng đáng để tiếp đãi người quân tử. »

Khiến u già dẫn khách vào nhà. Một lát sau dọn rượu, thức ăn thơm tất. Xong rồi, trái thắm găm lên giường. Trương rất cảm kích, bèn gạn hỏi riêng cho biết dòng họ. U già nói : « Nhà này họ Thi. Ông nội, và bà nội đều tạ thế, chỉ để lại ba gái. Người cậu mới thấy đó, là cô cả, tên Thuấn-Hoa. »

U già đi khỏi, Trương dòm trên ghế thấy quyền Nam-hoa kinh chú, bèn cầm đặt lên gối, nằm sắp trên giường đỡ xem. Bỗng Thuấn-hoa đẩy cửa bước vào. Trương buông sách, lật đặt tìm mũ, tìm giày.

Ả đến bên giường vỗ vai chàng mà rằng : « Khỏi cần, khỏi cần. » Rồi xích lại gần ngồi xuống giường, bèn lên nói : « Thiếp xét chàng là bậc tài tử phong lưu, những muốn đem dòng họ nương dựa vào chàng, nhưng sợ e bị hiềm nghi như người qua ruộng dưa mà xỏ lại giày, đi ngang cây lí mà sửa lại mũ. Liệu về sau khỏi bị ruộng rẫy hay không. »

Trương hoang mang chẳng biết đối đáp thế nào, chỉ nói : « Quả chẳng dám dối nhau : tại nhà đã có vợ rồi. »
 À cười rằng : « Nội câu ấy cũng đủ thấy chàng trung thật. Xét kĩ lại, cũng chẳng hại gì. Nếu không chê, thì mai đây sẽ cạy người mai mối. »

Dứt lời muốn đi, Trương rướn mình kéo lại. À cũng bằng lòng ở lại. Trời chưa sáng đã dậy, lấy vàng tặng Trương mà rằng : « Xin chàng cầm lấy cái này, gọi là chút của đề ngao du. Chiều hôm trở về đây, mà muợn một chút, kéo hai bên hàng xóm trông thấy. »

Trương làm y lời, hừng sáng ra đi, tối mịt trở về. Lệ thường như thế được nửa năm. Một hôm về hơi sớm, đến chỗ ấy, tuyệt không có làng xóm gì cả, hăi hùng khôn kể xiết. Còn đương trù trù, bỗng nghe bà lão nói : « Lại sao sớm quá vậy ? » Rồi đưa mắt nhìn quanh, thấy nhà cửa đông đảo như cũ. Mà chính mình thì đã lọt vào phòng, lại càng kinh dị.

Thuấn-Hoa từ bên trong bước ra, cười rằng : « Chàng đem dạ ngờ thiệp phải không ? Xin thú thật cùng chàng : thiệp là hồ tiên, cùng chàng vốn có mối túc duyên. Còn như đã biết sự thật, cho là quái gở, thì xin biệt nhau ngay bây giờ. » Trương mê luyến sắc đẹp, thấy cũng yên lòng.

Đêm đến bảo ả : « Em đã là tiên, thì nghìn dặm đường (0,576 km $\times$ 1000 = 576 km) hẳn cũng đi được trong nháy mắt. Tôi lla nhà đã ba năm, nhớ vợ con bứt rứt không khuây nôi. Có thể nào đưa tôi về một chuyến được chăng ? »

À dường như không vui, bảo : « Nghĩ đến tình cảm sắt, thiệp thì dốc một lòng trung thật với chàng, mà chàng thì thân gởi nơi này lòng nhớ chốn khác, cách yêu đương quẩn quýt như thế là quấy lắm. »

Trương tạ lỗi mà rằng : « Sao em nữ nói thế ? Ngạn ngữ có câu : « Một bữa vợ chồng, trăm ngày ân nghĩa ! Sau này về mà nhớ em, thì cũng như hôm nay nhớ đằng ấy. Chớ ví phỏng được mới nói cũ, thì lẽ đâu em lại chịu sao ? »

À bấy giờ cười rằng : « Lòng thiệp quả hẹp hòi. Riêng phần mình, thì ước muốn cho chàng đừng quên lãng, mà phần người khác, thì lại ước muốn cho chàng quên băng đi. Nói thì nói vậy, chớ như muốn về tạm việc đó có khó gì. Nhà chàng cách đây chỉ trong gang tấc. »

Bèn nắm tay áo cùng ra khỏi cửa. Thấy đường sá lờ mờ, Trương dùng đằng không chịu tiến bước. À cứ kéo bừa đi. Chẳng mấy chốc nói : « Thôi tới rồi. Chàng về, thiệp đi nhé. »

Trương dừng chân nhìn kĩ, quả thấy cổng nhà mình. Trèo ngang bức tường lỗ mà vào, thấy trong phòng đèn lửa còn sáng choang. Bước lại gần lấy hai ngón tay cào cào cánh cửa. Bên trong hỏi ai, Trương nói rành ở đâu lại. Người bên trong cầm nến mở cửa, chính là cô nàng họ Phương. Hai người vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, bèn nắm tay nhau, vén màn cửa buồng mà bước vào. Chợt thấy con nằm trên giường, cảm khái than rằng : « Ngày anh đi, con chỉ cao bằng đầu gối, mà nay vóc đã dài gần ấy. »

Vợ chồng âu yếm ngồi sát vào nhau, bàng hoàng như trong mộng cảnh. Trương thuật rõ những điều tao ngộ, rồi hỏi đến việc tổ tụng bắt bớ năm xưa, mới hay trong số các đồng học, có kẻ thì vì đói rét trong ngục mà chết, có kẻ thì dời nhà chỗ khác thật xa, lại càng phục vợ là người viễn kiến.

Phương rúc vào lòng chồng mà rằng: «Chàng đã được giai ngẫu, có lẽ chẳng còn nhớ chi đến kẻ năm chăn đơn mà nước mắt tuôn trào. » Trương bảo: «Không nhớ, thì sao trở về đây? Anh với đảng ấy, tuy bảo là tình thâm có thể chết vì nhau được, nhưng dù sao cũng chẳng phải là đồng loại. Chỉ vì ân nghĩa của y khó quên đó thôi ». Phương nói: «Chàng cho thiếp là người gì chớ? »

Trương dòm kĩ lại, té ra chẳng phải cô nàng họ Phương, mà là Thuần-Hoa. Đưa tay sờ con, chỉ là một cái gối tre. Xấu hổ quá không biết nói gì. Ấy nói: «Có vậy mới rõ được lòng chàng. Số chúng ta từ nay là phải tuyệt giao. Nhưng may là chưa quên ân nghĩa, cái ấy cũng gần gần đủ để chuộc lỗi chàng vậy. »

Ba hôm sau bỗng nói: «Thương người bằng tấm tình si như thiếp đây rồi cuộc thành vô nghĩa lí, chúng cứ là ngày nào chàng cũng oán thiếp sao chẳng giùm đưa đường cho chàng. Nay sẵn dịp muốn đi để dò, tiện đường có thể cùng đi với chàng. »

Bèn quay lại đầu giường với lấy gối tre, cùng cỡi lên, bảo nhắm mắt. Cảm biết cách mật đất không bao xa, nghe tiếng gió vi vút. Khoảnh khắc dần hạ xuống. Ấy

nói: «Từ nay xin biệt. » Còn toan hẹn hò, thì ả đã đi đâu mất dạng.

Ngậm ngùi đứng trơ một lát, nghe chó trong xóm sủa rân, bốn bề bát ngát, nhận ra cây cối nhà cửa thấy đều là cảnh vật cố hương. Chàng lần theo đường mà về, trèo qua tường rào, vào gõ cửa; nhất thiết y nguyên như trước.

Phương giật mình tỉnh dậy, chưa vội tin. Hai vợ chồng gạn hỏi cho xác thật, rồi mới khêu đèn bước ra, vừa đi vừa thút thít. Thấy mặt nhau, lệ sa ràn rụa không tài nào nén được. Trương vẫn hồ nghi đó chỉ là trò huyền hóa của Thuần-hoa, lại thấy đứa bé nằm đầu giường, cái gì cũng giống hệt tối hôm qua, bèn cười rằng: «Gối tre cũng mang vào đó nữa sao? » Phương chẳng hiểu gì, vụt biến sắc mà nói: «Thiếp mong chàng như hạn mong mưa, vệt nước mắt khóc thầm còn sờ sờ trên gối. Thế mà vừa giáp mặt nhau, lại hoàn toàn chẳng có chút tình thương xót, lòng người là vậy đó sao? »

Trương suy xét tâm tình của vợ, bấy giờ mới nắm cánh tay mà thồn thức, giải thích thái độ của mình cho vợ hiểu, hỏi vụ án đã kết thúc thế nào, thì hay mọi việc đều y như lời Thuần-Hoa đã nói.

Đương cùng nhau cảm khái bùi ngùi, chợt nghe ngoài cửa có tiếng giầy. Hỏi không lên tiếng. Số là trong xóm có một người thiếu niên quý quái, từ lâu để ý đến sắc đẹp của Phương. Tối hôm ấy, đi đâu từ xóm khác trở về, vội trông thấy có người trèo tường vào, bụng bảo chắc là một kẻ đến chỗ hẹn dâm bôn, bèn mò theo mà vào.

Giáp vốn không quen biết Trương cho lắm, chỉ núp nghe lỏm. Đến khi Phương hỏi gặng năm lần bảy lượt, mới nói : « Ai trong nhà đó ? » Phương nói tránh : « Không ai cả. » Giáp nói : « Tôi nghe trộm này giờ lâu rồi. Định chứa chấp kẻ thông gian chớ gì. » Phương bắt đặc dĩ đành thú thật. Giáp nói : « Cái án Trương-Hồng-Tiệm chưa bỏ qua đâu. Nếu bác ấy về nhà, tất phải bắt trói giải lên quan. »

Phương hết lời năn nỉ, Giáp lại càng bắt chẹt. Trương phùng phùng lửa giận, không thể dằn lòng được, rút dao xông ra, chém Giáp trúng sọ. Giáp ngã xuống, mà còn kêu la, bèn chém liên hồi, đến chừng chết mới thôi.

Phương nói : « Việc đã lỡ đến nước này, tội càng thêm nặng. Chàng nên chạy trốn cho mau, thiếp xin lãnh tội thế chàng. » Trương nói : « Có phải chết thì chết, mới đáng mặt trượng phu, chớ lí dẫu gieo vạ cho vợ con, hồng cầu sống một mình sao ? Em chớ bận tâm vì anh làm gì. Miễn là đừng để cho con chúng ta làm gián đoạn dòng thư hương, thì dầu nhắm mắt cũng thỏa dạ. »

Trời dần dần sáng. Chàng lên huyện tự thú. Huyện trưởng họ Triệu, có bụng nể người can án, chỉ trừng giới sơ sơ, rồi giải chàng từ quận lên kinh đô, cùm trói vô cùng khổ.

Giữa đường gặp một nữ lang cỡi ngựa đi qua, có bà lão cầm cương : té ra Thuần-Hoa. Trương gọi u già muốn nói chuyện, mà nước mắt tuôn tràn, Ả quày ngựa, đưa tay vén mạn che mặt, ngờ ngác hỏi : « Anh làm sao đến nỗi này ? »

Trương lược thuật đầu đuôi. Ả nói : « Cứ thái độ của anh ngày xưa, thì chỉ còn cách quay đầu không nhìn lại. Nhưng em chẳng nỡ. Nhà của em không xa, xin mời các bác công dịch ghé rghi chân. Em cũng có thể giúp cho một ít tiền nong đi đường. »

Cùng theo được hai ba dặm (1 dặm = 0.576 km), thấy một xóm miền sơn cước, có nhiều nhà lầu cao. Ả xuống ngựa đi vào, bảo u già mở cửa rước khách. Rồi liền dọn rượu thịt bĩ bàn, trông chừng như đã sắp sẵn. Lại khiến u già ra nói rằng : « Gặp lúc trong nhà không có đàn ông con trai, xin Trương tiên sanh rán mời hai vị công dịch uống thêm vài chén nữa. Đi đường, rồi đây sẽ nhờ cậy nhiều lắm. Đã sai người chạy mấy mươi lượng vàng, để cho tiên sanh làm lộ phí, và cũng để thù lao hai ông đây. Nhưng người ấy chưa về. »

Hai viên công dịch hí hờn mừng thầm, thôi thì mặc sức uống, không còn nói đến chuyện đi nữa. Trời tối dần, hai gã say mèm. Ả bước ra, đưa tay chỉ cái cùm. Tức thì cùm tự mở ra. Kéo Trương lên cỡi chung một con ngựa, cho chạy vùn vụt như bay. Một lát bảo xuống : « Chàng xuống đây đi. Thiếp có hẹn với em gái thiếp gặp nhau ở tỉnh Thanh-hải. Ở nán lại chỗ ban này hết một buổi cũng vì chàng. Chậm hơn nữa, sợ em nó nhọc lòng trông đợi. » Trương hỏi : « Sau này có thể gặp lại ngày nào ? » Ả không đáp. Lại gạn hỏi, thì ả xô cho ngã xuống ngựa mà bỏ đi.

Sáng ra hỏi chốn ấy là đâu. Té ra Thái-nguyên, tỉnh hội tỉnh Sơn - tây.

Bèn tìm đến quận, mượn nhà dạy học ở đó, cái danh là Cung-Tử-Thiên. Qua được mười năm, dò la tin tức biết rằng việc tập nã đã có phần trể biếng, bèn lại lần mò về miền đông.

Đến gần cổng làng, chẳng dám vào vội, đợi khuya mới vào. Tới cửa ngõ, thấy tường rào cao quá, không thể trèo qua, chỉ còn cách lấy roi đập cửa. Hồi lâu vợ mới bước ra hỏi. Trương hạ thấp giọng nói chuyện. Mừng vô cùng, mở cửa cho vào, giả vờ lên tiếng quát tháo : « Đi chợ tỉnh, mua có bao nhiêu tiền, đáng lẽ phải về sớm, có sao nửa đêm mới về ? »

Vào buồng, mỗi người đem tất cả tình sự ra nói hết, mới hay rằng hai tên công dịch đã trốn mất chưa thò về. Trong khi chuyện vãn, ngoài bức màn thấy một thiếu phụ thấp thoáng hai ba bận. Trương hỏi y là ai, thì thưa : « Dâu của mình đó. » « Còn con dâu rồi. » Đáp rằng : « Lên kinh đô, dự cuộc thi hương chưa về. »

Trương nhỏ nước mắt nói : « Lưu lạc mười năm, con đã trưởng thành, nên danh phận, thế mà chẳng một tiếng gì về việc nôi thư hương đã được kể tục lòng dạ em còn đề nơi đâu ? » Nói chưa hết chuyện, con dâu đã hâm rượu nấu cơm xong, dọn ra đây bàn. Trương hoan hỉ vượt quá lòng mong ước.

Ở vài hôm, ăn nấu trong buồng, những nơm nớp sợ người ngoài hay biết. Một tối đương nằm, bỗng nghe tiếng người xôn xao, gõ cửa ầm cả lên. Sợ quá, cùng nhóm dậy cả hai, nghe tiếng ai nói : « Có cửa sau không ? » Lại

càng sảng sốt, lật đặt tháo cánh cửa đem bắc thang, giúp Trương leo qua tường rào mà đi. Rồi sau mới lại cửa cái hỏi chuyện. Té ra những người đi báo tin tân khoa. Phương mừng quá, rất hối về việc giục Trương đi trốn, không thể nào đuổi theo kéo lại được.

Đêm ấy Trương vượt bờ lướt bụi, lính quính không chọn đường nẻo gì cả. Hừng sáng mệt mỏi vô cùng.

Ban sơ định đi về hướng tây. Hỏi những người qua lại, thì ra cách đường cái lên kinh đô không bao xa. Bèn lựa nẻo vào hương thôn, toan cầm áo quần cho có tiền ăn. Chợt thấy một cái cửa cao, có tờ thông cáo thi đậu dán trên vách. Lại gần xem, mới hay là họ Hứa, vừa đậu cử nhân kì này.

Giây lát một ông lão từ trong bước ra. Trương chấp tay vái chào và tỏ tình thật. Ông lão thấy dáng bộ phong nhã, hiểu ngay chẳng phải là hạng người thất nghiệp đi tìm sanh kế, bèn mời vào nhà khoản đãi. Hỏi đi đâu, thì Trương bịa chuyện dạy học tại kinh đô, trở về làng cũ giữa đường gặp ăn cướp. Ông lão cầm chàng lại đề dạy đứa con trai nhỏ. Trương hỏi sơ qua về những người làm lớn trong họ, mới hay ông đã làm trưởng quan cao cấp ở kinh đô, nay lui về ẩn cư. Vị cử nhân kia là cháu gọi ông bằng chú.

Hơn một tháng sau, vị cử nhân với một người khác, thi đậu một kì, cùng về. Người ấy nói là họ Trương, quê ở huyện Vĩnh-bình. Đó là một người thiếu niên chừng mười tám mười chín tuổi. Trương nghe thấy đồng quê quán,

thăm ngờ chính là con mình. Ngặt trong
ấp có nhiều người cùng một họ ấy quá,
nên đành làm thính.

Tối đến, vị tân khoa ấy dở hành
trang ra, thấy có danh sách những người
đậu hương thí. Vội vàng mượn mở
xem, đích thị con mình, bất giác giồng
lệ tuôn chảy. Ai nấy đều lấy làm lạ
hỏi, Trương đưa ngón tay chỉ tên mà
rằng: « Trương Hồng-Tiệm, chính là
tôi đây. » Rồi nói rõ sự do. Vị cử
nhân họ Trương ôm chầm lấy cha mà
khóc ròn. Hai chú cháu họ Hứa lựa
lời ủy lạo, mới nén buồn làm vui. Ông
cụ họ Hứa liền đi lấy vàng lụa, bức
thơ cảm tạ, nhờ trao cho các thượng
quan. Cha con bấy giờ mới cùng ra về.

Phương từ lúc được tin mừng, ngày
ngày buồn rầu vì nỗi Trương đi biệt.
Nghe đồn các vị cử nhân trở về, sự
cảm thương lại càng thống thiết. Không
bao lâu cha con cùng bước vào. Phương
kinh ngạc đến cực độ. Hỏi biết sự
duyên, mới cùng nhau nửa mừng nửa
tủi.

Cha Giáp thấy con Trương thành
người cao quý, chỉ báo cừu hết dám
này sanh. Trương thấy thế, dãi ngộ
càng nồng hậu, lại tường thuật sự thật
năm ấy. Cha Giáp vừa cảm vừa thẹn,
từ đó mới bắt đầu giao hảo.

BỒ-TÙNG-LINH

(1640 - 1715)

Bản dịch của KIỀU-YIÊU

THƠ NGU-Í NGUYỄN-HỮU-NGU

nằm yên...

*Nằm yên trên chõng tre hiền,
Thân thơ thới giã, hồn nghiêng nghiêng đầy...*



*Mịn màng, Xanh - nhẹ - lá cây,
Đong đưa dịu dịu càng say nắng hường...*



*Càng trông, khi nhẹ càng vươn,
Vươn lời Đất mở, vươn hương Trời bình...*



*Lặng tờ, Xanh - đứng - vòm - thanh,
Tỏa Thương không bến, gọi Lành không người...*



*Xác, Hồn giờ mới lựa đôi:
Phiêu phiêu Gió chuyển về nơi không màu.*



Ngày Mai nhẹ nhẹ bước vào.

Chân núi Thiên-ân, Thu 1947

(Có những bài thơ)

VỚI XUÂN

Tháng năm trôi bên lề đời huyên náo
Lòng lảng quên như những giấc chiêm bao
Xuân đến đây cuộc sống chưa lên màu
Ý rượu lòng hoa hững hờ gió sớm
Ngỗ tối âm thầm niềm vui mới chớm
Biết đời buồn, Xuân muốn bỏ ra đi
Ai đợi mong ai biết có ai về
Mộng è ắp như hoa ngàn sắp nở
Áo trắng bay pha màu chiều nhung nhớ
Nghe như thu còn nán lại trong hồn
Nghe lòng trôi trên biển gió hoàng hôn
Như Xuân đến từ trong hai ngõ mắt
Như tất cả ngày xưa chưa héo nát
Tôi đếm từng kỷ niệm kết thành hoa
Ôi quê hương!
Dòng sông xanh rửa tóc liễu la đà
Lúa sữa rập rờn gió trời vô định
Đặt bước vu vơ tóc cài sương lạnh
Nắng Xuân reo trên màu áo phố phường
Lòng rung rung nhớ lối cỏ mưa vương
Người về hội đạp thanh còn in dấu
Có tiếng ai ngân vang mùa hợp tấu
Mai trắng rồi — lời chưa trở về ư
Cố nhân ơi sao vắng khúc tạ từ
Mộng lơ dờ như mây ngoài song cửa
Tôi dấu được ai mất sâu lệ ứa
Dấu làm sao — thiên hạ vẫn chung niềm
Vội mùa xuân tôi muốn giữ lặng im
Đề nghe ngóng tình yêu chậm chậm đến
Đường tay nhỏ với đường tơ ước hẹn
Nắn cung trầm tôi hát bản tình ca
Bao nhiêu sâu nghiêng xuống giấc mơ hoa
Và trời đất nằm nghe như nín thở.

THÙY-SONG-THANH



25

tháng chạp

Kính tặng những người Phó Hội.

LƯU-NGHI

NÓI rằng lão cười thì không đúng.

Mà nói rằng lão khóc, thì cũng chẳng đúng chút nào. Mặt lão nhăn rúm lại như một mảnh giấy nhàu nát ; nhưng giữa cái nhàu nát vụn vặt ấy, đôi môi dày của lão hé mở, nhếch về một bên có vẻ kiêu kỳ, ngạo mạn và dù bị lê mất một con, đôi mắt lão vẫn sáng long lanh, ươn ướt.

Lão buồn hay lão vui, thực chẳng ai muốn bận tâm đến. Cái buồn, cái vui của lão không làm ai xao xuyến, băn khoăn cả. Có lẽ vì lão xấu trai

quá chừng. Mà cũng có lẽ nghề nghiệp của lão, của cả gia đình nhà lão, không mấy khi cho phép lão ung dung nhìn thiên hạ trên đường phố, hoặc trái lại, để thiên hạ có dịp suy gẫm về tâm tư của lão.

Người ta gọi lão là Lão Sốc. Vợ lão là Mụ Sốc. Con lão là thằng Sốc. Và cả một bầy trẻ nheo nhóc tiếp theo, người ta cũng chỉ gọi chung là bầy con lão Sốc. Giữa cái đô thị nhỏ hẹp này, ai cũng biết lão và gia đình nhà lão. Nhưng, cũng chỉ biết đại khái thế thôi.

★

CHIỀU mùa đông xuống mau, vây bủa một màu chì tang tóc.

Lão Sóc ngồi một mình trên chiếc ghế đá công cộng, cũ kỹ, đặt trên bờ sông, nhìn trời, nước mông lung. Lão nhìn trời vì mây dày và đục quá ; gần nửa tháng rồi mà chẳng thấy mặt trời. Lão nhìn nước, vì nước nguồn cứ chảy xuôi dòng, vàng ngàu mà lạnh buốt. Trời như thế, nước như thế, làm ăn gì được ! Lão thờ nhè nhẹ, không phải vì chán nản, cũng không phải vì bức mình. Chiều nay lão cảm thấy buồn buồn, thoáng gợn lên một chút chua xót trong lòng.

Giữa bữa cơm chiều đạm bạc trong khoan thuyền của lão, vợ lão có nhắc đến chuyện cưới vợ cho đứa con lớn là thằng Sóc, tháng giêng sắp đến. Ăn xong, lão im lặng quán một điếu thuốc rê thật lớn, châm lửa, rồi lên bờ đi thẳng đến ngồi trên chiếc ghế đá này. Lão hút tàn điếu thuốc thì chiều xuống. Đêm và ngày giao tiếp không môi giới hoàng hôn. Trong phút chốc, mặt sông trở màu xanh đậm rồi tối mờ mờ. Cả vạn ghe đỗ lửa lúc nào không biết, mà lão thấy ánh đèn dầu vàng đục vẽ ngoằn ngoèo, nát từng mảnh vụn trên dòng sông. Chuyện cưới vợ cho đứa con lớn là thằng Sóc, nhắc lại trong ngày gần cuối năm, chính lão cũng không ngờ lại làm cho lão bận tâm đến thế.

Thằng Sóc, đứa con đầu của lão, đã hăm mốt hăm hai tuổi. Hăn cao lớn, mạnh khỏe như lão. Người ta nói hăn « nhờ giò ». Chính hăn đã giúp lão đắc lực trong nghề vớt cát đồ bán cho thiên hạ làm nhà. Nghề này đã nuôi sống gần trọn đời lão và cả gia đình nhà lão.

Đất cát là của trời ; huống nữa đây là đất cát dưới lòng sông. Nghề của lão không cần vốn liếng, nhưng cần sức mạnh. Qua mấy mươi năm lặn hụp còng lưng đầy bao nhiêu là xe cát qua đường phố, sức lực của lão có suy giảm ít nhiều. Vừa lúc thẳng Sóc lớn khôn, « ông, bà » lại phò hộ cho hăn mạnh khỏe. Không có hăn, lão cũng đến thêm vất vả. Nên mặc dầu bốn phận hăn làm con thì phải giúp cha giúp mẹ, lão Sóc vẫn ghi nhớ công ăn việc làm khó nhọc của hăn.

Cách đây không bao lâu, vạn ghe xóm Chùa Cầu đồn rằng thẳng Sóc trai gái với con Nuôi. Con Nuôi, chẳng phải ai xa lạ ; chính là đứa con gái mà lão Sóc thuê đầy xe cát thường ngày. Mặt mày con Nuôi coi cũng ngồ ngộ, tánh nết lại dễ thương. Nên, lão Sóc nghe người ta đồn mà không lấy gì làm khó chịu. Lão có dò la cho rõ đầu đuôi ; rồi lão làm thỉnh ; mãi đến khi chuyện trai gái giữa con Nuôi và thẳng Sóc không còn dấu ai được nữa, thẳng Sóc mới thưa cha mẹ xin cưới con Nuôi làm vợ.

Chiều nay, lão Sóc nhớ lại từ đầu chí cuối, mỉm cười khi nhớ lời thẳng Sóc nói với vợ chồng lão : — « Thừa cha với mẹ, tôi muốn xây dựng gia đình. » Đối với lão, nói như thế là nói theo lối tân thời. Tuy vậy lão không phản đối ; lão cũng nhận thấy « đời bây giờ » không còn như thời trước nữa ; thời ấy, lão cưới vợ mà không hề biết trước mặt mũi người vợ như thế nào. Ừ, cha mẹ bảo cưới thì lão cưới, tựa hồ chuyện ấy quá bình dị trên thế gian, và tầm thường như đi mua cái áo chẳng

hạn. Nói chi đến chuyện yêu thương nhau. Nhưng rồi vợ chồng lão Sóc vẫn chung sống như mọi gia đình khác. Cũng làm, cũng ăn, cũng sinh con đẻ cái. Chiếc thuyền con bập bềnh trên mặt nước kia, vừa là cái ghe nghề để vớt cát, mà cũng là mái nhà trôi nổi đã che mưa nắng bốn mùa cho gia đình nhà lão. Từ hai năm nay, mái nhà trên mặt nước ấy có phần chật chội, vì vợ lão sanh năm một. Đến nay, mụ Sóc lại bụng mang dạ chửa nữa. Mỗi khi đi vớt cát, lão đuổi cõ cả bầy con lên bờ tha hồ đùa nghịch. Tối đến, lão lại lừa bầy con xuống thuyền như lừa bầy heo vào chuồng. Thắng Sóc thì vác chiếu lên bờ ngủ lang ở đâu tùy ý. Thỉnh thoảng, hẳn cao hứng ngủ vài đêm trong Chùa Cầu Nhật Bồn. Hẳn hay nói đùa : « Đêm nay, đi ngủ với bốn con khỉ chùa Cầu chơi » (1). Nói rằng chơi, nhưng chính vì ngủ ở chùa Cầu mà hẳn có dịp tình tự với con Nuôi, để đến ngày hôm nay trở thành chuyện vợ chồng gần thật sự.

Tất cả những chuyện ấy, lão Sóc đều biết cả. Có lẽ vì lão thương con ; mà có lẽ lão cũng muốn con Nuôi với thằng Sóc chóng thành vợ thành chồng ; như thế, lão có thêm một nhân lực trong nghề vớt cát của lão. Rồi đây, khi vợ chồng lão già nua, vợ chồng thằng Sóc sẽ nối nghiệp xúc cát dưới lòng sông, bán cho thiên hạ làm nhà. Thiên hạ còn làm nhà, lão còn vớt cát, con, cháu lão còn vớt cát. Cái nghề không vốn ấy thế mà lương thiện, cũng đủ nuôi sống cả gia đình lão đời này qua đời nọ.

Thắng Sóc xin lão làm lễ cưới trong tháng giêng sắp tới. Hẳn nói rằng mùa

Xuân là mùa tốt đẹp. Theo lão, đó cũng là lối nói tân thời. Lão đã quen nghe rồi, nên thản nhiên, và thuận ý dễ dàng với thằng Sóc. Nhưng có điều làm cho lão lo nghĩ và băn khoăn nhiều vì thằng Sóc tỏ ý xin làm nhà. Một căn nhà nho nhỏ thôi, để vợ chồng hẳn có chỗ chui ra chui vào. Lão hỏi hẳn :

— Bộ mi muốn bỏ cái nghề của tau rồi hả ?

Hẳn trả lời :

— Dạ không. Ở trên bờ, nhưng vợ chồng tui cứ xúc cát với cha.

Lão lại giải thích :

— Tau tính cố sắm cho mi một chiếc ghe nhỏ, vợ chồng mi sống, mà lại thêm cái ghe nghề. Sau này tau với mẹ mi có trăm tuổi thì vợ chồng mi quen thuộc công ăn việc làm, nối nghiệp cho tau. Chớ làm cái nhà trên bờ, thì...

Tự nhiên, lão không biết nên nói thế nào cho phải lẽ. Lão ngập ngừng một hồi lâu. Thắng Sóc lại trả lời :

— Tui thì tui nghĩ nên làm cái nhà nhỏ nhỏ trên bờ, sau này cha với mẹ già yếu, cũng có chỗ tránh nắng mưa. Chứ già cả đau yếu mà sống dưới ghe như ri, không tiện.

Chiều nay, nhắc đến đám cưới thằng Sóc, câu chuyện làm nhà cùng với lời lẽ của hẳn trở lại trong đầu óc lão. Lão nghĩ rằng : thằng Sóc nói cũng có lý ; mà lòng hẳn có hiếu thảo với cha với mẹ nên mới tính như vậy.

Nhưng, lão bỗng cảm thấy bức dọc khó chịu. Lão đưa tay gãi mau sau ót mấy cái, thở một hơi nhẹ, chép miệng rồi đứng dậy. Lão đi chậm rãi về hướng chùa Quảng-Triệu ; đến ngã ba đường

(1) Xin xem chú thích ở phần chót bài.

trước cửa chùa, lão ngập ngừng một chút không biết nên đi xuống hay đi lên, tựa như cái hướng đi lúc này quan hệ đến sự bực dọc của lão nhiều lắm. Sau cùng, lão Sóc đi lên, có lẽ lão vừa nghĩ nên đi ngang qua nhà ông Hoàng thầu khoán, biết đâu người ta gọi giật lão lại bảo lão đồ năm ba xe cát làm nhà. Lão đi thật chậm và mé sát vào vỉa hè. Nhà ông thầu khoán sáng đèn như mọi bữa. Nhưng, liếc nhìn qua bức bình phong đặt trước bộ xa-lông, lão chẳng thấy ma nào cả. Trong nhà vắng tanh. Lão lại đưa tay gãi sau ót thêm mấy cái nữa, rồi đi thẳng vào Chùa Cầu.

Lão ngồi chồm hồm, bên một cây cột, nhìn người qua kẻ lại, nhìn xuống nhìn lên dọc con đường phố cong queo, hẹp như một ngõ hẻm. Lão quán một điếu thuốc thứ hai, chưa biết xin ai được chút lửa bây giờ. Lão chợt nhìn thấy mấy chấm lửa thật nhỏ trong góc cầu, lão nói một mình : « À, có đây rồi. » Đây là mấy cây hương mà ông từ giữa chùa, đêm nào cũng cắm trước tượng mấy con khi. Châm lửa xong, lão mở lớn đôi mắt lé nhìn kỹ vào cái tượng khi. Lão nhớ lời nói đùa của thằng Sóc :

— Đêm nay, đi ngủ với bốn con khi Chùa Cầu chơi.

Lão quay lại chỗ cũ, cũng ngồi chồm hồm, đưa hai cánh tay dài thông thượt ra đằng trước. Lão trách thầm : « Cũng tại mấy con khi Chùa Cầu này mà có chuyện thằng Sóc với con Nuôi ; có chuyện thằng Sóc với con Nuôi mới có chuyện xin làm nhà ; và có chuyện xin làm nhà mới có chuyện xích mích lộn xộn giữa

lão và vợ lão. » Sự bực dọc lại rộn ràng trong lòng lão.

Lão Sóc chợt nghe một câu hát ru em đưa lên từ bóng tối dưới cầu :

*À σ... ấy ai dắt mối tơ lành... à σ.
Cho thuyền quen bến, à σ... cho
anh quen nàng à σ...*

Tiếng hát trong thanh, cao vút, lan dài trong bóng tối, bỗng dừng khua động không gian và khua động cả lòng lão Sóc. Lão nhận ra ngay đó là giọng hát của con Nuôi, đứa con gái nay mai sẽ về làm dâu nhà Lão. Lão lại nghĩ thầm : « Con nhỏ lo làm lo ăn, mà hát lại hay như rứa, hèn chi thằng Sóc không thương. Thằng Sóc thương con Nuôi là phải... » Tiếng khóc của thằng con nít dội lên ngăn ngặt làm gián đoạn ý nghĩ của lão. Tiếng hát của con Nuôi lại nối tiếp :

*À σ... Tơ lành đã vãn, à σ... thì
oung,
Đã trót dan diu, à σ... thì thương
nhau cùng, à σ...*

Lão Sóc chưa kịp nghĩ gì thêm thì một tiếng gọi lớn làm cho lão muốn giật mình. Đó là tiếng thằng Sóc :

— Nuôi ơi ! Nói chuyện chút nè.

Tiếng con Nuôi trả lời :

— Anh đợi chút, thằng Cu cứ rục rịch hoài, chưa chịu ngủ. Đợi chút, hay anh xuống đây.

Thằng Sóc hỏi :

— Gì Năm đâu ?

Con Nuôi trả lời :

— Gì Năm ra Xóm Mới đòi tiền rồi.

Tiếp theo là tiếng chân đồ xuống cái dốc ngắn, có tiếng nước khua rộn ràng, vỗ bì bạch vào be thuyền có lẽ đang bị chòng chạch vì sức nặng của thằng Sóc.

Lão Sóc nghe rõ mồn một từ lời nói đến những tiếng động. Chỉ là sự tình cờ. Mà lão cũng muốn lợi dụng sự tình cờ đó để hiểu thêm một chút về chuyện tình ý giữa con Nuôi và đứa con của lão. Tự nhiên, lão thờ nhẹ hơn, sè sè đập con muỗi vừa sả vào trán lão, và cố hết sức lắng nghe câu chuyện dưới chân cầu.

Thằng Sóc nói :

— Hồi chiều, mẹ có nhắc tới đám cưới hai đứa mình.

Con Nuôi chưa kịp nói gì thì thằng Cu nổi lên khóc. Con Nuôi lại vừa dỗ, vừa ru :

*À ơ... bao giờ cho chuối có cành, à ơ...
Cho sung có nụ, à ơ... cho hành có hoa,
à ơ...*

Hát xong, con Nuôi hỏi tiếp :

— Cha có nói rằng không ?

— Cha làm thinh. Chắc không có chi rắc rối. Còn chuyện làm nhà...

Con Nuôi bỗng ngắt lời :

— Thôi, tui không muốn nghe chuyện đó nữa.

Thằng Nuôi cầu nhàu :

— Chưa chi mà em đã thối chí...

— Chưa chi... chưa chi mà mẹ anh đã nói tui xúi dục anh làm nhà làm cửa ăn ở theo nhà giàu. Chuyện làm nhà là tự ý anh muốn, chớ tui xúi dục anh hồi nào, mà « bà » nói rứa ?

Thằng Nuôi chép miệng mấy lần, im lặng một lát mới trả lời :

— Chà, bà nói thì nói, em không có thì thôi. Chuyện đó để tui lo cho. Có chuyện chi tui chịu hết. Cha tui thì có ý bằng lòng rồi, nhưng hơi ngật...

Thằng Sóc ngáp ngừng một hồi lâu ; mãi đến khi con Nuôi hỏi :

— Ngật các chi ?

Hắn mới nói rõ :

— Ngật là cha không có tiền mặt cho hai đứa mình. Phải bán mấy lượng vàng mới đủ mua thứ này thứ nọ. Mà vàng thì mẹ tui cất. Bà quen giữ của, nên không muốn bán đi làm việc khác. Bà cứ nói đó là mồ hôi nước mắt, ăn mắm mút dòi mới dành dụm được...

Lão Sóc đã ngồi qua gần cái cột bên kia để nghe cho rõ. Ngồi đấy, nhìn qua kẽ hở ván cầu, lão còn thấy được thằng Sóc ngồi sau lá chiếc ghe nhỏ, quay mặt vào trong khoang mà nói chuyện với con Nuôi. Một lát sau, ý chừng thằng Cu đã ngủ say, con Nuôi lết ra phía ngoài một chút. Lão Sóc trong rõ cả hai đứa ngồi gần nhau, trong ánh đèn dầu vàng vọt.

Thằng Sóc phà khói thuốc trắng mờ mờ. Còn con Nuôi thì ngồi khoanh tay rể, có vẻ buồn buồn. Trước cảnh ấy, nghe hai đứa tính chuyện trăm năm, lão Sóc cảm thấy thương thương, tội tội, nhất là khi nghe thằng Sóc nói rằng :

— Tui muốn làm cái nhà, chừ thì hai đứa mình ở, nhưng sau này cha mẹ già yếu, cũng có chỗ dưỡng thân cho ấm. Chứ thiệt tình, hai đứa mình thương

nhau, ở giữa trời cũng được. Tui cũng biết lòng của em lắm; mấy bà già thì hay tiếc của, vớ lại hay rào đón đủ điều. Em thương tui thì bỏ qua, đề chuyện đó tui lo.

Con Nuôi làm thình, khom lưng thổi lửa. Ngọn lửa chập bùng lên, bập bùng soi sáng cả mặt nước đục ngầu. Con Nuôi vuốt tóc, nói nhỏ:



— Ủ, anh muốn thì anh lo. Tui cũng biết. Nhưng tui chỉ sợ mang tiếng xúi dục anh, rồi sinh ra ác cảm trong gia đình.

Thằng Sóc lê mình đến gần con Nuôi một chút, nắm bàn tay con Nuôi kéo nhẹ nhẹ, vừa nói dịu dàng:

— Không có chi đâu. Em đừng nghĩ bậy bạ.

Con Nuôi thu tay lại, quay mặt vào trong, nói lầu nhầu:

— Kỳ quá anh...

Rồi nó rót nước cho thằng Sóc uống.

Lão Sóc thấy hai đứa nhìn nhau im

lặng, qua khói trắng vương vương bốc lên từ bắc nước nóng bỏng. Lão nhẹ nhàng quay mình, chậm rãi đi trở xuống chùa Quảng-Triệu. Lão nghĩ đến mộ Sóc, giờ này chắc đã ngủ mê man, lặn trong lưng ruột tượng mấy lượng vàng. Chính vì mấy lượng vàng ấy mà chiều nay lão phải bận tâm bận trí nhiều ba ông Táo mà thiệt là nhiều chuyện.

Có mấy lượng vàng mà giữ bo bo như mọi giữ của. Giữ của mà không biết thương con. Thiệt là... »

Ra đến bờ sông, nghe tiếng máy phóng thanh làm dội lên một điệu nhạc rộn ràng, lão mới sực nhớ đêm nay lão vừa lỡ một dịp đi xem xi-nê đại hạ giá ở rạp Hòa Bình. Nghe nói chiếu phim « *Tình Nghĩa Vợ Chồng* », phim Nhật-Bồn nói tiếng Việt-Nam,

mà thiên hạ đồn là hay lắm, hay lắm.



TRONG lúc ấy, mộ Sóc ngủ thật, ngủ say sưa, mang cái bụng to tướng, như con heo mẹ ngủ giữa đàn heo con. Và quả mộ Sóc có lặn trong lưng ruột tượng mấy lượng vàng thật. Đúng như lời thằng Sóc đã nói với con Nuôi, chút của ấy chính là do mồ hôi, nước mắt, do công ăn việc làm khó nhọc của vợ chồng mộ mà có. Mộ giữ bo bo như mọi giữ của, kính cần và thận trọng

như gia bảo thuộc về hương hỏa, thật chẳng có gì đáng trách.

Mụ Sóc thỉnh thoảng có nhắc lại cái thời vợ chồng mụ mới có năm đứa con, lão Sóc bê tha không nói được. Tự nhiên, lão đòi tâm đòi tánh. Từ nhỏ đến lớn, chưa biết uống rượu, lão cũng cố uống cho kỳ được ; uống xong, mặt mày đỏ gay như gà cắt tiết, nói xàm nói tục, chửi bới tứ tung, đánh đập cả vợ lẫn con. Có người nói thẳng với mụ rằng :

— Từ tể thì ở, không từ tể thì thôi. Chứ vợ chồng chồng cái chi mà đánh chửi tối ngày, làm sao chịu được ?

Ý giả, người ta muốn bảo mụ bỏ lão Sóc cho đỡ khổ tâm thân. Nhưng mụ nghĩ : đã ăn ở với nhau được năm sáu mặt con, một ngày hai ngày cũng là tình nghĩa, bỏ nhau sao cho đành. Mụ Sóc cố tin rằng số kiếp của mụ như thế thì mụ ráng chịu, mong đợi và hy vọng một ngày nào đó lão Sóc hồi tỉnh, lo lắng gia đình, thương vợ thương con như kẻ khác.

May quá, cái ngày mụ mong đợi chóng đến hơn mụ tưởng. Không những lão Sóc bớt uống rượu, bớt đánh đập, chửi mắng mụ và lũ con, gia đình nhà mụ làm ăn khá giả dần dần. Sau này mụ mới hiểu rằng thực ra, lão Sóc không phải là người hư hèn gì ; sở dĩ thời kỳ đó lão cáu kỉnh, cộc cằn, mè nheo khó chịu là vì gia đình túng quẩn quá. Túng quẩn đâm ra làm bần con người. Đến khi bí cực thái lai, công ăn việc làm có bề khá giả, tự nhiên tâm tánh của lão Sóc thuần phục lại. Rồi từ đấy, lão trở nên dễ dãi với mụ Sóc đủ điều. Lão biết nhịn vợ mỗi khi

hai vợ chồng bất đồng ý kiến bất cứ về một việc gì. Làm được bao nhiêu tiền, lão giao cho mụ Sóc giữ gìn, dành dụm. Trong mấy năm sau này, thỉnh thoảng, cũng có to tiếng cãi cọ với nhau một đôi lần, nhưng, chẳng có chuyện gì đáng cho là quan trọng. Gia đình lão vẫn thuận hòa, êm ấm. Mãi đến bây giờ, giữa vợ chồng lão mới xảy ra một sự xích mích dùng dằng cả mấy tháng rồi mà chưa thu xếp yên ổn. Đó là chuyện làm nhà cho thằng Sóc cưới vợ.

Xét cho kỹ, không phải mụ Sóc không biết thương con, hay vì mấy lượng vàng mà dè kéo dài cái không khí bất hòa trong gia đình nhà mụ. Lời nói của thằng Sóc cho mụ thấy được lòng hiếu thảo của đứa con ; mụ còn thấy trước cái cảnh êm ấm trong một căn nhà có thể che mưa đỡ gió cho tuổi già của mụ. Hơn nữa, làm được một căn nhà, dù nhỏ, để cưới vợ cho đứa con đầu lòng, là cả một vinh dự cho gia đình nhà mụ. Điều ấy chứng tỏ rằng vợ chồng mụ làm ăn nên nổi, lại biết gầy dựng cho con cái, mụ cũng mở mày mở mặt đối với mọi người, giữa cái đô thị nhỏ bé này. Mụ biết tất cả những điều ấy, những điều mà chính trong thâm tâm mụ cũng thầm mong muốn.

Nhưng, mỗi khi lão Sóc hay thằng Sóc nói đến chuyện làm nhà, thì nhất định mụ không chịu nghe theo. Mụ nói với lão Sóc như thế này :

— Ông tưởng tôi không muốn mở mày mở mặt với thiên hạ hả ? Nhưng, làm cái nhà ra đâu có phải chỉ có hai vợ chồng thằng Sóc ở...

Ban đầu, lão Sóc ngạc nhiên :

— Ủa, thì có hai đứa hần chớ còn ai ở nữa ? Bà muốn ở thì lên ở chung với vợ chồng hần cho vui cửa vui nhà. Còn tui, tui ở dưới ghe này cho.

Mụ Sóc đâm cáu kình. Ý của mụ không phải như thế. Ý mụ muốn nói thế này :

— Còn bà con, dòng họ con Nuôi nữa, chớ đâu phải mình hai đứa hần. Nai lưng ra làm, dành dùm được ít nhiều, rồi đem làm nhà cho thiên hạ ở phải không ? Tui không làm chuyện đại nớ.

Lúc bấy giờ, lão Sóc mới hiểu rõ rằng mụ Sóc muốn ám chỉ Bà Năm, dì của con Nuôi. Dần dần, lão hiểu thêm rằng vợ lão nhất quyết cho là chính Bà Năm xúi dục con Nuôi, rồi con Nuôi xúi dục thằng Sóc làm nhà, để dì cháu ở chung, cho sung sướng tấm thân. Lão Sóc bức mình vì sự nghi kỵ của mụ Sóc. Lão đã giải thích năm ba lần :

— Bà Năm đâu có phải bà con ruột thịt chi với con Nuôi mà tính toán như rứa. Còn như mụ với tui mà không bằng lòng thì Bà Năm đâu có đến đó ở được ? Mụ cứ nghĩ cho xa, mệt quá.

Mụ Sóc cũng dư biết như thiên hạ rằng con Nuôi mồ côi cha mẹ, Bà Năm là bạn hồi xưa của mẹ nó, nên đem nó về nuôi ; mấy năm gần đây, Bà Năm cứ đau yếu mãi, nên trái lại, con Nuôi phải làm lụng, nuôi dưỡng Bà Năm. Dì dì, cháu cháu, nhưng thiệt tình chỉ là chút nhân tình, ân nghĩa làm chung đụng hai cuộc đời cô độc. Vì cái lẽ đó nên mụ Sóc không yên tâm, cứ nghĩ rằng chắc Bà Năm làm « quân

sư » bày mưu đặt mẹo cho con Nuôi xúi dục thằng Sóc.

Sự nghi kỵ của mụ Sóc chẳng căn cứ trên một chút bằng cớ nào. Nhưng, khi đàn bà, nhất là đàn bà như mụ Sóc, đã có thành kiến đối với một người đàn bà khác, thật là khó bề lay chuyển. Lão Sóc khó nghĩ quá. Không lẽ làm ra chuyện ồn ào, thiên hạ chê cười. Còn không lẽ cứ làm thinh, rình rình ăn cắp quách mấy lượng vàng. Lẽ nào coi ra cũng không tiện.

Đêm nay, tình cờ bắt gặp câu chuyện ân tình, tính việc trăm năm giữa con Nuôi và thằng Sóc, lão Sóc đếm nhăm trên đầu ngón tay, tính ra còn chừng hai mươi ngày nữa là hết năm. Ăn Tết rồi, cũng còn chừng hăm lăm hăm sáu ngày là đến đám cưới thằng Sóc. Lão ngồi chồm hổm trên bờ sông, suy đi nghĩ lại mãi, mà chưa biết làm thế nào nói cho mụ Sóc nghe lọt lỗ tai, lòi mấy lượng vàng ra cho yên việc. Đồng hồ nhà ai trong dãy phố bỗng khua rộn một hồi chuông, để rơi từng tiếng một ngân ngân qua cảnh đêm tịch mịch lan dài trên mặt nước tối mù. Lão Sóc chếp miệng, nghĩ đến ngày hết Tết tới... Nếu mụ Sóc ưng thuận... Vừa về nhà mới mà vừa đám cưới cho con, thiệt là vui biết mấy... À, mà lại con, có nơi có chốn cho mụ Sóc sanh đẻ tử tế hơn mấy năm trước...

Nghĩ đến đây, lão Sóc cảm thấy khoan khoái hẳn lên. Lão vừa tìm được một lý lẽ để thuyết phục vợ lão, cái lý lẽ này, chắc là phải được. Lão vươn mình đứng thẳng dậy, bước mau xuống chiếc ghe của lão. Lão bước hơi mạnh, làm

chiếc ghe chòng chành, nghiêng lệch quá nhiều. Tiếng nước vỗ bì bạch bên be ghe làm mụ Sóc giật mình, tỉnh giấc. Mụ hỏi:

— Ai đó ?

Lão Sóc ho một tiếng ngắn, nói mau:

— Tui đây. Nè, mụ dậy tui nói chuyện nì chút.

Giọng mụ Sóc ngái ngủ:

— Chuyện chi mà nói chừ chừ ?

Lão Sóc dục:

— Thì cứ dậy, nói cho mà nghe.

Nhưng mụ Sóc cần nhần:

— Chuyện chi gấp thì cứ nói đi, tôi nghe đây. Tui mà rục rịch thì con Be, thằng Tứ khóc rân lên liền liền...

Con Be, thằng Tứ mà khóc lên thì lâu nín lắm; lão Sóc vẫn sợ tánh khóc dai của chúng nó; huống nữa trong lúc này, lão không muốn bỏ lỡ một dịp tốt, may ra thuyết phục được mụ vợ. Lão nói chậm rãi:

— Hồi chiều, mình có nhắc tới dám cưới thằng Sóc, tui nghĩ chẳng có chi trở ngại. Còn về chuyện làm nhà, như mình không làm cho hần, chắc hần không dám nói chi. Nhưng, tôi nghĩ cũng tội tội; hần lo làm lo ăn, có công khó với vợ chồng mình mấy năm nì rồi. Tui nghĩ muốn làm cho toại cái ý nguyện của hần. Còn về phần vợ chồng mình, chuyện ngày sau có chỗ dưỡng lão thì chưa cần nói tới, nhưng, vài ba tháng nữa đây, mình sanh đẻ, cũng có nơi nằm tử tế hơn mấy năm trước. Chớ nằm dưới ghe dưới thuyền như ri thiệt là bất đắc dĩ, chứ gió máy nhiều... bất tiện lắm.

Lão Sóc nói thao thao bất tuyệt, cố gợi sự xúc động trong lòng mụ Sóc, nhất là chuyện sanh đẻ gần đây của mụ. Lão tin rằng lần này gái trúng chỗ ngửa, chắc mụ Sóc xiêu lòng.

Nói xong, lão chờ đợi. Trong khoang thuyền tối om, lão chỉ thấy lờ mờ những hình người lớn có, nhỏ có chen chúc nhau ngang dọc. Tiếng ngáy của mấy đứa con lão vang lên đều đều... Không nghe mụ Sóc trả lời. Lão không vội bức mình. Lão cố kiên nhẫn chờ thêm một lát nữa. Lão hy vọng rằng thời gian kéo dài trong cảnh đêm khuya tịch mịch may ra làm cho lời nói của lão thấm sâu vào óc, vào lòng mụ Sóc. Lão tự nhủ: « Chắc mụ Sóc đang suy nghĩ, và thế nào cũng thấy cái lẽ phải có lợi cho thân mụ trước nhất. » Đột nhiên, giọng nói của mụ Sóc buông xuôi một cách nặng nhọc:

— Chớ mấy mươi năm nì, tui sanh đẻ ở đâu? Cũng trong cái khoang ghe nì, mà có hề chi mô nè. Trời sanh, trời dưỡng. Lo làm chi cho mệt. Thời, đi ngủ đi ông. Khuya hung rồi. Không biết có chi mà tui cứ chóng mặt từ hồi tối đến chừ... Sáng mai hãy hay.

Lão Sóc thở một hơi dài, đưa tay gái sau ót mấy cái thật mau. Rồi lão ngàng mặt nhìn lên trời. Nền trời vẫn âm u mây dày và đục. Im và buồn lạ.

★

Hai ngày... rồi ba ngày sau, lão Sóc không có dịp nhắc lại chuyện làm nhà với mụ Sóc. Vì lão có mỗi đồ cát cho thiên hạ làm hằm vệ sinh. Và cũng vì mụ Sóc sổ mũi, đau đầu, nóng hằm hấp

cả ngày, đêm. Mỗi khi đi xúc cát, lão cũng tổng cõ bầy con lên bờ mặc sức chơi nhảy ; nhưng ghe đi làm nghề mà vẫn phải chờ theo mụ Sóc nằm một khoảnh nhỏ trong khoang. Thật là bất tiện và bận bịu quá. Nhưng, không nằm đấy thì nằm đâu bây giờ ? Nếu mụ Sóc không đến nỗi mê mê chắc lão đã thừa cơ hội này mà tấn công mụ về chuyện làm nhà. Lão làm việc hơi mệt ; mấy hôm nay con Nuôi không đến, nghe đâu Bà Năm cũng bệnh hoạn. Lão cũng không muốn cãi cọ xao lãng sự làm ăn, không nỡ mê nheo mụ Sóc trong lúc mụ đau ốm.

Lão Sóc làm thính, nhưng ngay khi đầy xe cát qua phố chợ, lòng lão cứ bồn chồn Gắn rầm thảng chập rồi... Loay hoay là tới đưa ông Táo... Loay hoay nữa là hết năm. Ngày tháng như quần quít dưới bánh xe chở cát và cả dưới bàn chân của lão.

Đến ngày thứ tư, mụ Sóc đã ngồi dậy được, húp năm ba muỗng cháo đặt với chút nước mắm kho tiêu. Lão Sóc định bụng nói lại chuyện làm nhà một lần nữa, sau bữa cơm chiều hôm ấy.

Trăng mười bốn mà chẳng sáng tỏ chút nào. Nền trời xanh có hé ra đôi chỗ, nhưng mây dày vẫn còn bao phủ lừng đùng, chưa chịu bay đi phương khác. Lão Sóc hút tàn nửa điếu thuốc rê lớn mà chưa biết bắt đầu câu chuyện thế nào cho có lợi. Thằng Sóc ngồi ở mũi ghe, cột lại cái quai chèo. Mụ Sóc nằm trong khoang thuyền, co người lại trong cái mền xám cũ, trùm kín từ đầu đến chân, trông như bao gạo lụng lụng.

Bầy con đã lên bờ từ lâu, đang đuổi nhau, la hét giữa bãi cỏ đầu đường.

Ba người đều yên lặng. Sự yên lặng không đến nỗi nặng nề ; nhưng hình như cả gia đình lão Sóc đang cùng nghĩ đến một câu chuyện, mà ai cũng thận trọng, e ngại gây thêm mối bất hòa sẵn có.

Sau cùng, lão Sóc dang hắng một tiếng ngắn, như lấy giọng, rồi nói :

— Nè, mấy bữa ni mình đau...

Lão Sóc chợt ngừng lại. Vì lão vừa thấy ai như con Nuôi hót ha hót hải chạy xuống từ phía chùa Quảng-Triệu. Mà chính con Nuôi thật. Hẳn vừa chạy vừa quăn lại đuôi tóc, thờ hồng hộc. Hẳn chạy thẳng đến ghe lão Sóc, vẻ mặt hẳn hốt hoảng, tay chân hẳn run run. Lão Sóc hỏi mau :

— Chuyện chi rứa Nuôi ?

Con Nuôi trả lời ấp a ấp úng :

— Dạ dì Năm... răng mà dì Năm lạnh hết chân tay... Tui sợ quá...

Lão Sóc và thằng Sóc cùng nhảy lên bờ một lần. Mụ Sóc tốc mền ngồi dậy, chòm mình ra phía ngoài khoan ghe... Lão Sóc nói với lại :

— Tui lên coi thử ra răng.

Rồi con Nuôi chạy trước, thằng Sóc chạy theo sau, lão Sóc sải thật mau từng bước dài theo hai đứa. Lũ con nhỏ của lão kêu « cha » ơ ơ, muốn bỏ dở cuộc chơi. Lão Sóc quát lớn :

— Ở đó. Thằng Sóc - em xuống ghe với mẹ mi. Chạy theo, tau đánh chết.

Lũ trẻ dừng lại, ngơ ngác, như cả bầy ngỗng đực. Thằng Sóc - em không

xuống ghe như lão Sóc đã bảo. Hấn quay lại, nói với lũ trẻ :

— Chừ « ve ve trốn bắt » bây.

Cả bọn chạy ủa đến bãi cỏ, vừa reo lên : « ve ve trốn bắt, ve ve trốn bắt... »

Khuya hôm ấy, Bà Năm, dì con Nuôi, tắt thở trong chiếc thuyền bé nhỏ, dưới Chùa Cầu Nhật Bồn. Vì già yếu. Vì bệnh hoạn. Và, theo nhiều người khác, chắc vì gió độc. Lão Sóc, thằng Sóc, con Nuôi và cả mụ Sóc đều tin như vậy.



BÀ Năm chết, con Nuôi hưởng gia tài. Gia tài của Bà Năm để lại gồm có bảy trăm đồng bạc mặt, dấu kỹ dưới đáy rương, chiếc ghe nhỏ bé ọp ẹp, muốn hư nát và thằng Cu lên bốn tuổi. Con Nuôi đã là người đứng nước lã, thằng Cu kia cũng chẳng dính dấp đến ruột thịt của Bà Năm một chút nào.

Người ta còn nhớ cách đây bốn năm, Bà Năm nhặt được một mớ thịt người bỏ trong bụi rậm gần nhà Thờ Đạo, ngoài xóm Mới. Mớ thịt người ấy là đứa hài nhi vô tội đáng lẽ đã bị kiến lửa cắn chết rồi, vì lòng dạ thú vật của một người đàn bà chữa hoang nào đó. Bà Năm không giàu có gì, nhưng « Ông Trời » đã cho Bà gặp cái cảnh thương tâm ấy chẳng khác gì buộc Bà phải làm một việc thiện. Bà thường nói với mọi người rằng hồi năm trước, ông Thầy Ba Chính (2) có bói cho Bà một quẻ ; quẻ ấy dạy rằng đến năm ấy, tuổi ấy, gia đạo của Bà sẽ gặp chuyện bất tường ; nếu không gặp chuyện bất tường

thì bần mạng của Bà có thể lâm nguy. Số mạng của Bà đã như thế thì Bà chịu như thế. Bà tin rằng đứa hài nhi này chính là điều bất tường mà Ông Trời đã cho Bà bắt gặp để gánh vác dùm tai nạn cho bần mạng của Bà. Điều ấy không lấy gì làm chắc, nên dù có nghe, thiên hạ cũng dễ ngoài tai. Điều mà cả vạ ghe xóm Chùa Cầu biết rõ là Bà Năm cố nuôi thằng bé lạc lòi ấy để sau này, khi trái gió trở trời, có người lo chén cơm bát nước ; và khi Bà trăm tuổi già, cũng có kẻ giữ cái lư hương khỏi lạnh.

Thằng Cu lên được hai tuổi thì bỗng dưng tắt đến cho Bà một nhân mạng thứ hai là con Nuôi. Bà nhận lãnh vì chút thâm tình quen biết với mẹ con Nuôi, hồi trước. Và cũng vì Bà tin quẻ bói của ông Thầy Ba Chính.

Không ngờ, nay Bà Năm bỏ thằng Cu và con Nuôi lại trần gian mà đi sớm quá, chung quanh không một kẻ bà con ruột thịt. Ba con người, ba định mệnh. Cùng gặp nhau rồi cùng chia tay nhau trong một cái khoang thuyền nhỏ hẹp. Cuộc chia ly không đến nỗi cô lạnh. Dù sao, cũng còn có một bàn tay nóng ấm vuốt trên khuôn mặt đề cập mắt của Bà Năm nhắm kín lại.

Bảy trăm đồng bạc mặt đâu có nhiều nhận gì. Cho là tạm đủ để chôn liệm một cuộc đời tứ cố vô thân.

Tống táng xong, con Nuôi chỉ còn lại hai bàn tay trắng, và cảm thấy có một sự nghiêng lệch, chòng chành trong cuộc đời của hắn. Tối tối, ru thằng Cu ngủ xong, hắn lặng thinh ngồi ngắm cái bàn thờ Bà Năm, cái khoang ghe trống trải,

suy nghĩ mông lung ; rồi tự nhiên nước mắt cứ chảy tràn đôi gò má. Thế là thằng Sóc phải vỗ về, an ủi con Nuôi đủ lời, đủ cách.

Trong lúc ấy, vợ chồng lão Sóc cân nhắc lại cái đám cưới trong tháng giêng, sắp tới. Vợ chồng lão nghĩ rằng Bà Năm vừa mới mất, mà nay làm lễ cưới cho con Nuôi, không biết có tiện hay không. Cưới, thì thiên hạ có thể cho rằng vợ chồng lão là người không biết chuyện. Còn không cưới, thì phải chờ đợi ít nhất là một năm cho xao lãng cái cảnh ma chay, tống táng. Một năm, ba trăm sáu mươi lăm ngày... trai gái đã yêu thương nhau, đã làm lễ bỏ trầu cau (3), mà kéo dài ngày cưới, xét ra nhiều bất tiện. Một là có thể vì sự dè dặt của người ngoại cuộc, chúng nó thay đổi ý kiến bất ngờ thì hư việc. Còn như hai đứa quá khẩn khít với nhau, nhất là con Nuôi ở một mình trong chiếc ghe dưới Chùa Cầu Nhật Bản... rủi ro mà chúng nó « lơ dại » với nhau, chắc không khỏi tiếng đời khinh khi, mai mỉa. Vợ chồng lão Sóc không biết tính toán thế nào cho phải lẽ, nên đành dùng một mưu chước : mụ Sóc bịa cái tin đám cưới con Nuôi và thằng Sóc, rồi lão Sóc dò la dư luận trong vạn ghe. May quá, phần đông đều cho rằng : « Con Nuôi có bà con cật ruột chi với Bà Năm đâu, có tang chế chi đâu mà kiên cử ? Hai đứa thương nhau thì để chúng nó lập nên gia thất sớm ngày nào tốt ngày ấy. « Bỏ trầu cau » rồi thì coi như đã thành vợ thành chồng, trước sau rồi cũng cưới. Cưới sớm sớm cho bà con hàng xóm ăn miếng trầu, uống ly rượu. »

Vợ chồng lão Sóc yên tâm. Con Nuôi và thằng Sóc cũng vui vui trong bụng. Nhưng, thằng Sóc vẫn băn khoăn về chuyện làm nhà. Đưa ông Táo rồi mà hẵn chưa nghe cha mẹ hẵn nói gì cả. Thỉnh thoảng, hẵn thấy cha hẵn nói chuyện thì thăm với mẹ hẵn. Khi hẵn đến gần, hai người lại nín thinh. Suốt mấy ngày liền, hẵn suy nghĩ lung lắm. Đêm nào hẵn cũng đến thăm con Nuôi, nói chuyện ngày Xuân, ngày Tết, nhưng hẵn chưa dám đề động đến chuyện làm nhà, làm lễ cưới trên mặt đất.

Hăm lăm tháng chạp. Gia đình lão Sóc cũng cúng rước Phật (4) như mọi người. Đáng lẽ, trong bữa cơm chiều tất niên này có mặt cả con Nuôi. Nhưng, con Nuôi đau đầu nên không đến được. Thằng Sóc lừa qua loa vài chén cơm rồi vội vàng xách thức ăn, đi một mạch về phía Chùa Cầu. Vợ chồng lão Sóc chỉ nhìn nhau mỉm cười.

Ăn uống xong, lão Sóc lại quán một điều thuốc rê thật lớn, châm lửa rồi lên bờ như thường lệ. Lão chậm rãi đi thẳng lên chùa Quảng-Triệu. Đến ngã ba đường, lão ngập ngừng một chút, định xuống chợ chơi ; nhưng, lão chợt nghĩ nên đến thăm con Nuôi một chút. Lão đi quanh xuống phía dưới Chùa Cầu, lội nước bì bõm, rồi bước lên sau lái chiếc ghe nhỏ bé. Con Nuôi vội ngồi dậy, vừa vấn lại đuôi tóc, nói nhỏ :

— Thưa cha.

— Chớ đau răng đó ?

— Dạ nhức đầu sơ sơ thôi.

— Ăn uống chi chưa ?

Con Nuôi khẽ nhìn thằng Sóc, ngập ngừng... Thằng Sóc trả lời :

— Tui có nấu cho hăn miếng cháo. Hăn mới ăn xong, tui biếu hăn trùm mền cho đồ mồ hôi.

Lão Sóc gật đầu :

—Ừ, đồ mồ hôi được nhiều thì mau bớt. Rồi ba người yên lặng. Chợt nghe tiếng bàn chân nặng nề đồ xuống dốc, tiếng nước khua rộn rộn, bì bạch đập vào be ghe. Mụ Sóc đột nhiên xuất hiện trước ánh đèn dầu vàng vọt.

Lão Sóc, thăng Sóc, con Nuôi lặng thình nhình mụ. Mụ Sóc nói với lão Sóc:

— Ông về nói chuyện với ông Khá, yên Thanh-Hà (5) mới xuống, trả lời về vụ mấy ngàn gạch.

Lão Sóc vội vã bước mau lên đường cái. Mụ Sóc nghiêng mặt vào trong khoang ghe, hỏi :

— Đâu chỉ đó Nuôi ?

Con Nuôi lết ra phía ngoài một chút trả lời :

— Dạ nhức đầu sơ sơ thôi.

Thăng Sóc chợt hỏi :

— Có ai dặn mua gạch đầu mà cha nhần ông Khá xuống hờ mạ ?

Mụ Sóc mỉm cười :

— Mua gạch đề ra giềng làm nhà cho hai đứa bây đó, chớ có ai làm nhà làm cửa chi bữa nì nữa.

Rồi mụ lần từ túi áo ra một cái ve nhỏ xiu, đưa cho thăng Sóc :

— Nè, xúc cho hăn chút dầu Nhị Thiên Đường, trùm mền lại cho kín, đồ mồ hôi nhiều thì mau bớt. Tau về đã, nghe.

Mụ Sóc mang cái bụng chửa ị ạch leo lên cái dốc ngắn bên Chùa Cầu Nhật Bồn. Lên đến mặt đường cái, mụ thở một hơi dài, rồi còn ngoái cồ xuống, dặn thêm :

— Biếu con Nuôi cứ gió cho kỹ, nghe. Gió máy độc địa lắm đó...

Trong khoang ghe nhỏ hẹp, con Nuôi và thăng Sóc nhìn nhau, đôi mắt sáng long lanh. Tưởng cả hai đứa đều muốn khóc.

— Em vô nằm cho khỏe.

Con Nuôi lết vào giữa khoang thuyền, nằm xuống bên thăng Cu đang ngủ say sưa.

Thăng Sóc kéo cái mền cũ đắp lên người con Nuôi, trùm kín cả mái tóc đồ xòa. Cái mền nhỏ quá không che hết thân mình, một cánh tay của con Nuôi bỏ xuôi trên mặt chiếu. Thăng Sóc nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay của con Nuôi. Yên lặng.

Một tràng pháo vọng đến từ một ngã đường nào xa lắm.

Nghe vui vui và rộn rộn trong lòng.

LƯU-NGHI



CHÚ THÍCH :

(1) Tại Hội An (Trung Việt), có một cái cầu gỗ, bắc ngang một mương nước nhỏ. Ngay trên cầu là một cái chùa, cầu này do người Nhật Bản xây dựng cách đây khoảng 300 năm, nên gọi là Chùa Cầu Nhật Bản. Cầu làm từ năm Thân (tức là năm Khi), và xong năm Tuất (tức là năm Chó), nên ở hai đầu cầu có đặt bốn cái tượng : hai tượng con khi và hai tượng con chó, đánh dấu khoảng thời gian làm cầu là 3 năm. Nhưng, người Hội An quen gọi là bốn con khi Chùa Cầu (vì tượng chó không khác tượng khi cho lắm). Thành ngữ « Con khi chùa Cầu » đến nay còn có nghĩa

thông thường, đối với người Hội An, đề mắng nhiếc hoặc châm biếm một người nào làm điều xấu hoặc có hình dáng kỳ dị.

(2) Ông Thầy Ba Chính là một ông Thầy bói rất quen thuộc tại Hội An, và được rất nhiều người tin lời bói toán.

(3) Lễ bỏ trâu cau là lễ hội.

(4) Trước ngày rước ông bà vào ngày 30 Tết, thường có lễ cúng rước Phật trước vào ngày 25 tháng chạp.

(5) Thanh-Hà là một làng cách Hội - An 3 cây số ngàn về hướng Tây, chuyên nghề nung gạch, ngói bán khắp tỉnh Quảng-Nam.

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Cùng các bạn của Bách-Khoa :

Sau khi ra số đặc biệt lễ Giáng-sinh, chúng tôi được nhiều bạn hoan nghênh sáng kiến này, và mong mỗi qua năm mới Bách-khoa sẽ ra những số đặc biệt về :

- **Phật-giáo**, nhân ngày Phật-đản.
- **Khổng-giáo**, nhân ngày Khổng-đản.
- **Phụ-nữ**, nhân ngày giỗ Hai Bà...
- **Thanh, thiếu niên**, nhân ngày giỗ đức Phù-Đổng.
- **Nhi-đồng**, nhân Tết Trung-thu

Điều các bạn mong mỗi cũng đúng là điều mong mỗi của chúng tôi. Song có thực hiện được hay không, một phần lớn là do các bạn.

Vậy từ bây giờ, xin các bạn góp cho ý kiến, tài liệu và bài vở về những số dự kiến trên đây.

Chúng tôi xin đa tạ.

BÁCH-KHOA



L.M. Bích-Quang : Sẽ đăng trong những số tới « Thuyết tính thiện » và « Tinh ác » với việc giáo dục ». Mong Cha gửi thêm nữa cho.

Ô. P.I.N. Chúng tôi đã nhận được bài « Nhân bản về nho giáo, những sự sai lạc ngày nay ». Chúng tôi muốn được trao đổi một vài ý kiến với ông, trước khi cho đăng bài đó. Vậy xin ông cho biết tên thực cùng địa chỉ hiện tại để chúng tôi tiện liên lạc, hoặc xin mời ông ghé qua Tòa-soạn ở 160 Phan-Đình-Phùng Saigon, trong những giờ làm việc nếu ông ở Saigon và có thì giờ rảnh. Rất mong tin Ông.

Ô. Phạm-Lê-Phan : Chúng tôi sẽ đăng « Những trang nhật ký » trong những số tới, nhưng muốn được gặp ông để trao đổi ý kiến. Vậy kính mời ông ghé qua Tòa-soạn trong những giờ làm việc cho chúng tôi được cùng ông hội ý.

Trường Linh : Sẽ đăng « Thuyền trăng ». Xin cứ gửi tiếp thêm.

Các bài đã nhận được :

Món nữ trang (Bản dịch của Triều-Sơn) The darling (Bản dịch của Kim-Lương), Trận bão đầu năm (Huyền-Anh). Trả lời (Xuân-Vĩnh). Trường ca sông Phố. Mười năm (Lê-Hùng). Gặp nhau (Nguyễn-Phan-Quế).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được :

- « **Đây... Bắc-Việt 1957** » (Tập I) của **Lã-huy-Quỳ**, dày 74 trang, giá 40\$ do nhà Giám đốc Thông-Tin gửi tặng. « **Đây Bắc-Việt 1957** » nói lên đời sống vô cùng cực khổ và phong trào đấu tranh chống Cộng của tri thức, sinh viên và học sinh miền Bắc, và câu chuyện vượt tuyến của chính bản thân tác giả.
- « **Đời phi công** » tập đoản thiên của **Toàn-Phong** do tác giả gửi tặng. « **Đời phi công** » nói lên sự rung cảm của tác giả trong những cuộc phi hành.

Sách dày 179 trang, trình bày mỹ thuật, giá bán 35\$,00.

- « **Ngôn ngữ học Việt - Nam** » của **Nguyễn-bạt-Tuy** do tác giả gửi tặng. Sách dày 220 trang, giá 45\$.
- « **Những nhà văn hóa mới** » của **Nguyễn-nam-Châu** do nhà sách **Nam-Sơn 36 Nguyễn-an-Ninh Sài-gòn** gửi tặng, sách trình bày mỹ thuật, dày 249 trang, giá 50\$.
- « **Tạp chí Đại học số 7** » (tháng 1-1959) cũng do nhà sách **Nam-Sơn** gửi tặng. Tạp chí dày 173 trang, gồm nhiều bài đặc sắc của các cây bút giá trị.
- « **Hoa thi** », thi phẩm của **Vì-Sơn Lương-trọng-Minh**, do tác giả gửi tặng. Sách dày 32 trang, giá 15\$.

Bách-Khoa xin trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản **Nam-Sơn** và xin giới thiệu cùng đọc giả.

ĐÓN ĐỌC :

GIÁO - DỤC PHỔ - THÔNG

Số XUÂN KỶ - HỢI (1959)



- Một tập tuyển đặc sắc về Văn-học và Văn nghệ.
- Một tập trung của nhiều cây viết hữu danh Thủ đô và các tỉnh.
- Quý Bạn sẽ rất hài lòng với Giáo-Dục Phổ-Thông, số XUÂN KỶ-HỢI vì bài vở chọn lọc, vui tươi, trình bày trang nhã.



Giá bán lại phổ thông.

Phát hành vào ngày 23 tháng chạp.

VIỆT NAM BẢO HIỂM PHẬT BÀ



Công Ty bảo hiểm người Việt

Đầy đủ Uy Tín và Kinh Nghiệm



Bao bọc tất cả hiểm nguy

Trụ sở : 13 Đ. Pasteur Saigon

Đ.T. : 23529

Nhân dịp Xuân Kỷ-Hợi COSUNAM FILMS kính chúc
quý vị một năm đầy đủ Phước-Lộc-Thọ.

Để làm vui lòng quý khán giả đã từ lâu ủng hộ, chúng tôi
hân hạnh trình bày dưới đây những sản phẩm chọn lọc mà chúng
tôi sẽ lần lượt chiếu trong các màn ảnh Đô-Thành và trong toàn
cõi Việt-Nam.

Les travaux d'Hercule

Steve Reeves, Sylvia Koscina.
Cinemascope Eastmancolor.

A Paris tous les deux

Fernandel, Bop Hope
Technirama, Technicolor.

**Un Américain bien
tranquille**

Phim đã quay ở Saigon
Audie Murphy, Michael
Redgrave, Georgia Moll.

Sans Famille

Phỏng theo tiểu thuyết bất hủ
của nhà văn hào Hector Malot.

Témoin à charge

Cuốn phim cuối cùng của
Tyrone Power, Marlène
Diétrich, Charles Laughton.

Les Vikings

Kirk Douglas, Tony Curtis,
Janet Leigh.
Technirama, Technicolor.

Le commando sacrifié

Léo Geun, Kieron Moore.
Cinemascope.

La cité disparue

John Wayne, Sophia Loren,
Rossano Brazzi.
Technirama, Technicolor.

Diables au Soleil

Frank Sinatra, Tony Curtis,
Natalie Wood.

**Whisky Vodka et
Japon de fer**

Bop Hope, Katherine Hepbwin
Vistavision, Technicolor.

Le Tour du Monde en 80 jours

Cinemascope Technicolor

50 tài tử thượng, thặng của điện ảnh Quốc-tế.



COSUNAM FILMS

175 Đại-lộ Nguyễn-thái-Học
SAIGON

Hãng METRO GOLDWYN MAYER tại Việt-Nam kính chúc
quí vị một năm mới đầy hạnh phúc và thịnh vượng.

Chúng tôi hân hạnh giới thiệu những cuốn phim đặc sắc
đầu tiên trong Tết : 1959 HÃNG M.G.M. DẪN ĐẦU.

**ĐẠI-NAM
và
KHẢI-HOÀN**

DANNY KAYE
PIER ANGELI, BACCALONI

La Fou du Cirque

MÀU MÉTROCOLOR
CINÉMASCOPE

Cuốn phim đặc sắc nhất
từ trước tới nay của vua
hề Danny Kaye

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT.

OSCAR

**La fureur
des hommes**

DON MURRAY
DIANE VARSI

Một phim phiêu lưu mạo
hiểm và tàn bạo nhất của
lịch sử điện ảnh.

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT NGỮ

MAJESTIC và PALACE

LES IE CARON
MAURICE CHEVALIER
LOUIS JOURDAN

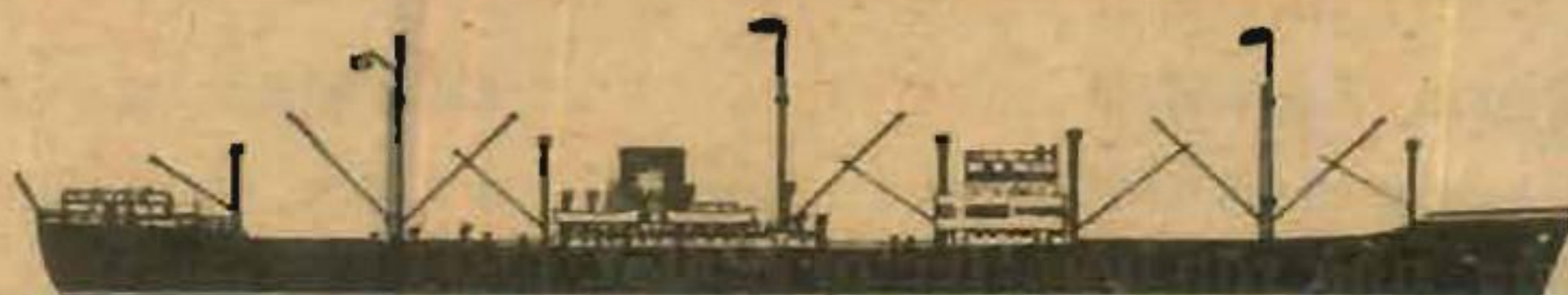
GIGI

MÀU MÉTROCOLOR
CINÉMASCOPE

Phỏng theo kịch bản lừng
danh thế giới của nữ văn
gia Colette. Lần này
« Gigi » quay tại Pháp và
lồng trong khung cảnh ca
nhạc, tưng bừng, huyền ảo.

NÓI TIẾNG PHÁP
PHỤ ĐỀ CHỮ VIỆT

**MAERSK
LINE**



A. P. Moller

8, Kongens Nytorv

COPENHAGEN. K. Denmark

Services réguliers entre Est Canada-Côtes Est et Ouest
des USA avec les principaux Ports d'Extrême-Orient

AGENTS AU VIETNAM
PLANTATIONS DES TERRES ROUGES

236, Duong Cong-Ly — Saigon

Tél. : 20.338 - 39 - 40

PRODUITS GEVAERT

PAPIERS

PRODUITS CHIMIQUES

FILMS AMATEURS

FILMS AVIATION

FILMS ARTS GRAPHIQUES

FILMS RADIOGRAPHIQUES

FILMS CINEMA PROFESSIONNELS

FILMS POUR DOCUMENTS

PAPIERS POUR DOCUMENTS

BANDES MAGNETIQUES



INDOCHINE PHOTO

57, Đường Tự Do

AGENTS EXCLUSIFS



Gipsy

một loại xe hai dít mới nhất
và đặc biệt nhất của Hãng

AUSTIN

Nhún rất êm, dầu cho đường hết sức xấu ! Có hai loại máy :

— chạy bằng essence, giá phồng định mỗi chiếc : 136.000\$.

— chạy bằng diesel, » » » » : 156.000\$.

Quý ngài muốn cần biết thêm chi tiết và đặt mua loại xe này,
xin đi nơi :

SOCIETE DES GARAGES CHARNER

131-133, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Đ. T. 20.423 — 22.531 — 21.124

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam.

Prochainement à Saigon

Vous aurez le plaisir de voir au Cinéma
l'un des meilleurs films de cette année

MOI ET LE COLONEL

avec

Danny Kaye - Curt Jurgens et Nicole Maurey

Comme tous les films de grande classe,
ce film est distribué par la

Columbia Films Of Việt-Nam, LTD

23, RUE GIA - LONG — Tél. : Saigon 418



HÀNG NAM-THANH và THERMOR

31 Nguyễn-Văn-Thỉnh
SAIGON

Đ. T. 23.951

Chuyên bán đồ điện,
máy điện, máy nấu.

Lãnh chạy dây đèn và
làm hệ-thống điện.

CUNG CHÚC
TÂN-XUÂN

Chủ nhân :
NGUYEN-HUU-THAT

THE BANK OF EAST ASIA, LTD (*DONG-A NGAN-HANG*)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy
Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia
Siège Social : Nº 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Agences et Correspondant dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp
với phân **THẦN-NÔNG**

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGILIASTRO & C^l^o S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

**Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng**



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra .



→ Chất dễ pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng

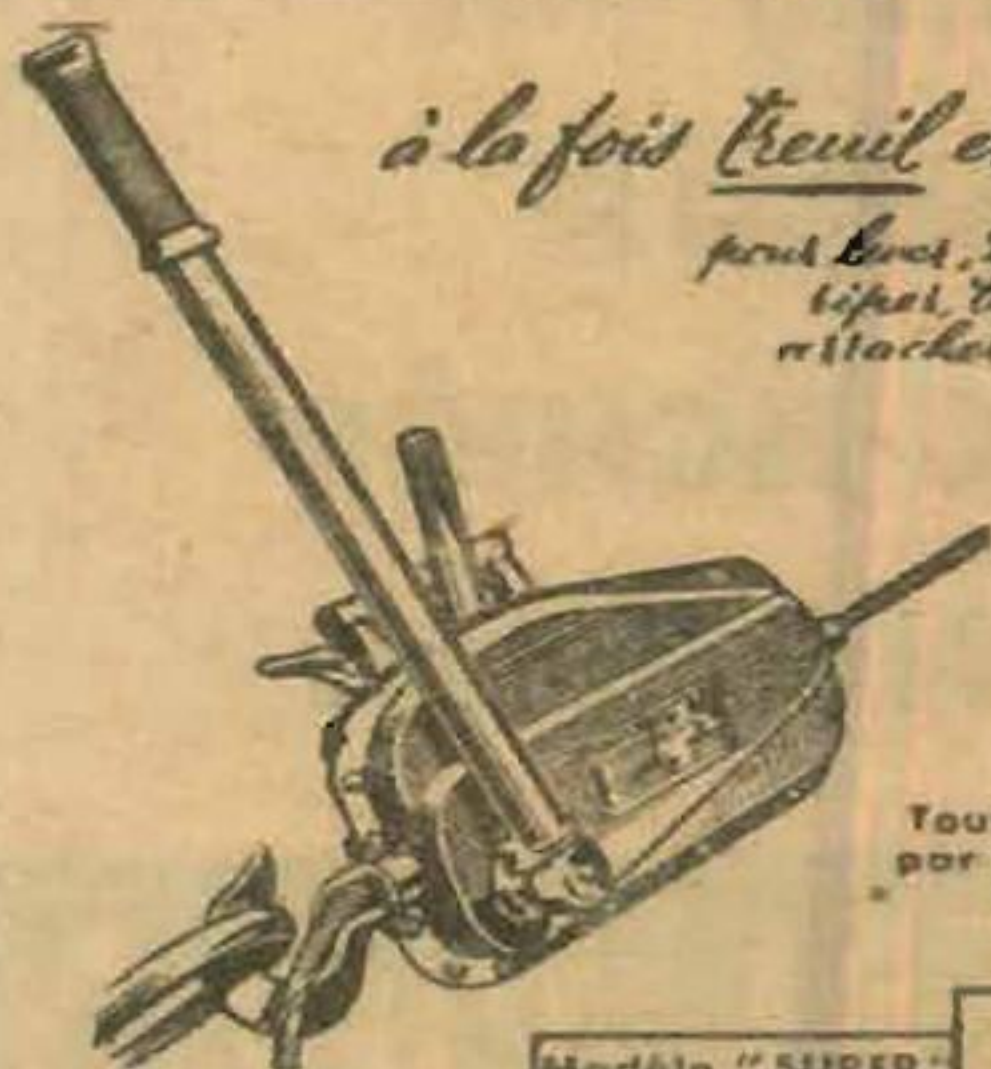


→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour bruts, câbles
trepas, tendres
attachés et...*

6
avantages du
TIREFOR
(2^e série)

Toutes forces
par mouflage
facile

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doubles.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Travail saut)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

Tirefor rend
1000 services!
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

- DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219
Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do — SAIGON

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỀ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « HERMÈS »



ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SI VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O.
IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

A cigarette pack for the 'Cigaret King' brand. The pack is white with a black and gold design. It features a crown logo at the top and the words 'Cigaret King' in a stylized font. The word 'CIGARETTES' is printed below the brand name. The pack is shown at an angle, with a single cigarette visible at the top. The background of the advertisement is dark, with the brand name 'Cigaret King' repeated in large, stylized letters on the right side. Above the brand name, the text 'Thuốc thơm hảo hạng' is written in a cursive script.

Thuốc thơm
hảo hạng

Cigaret King

CIGARETTES

Cigaret King

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

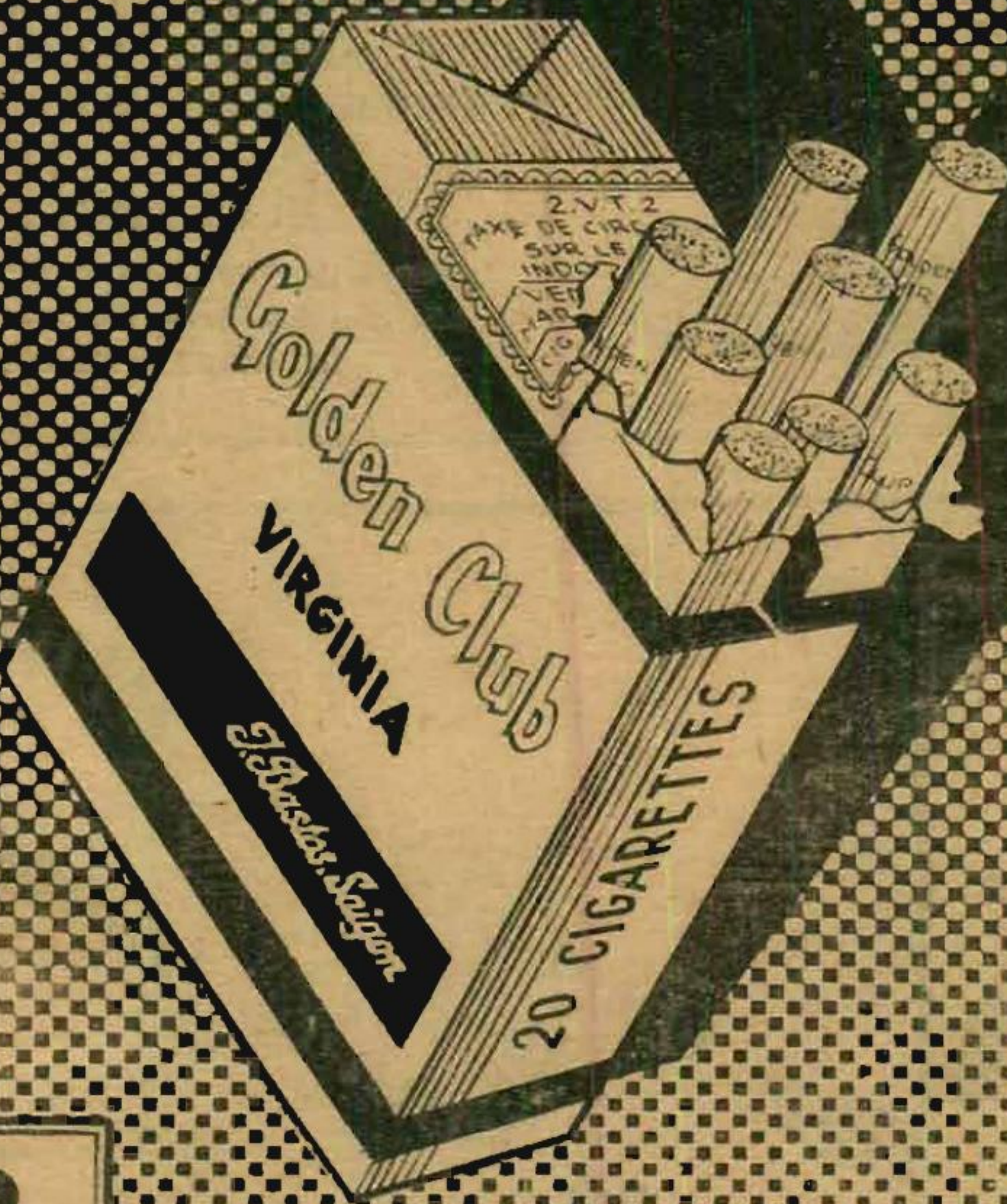
Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Golden Club

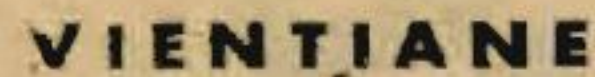


Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

VIENTIANE

DIMANCHE — VOL DIRECT

MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO



HONGKONG

SIEMREAP

LUANGPRABANG

MUONGSING

SAMNEUA

AIRLAOS

Renseignements & Reservations

65, Rue Lê-Thành-Tôn ::- SAIGON

Tél. 22102 et Card 34



BLUE
BIRD

Dùng Hộp
phụng-sự

Quét
là
nền kinh-tế

BLUE
BIRD

Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)
346, Bến Vân-Đồn
Đ. Thoại 21.950
Đ. Tín Forestière

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(S I F A)

346, Bến Văn-Đồn

B. Thoi 21.950

B. Tin Forestière

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

135, Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ

(ex Chorney)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ: 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

XƯỞNG CAO-SU VIỆT-NAM

CHÂU-BÁ

674-676, PHAN-THANH-GIẢN — SAIGON

DIỆN-THOẠI 23.314

SẢN-XUẤT:



- BONG-BÓNG CAO-SU ĐỦ MÀU SẮC

(Ballons d'enfants)



- ÔNG NHỎ GIỌT (Compte-gouttes)



- NÚM-VÚ TRÈ-EM BÚ SỮA VÀ NGÂM CHƠI

Tétine



- BAO-TAY CAO-SU CHO BÁC-SĨ VÀ THỢ-THUYỀN

(Gants latex)

CHÉN GẠT BỘT LƯỚI ĐAO CẠO

(Essuie-rasoirs)



- ĐÁP VỎ XE HƠI VỚI KHUÔN NGUYÊN

(Gai đọt , lấu mòn)

- VÁ VỎ XE HƠI VỚI MÁY FIT

(Dùng băng hơi nước)

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC



Nhà sách PHÚC-THÀNH
58, Đại lộ Lê-Lợi-Saigon

TÁC GIẢ
160, Phan-dinh-Phung, — Saigon
Giấy in : 25.559
Giá : 15 đồng